



**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NĂM 2024**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 08 năm 2024

MỤC LỤC

Danh mục các từ viết tắt	2
Phần I: Giới thiệu về Trường	3
Phần II: Kết quả tự đánh giá của Trường	18
Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	33
Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	53
Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	70
Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	87
Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	99
Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	115
Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	127
Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	137
Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	148
Phần III: Tổng hợp kế hoạch nâng cao chất lượng	157
Phần IV: Kết luận, kiến nghị	160
Phụ lục	161

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Nội dung
1.	BCH	Ban chấp hành
2.	BGH	Ban giám hiệu
3.	Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội
4.	CB, GV, NV	Cán bộ, Giảng viên, Nhân viên
5.	CD	Cao đẳng
6.	CNTT	Công nghệ thông tin
7.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
8.	CSVC	Cơ sở vật chất
9.	ĐH	Đại học
10.	HSSV	Học sinh, Sinh viên
11.	KTTC	Kế toán Tài chính
12.	KTX	Ký túc xá
13.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
14.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
15.	QĐ	Quyết định
16.	TC	Trung cấp
17.	TC-HC	Tổ chức hành chính
18.	Tp.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
19.	TTKT&KĐCL	Trung tâm khảo thí và Kiểm định chất lượng
20.	VP	Văn phòng
21.	TP	Trưởng phòng
22.	GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

Trường cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Công Thương, được thành lập ngày 20/10/1976, với tên gọi là Trường Nghiệp vụ Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ. Đến ngày 30/7/1991 Trường được đổi tên thành Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ Thủ Đức, trực thuộc Bộ Công Nghiệp nhẹ. Đến năm 2000 Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Công Nghiệp II, theo quyết định số 5945/QĐ-BGD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2009 đổi tên thành Trường cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 418/QĐ-BGD&ĐT ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tin liên hệ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (viết tắt: CĐTCT); tên tiếng anh là Ho Chi Minh City Industry and Trade College (viết tắt: HITC).

Địa chỉ: Số 20 Tăng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37313631. Số fax: 028.38978501

Email: ttktkdcl@hitu.edu.vn ; Website: www.hitu.edu.vn

II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG

1. Khái quát về lịch sử phát triển của trường

Đến năm 2024, trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh đã có lịch sử phát triển 48 năm với 4 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1 (Từ 20/10/1976 đến 30/07/1991):**

Trường Nghiệp vụ Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ, đào tạo hệ trung cấp chuyên nghiệp, kỹ thuật viên 7 ngành kỹ thuật và nghiệp vụ thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ: dệt, sợi, may, nhuộm, giấy, tổ chức sản xuất, lao động – tiền lương. Bên cạnh đó, trường còn đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý làm việc trong ngành công nghiệp nhẹ ở khu vực miền Nam, với các chức danh từ tổ trưởng sản xuất, chuyên trưởng đến quản đốc, giám đốc xí nghiệp, thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ. Từ con số 500 sinh viên vào năm học 1976 - 1977 đến năm học 1990 - 1991 đã lên đến 2.000 sinh viên theo học tại trường.

• **Giai đoạn 2 (Từ 30/07/1991 đến 27/12/2000):**

Trường phát triển và đổi tên thành Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ Thủ Đức trực thuộc Bộ Công nghiệp, được phép đào tạo thêm một số ngành:

- Đào tạo thêm 5 ngành đối với trình độ trung cấp chuyên nghiệp và trung học nghề.

- Đào tạo công nhân kỹ thuật đối với 10 ngành.

- Liên kết với trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp I, đào tạo bậc cao đẳng chính quy được 3 khóa.

- Chuẩn bị đủ điều kiện để nâng cấp thành trường cao đẳng.

Trong năm học 1999 – 2000, đã có 5.000 sinh viên học tại trường.

• **Giai đoạn 3 (Từ 27/12/2000 đến 20/01/2009):**

Trường chính thức được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II trực thuộc Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương), trường thực hiện thêm các nhiệm vụ sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng, hệ chính quy đối với 19 ngành.

- Đào tạo trung cấp nghề.

- Đào tạo liên thông thí điểm đối với 3 ngành kế toán, công nghệ dệt, công nghệ kỹ thuật cơ khí.

- Liên kết với 2 trường Đại học đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.

Năm học 2008 – 2009, số sinh viên của trường lên đến 12.804 người theo học.

• **Giai đoạn 4 (Từ 20/01/2009 đến nay: tháng 3/2024):**

Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh, trực thuộc Bộ Công Thương. Đây là thời điểm đầu của giai đoạn phát triển thứ tư của nhà trường với định hướng phấn đấu trở thành Trường Cao đẳng chất lượng cao trong hệ thống các trường Đại học, Cao đẳng tại Việt Nam.

2. Những thành tích nổi bật của trường

Với nhiều thành tích đóng góp cho hoạt động giáo dục trong suốt 48 năm hoạt động, trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã đạt được một số thành tựu sau:

- Được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng ba (năm 1992), Huân chương lao động hạng nhì (năm 1997), Huân chương lao động

hạng nhất (năm 2001) và Huân chương độc lập hạng ba (năm 2006), Huân chương Độc lập hạng nhì (2011), Cờ thi đua xuất sắc do Chính phủ CHXHCN Việt Nam tặng (2012); Cờ thi đua cho tập thể Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM năm học 2021-2022 do Bộ Công Thương tặng

- Giảng viên của trường đạt được nhiều giải thưởng trong các Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố, cấp quốc gia như: 01 giải nhất, 02 giải ba, 02 giải khuyến khích Giáo viên dạy giỏi TP.HCM năm 2014; 01 giải ba Giáo viên dạy giỏi toàn quốc năm 2015; 03 giải nhì, 01 giải ba, 02 giải khuyến khích Giáo viên dạy giỏi TP.HCM năm 2016; 01 giải nhì, 01 giải ba Giáo viên dạy giỏi TP.HCM năm 2018; 02 giải khuyến khích Giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia năm 2018.

- Sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp đều có việc làm và đạt được một số thành công nhất định như: Phạm Xuân Trình (Tổng Giám đốc Tổng công ty Phong Phú; Phạm Phú Chung (Tổng Giám đốc Công ty Dệt Đông Nam); Lê Thanh Liêm (Tổng Giám đốc Công ty Phước Long); Nguyễn Văn Đạt (Giám đốc Công ty Hưng Phát Đạt); Ngô Văn Nhiệm (Giám đốc Công ty Dệt gia dụng Phong Phú); Nguyễn Thị Kim Yến (Phó Giám đốc Công ty nhựa Bình Minh); Ngô Văn Hòa (Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Thắng lợi), Dương Quốc Thủy (Tổng giám đốc Công ty Đất Xanh Tây Nam Bộ, chủ tịch HĐQT Đất Xanh An Giang), Ngô Quốc Trụ (Giám đốc Nhà máy dệt, Tổng Cty Việt Thắng), Đỗ Hải (Giám đốc điều hành, TY CP Đầu tư Phát triển VINATEX Thuộc Tập Đoàn Dệt May Việt Nam), Nguyễn Xuân Ninh (Giám đốc, Công ty TNHH Công nghệ Hoàng Phát), Huỳnh Cân (Giám đốc, Công ty Cổ phần Cơ điện Nam Hòa), ...

Sinh viên hiện đang theo học tại trường cũng rất tích cực tham gia cuộc thi sáng tạo Robot Việt Nam, vào được vòng chung kết toàn quốc 3 năm liền (2007, 2008 và 2013), trong đó, năm 2008, đạt được giải ba toàn quốc và giải thưởng Robot tự động tốt nhất. Nhóm dự án “GAC – Máy đo huyết áp thông minh”. Giải nhất cấp Quốc gia Startup Kite 2022.

- Trường chủ động liên kết đào tạo trong hợp tác quốc tế: được công nhận là cơ sở đào tạo của City and Guilds; được Tập đoàn dệt Texhong (Trung Quốc) đưa sinh viên của Trường sang Trung Quốc thực tập và nhận về làm việc trong cơ sở của họ đặt tại Việt Nam; được Trường Cao đẳng Swansea (Vương Quốc Anh) mời sang nước Anh trao đổi hợp tác đào tạo, mở ra triển vọng liên kết đào tạo bậc cao đẳng chính quy.

- Trường đã ký một số thỏa thuận liên kết đào tạo với ĐH Chosun Hàn Quốc, Học viện Genetic Computer Singapore, Học viện Hòa Xuân Đài Loan, hợp tác với cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Trường Đại học

Khoa học & Công nghệ Lunghwa, Trường Đại học Berjaya, Malaysia, Cơ quan Giáo dục IDP của Úc, Trường đang kết hợp với Hiệp hội Da – Giày – Túi xách Việt Nam (Lefaso) tham dự các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn gia công ngành giày da với sự hỗ trợ của Thương vụ Ý tại TP.HCM (ITA) và Hiệp hội doanh nghiệp da giày - thuộc da Ý (ASSOMAC)

- Giảng viên được đi học tập tại CHLB Đức, trường đã khai giảng lớp chất lượng cao đào tạo thí điểm cấp quốc tế ngành cắt gọt kim loại theo tiêu chuẩn của Châu Âu.

- Hoạt động hợp tác quốc tế luôn được nhà trường chú trọng:

+ Thực hiện 06 chương trình, dự án quốc tế với các nước như: Ủy ban Châu Âu 01 dự án, Đan Mạch 01 dự án, Hàn Quốc 02 dự án, Đài Loan 01 dự án, Hà Lan 01 dự án.

+ Tổ chức các hội thảo quốc tế tại trường: 02 hội thảo quốc tế trong khuôn khổ các dự án hợp tác với Ủy ban Châu Âu và Đan Mạch.

+ Số lượng giảng viên và sinh viên đi đào tạo tại nước ngoài tăng dần theo từng năm học.

+ Trường có 06 sinh viên đi học nâng cao trình độ tại Đài Loan; 04 sinh viên đi học tập ngắn hạn về ngành da giày tại Ý.

+ 21 cán bộ, giảng viên của trường đã được đi đào tạo, tham quan mô hình giảng dạy tiên tiến của các đối tác trong khuôn khổ hợp tác các dự án quốc tế với Phần Lan.

+ 03 giảng viên đi học tập và đào tạo tại Ấn Độ.

+ 03 giảng viên đi học tập tại Hàn Quốc về nghiệp vụ sư phạm giáo dục.

+ 03 giảng viên học tập khóa thiết kế giày do chuyên gia Ý đào tạo.

+ 01 giảng viên nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Đài Loan.

+ 01 giảng viên đi giảng dạy tại Hàn Quốc trong khuôn khổ chương trình hợp tác đào tạo tại giảng dạy giữa trường CĐ Công Thương TP.HCM và ĐH Jeonju Hàn Quốc

+ 06 giảng viên học tập ngắn hạn tại Đức.

+ Nhà trường đã mời chuyên gia Hàn Quốc hỗ trợ xây dựng đào tạo ngành CNTT cho trường.

+ 01 chuyên gia Hà Lan sang đào tạo kiến thức khởi nghiệp cho giảng viên và sinh viên nhà trường trong khuôn khổ dự án PUM giữa Hà Lan và trường CĐ Công Thương TP.HCM.

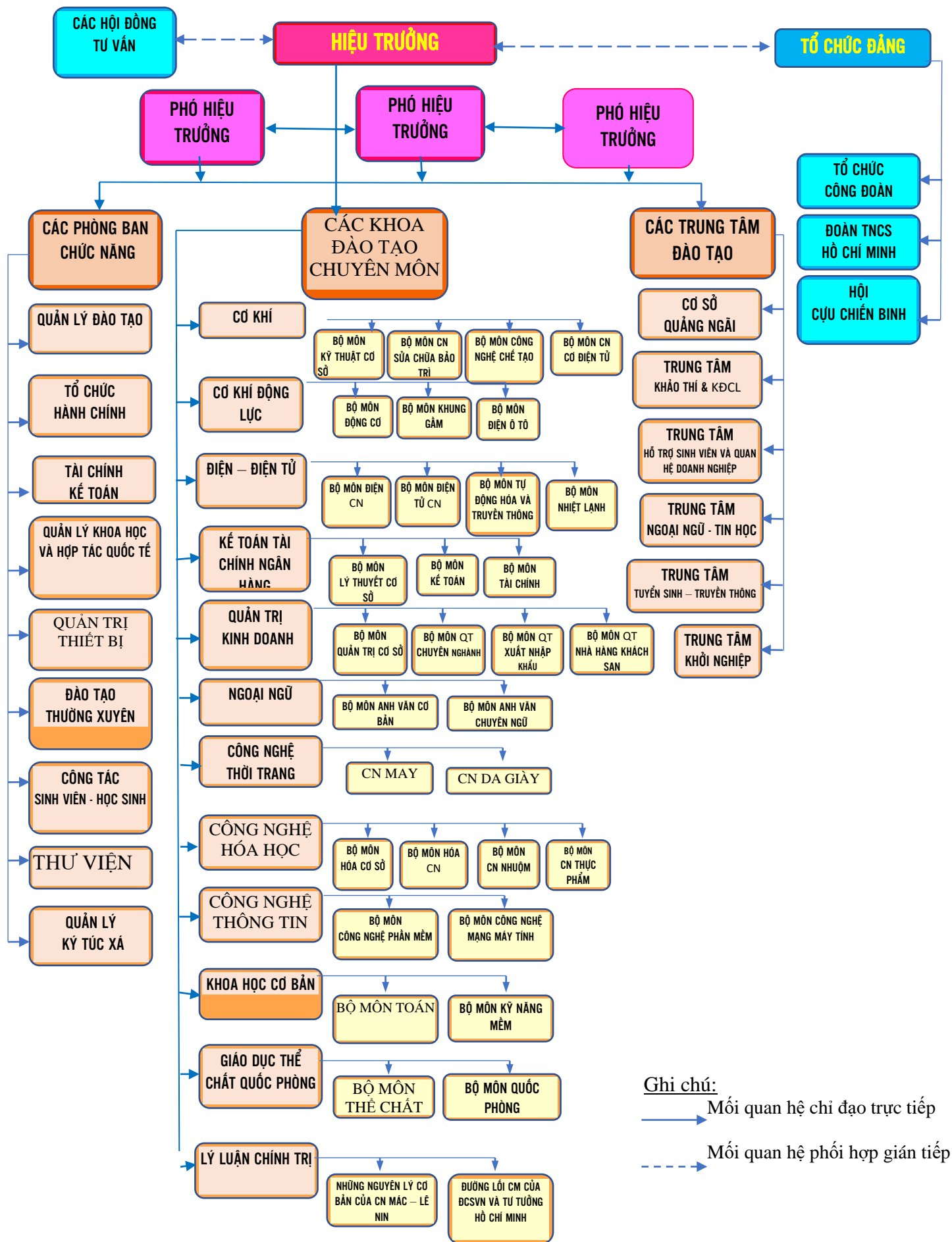
- + 01 giảng viên nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Nga
- + 03 giảng viên học tập ngắn hạn tại Đan Mạch trong khuôn khổ dự án VDV với Đan Mạch
- + 02 giảng viên và 20 sinh viên tham gia chương trình trao đổi sinh viên Việt Nam – Singapore tại Singapore 14 ngày và tại Việt Nam 14 ngày
- + Liên kết với dự án VDV tổ chức ngày hội việc làm cho sinh viên ngành công nghệ thực phẩm năm 2022 và năm 2023 thu hút hơn 200 sinh viên tham dự.
- + Trong khuôn khổ dự án VDV với Đan Mạch, hơn 12 giảng viên và chuyên viên được đào tạo về chủ đề “Kiểm định chất lượng trong đào tạo nghề” và “Xanh hóa”.
- + 07 giảng viên tham dự đào tạo về PLC-M221 do Trung tâm đào tạo xuất sắc (CoE) giữa Công ty Schneider và trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM kết hợp.
- + Đón tiếp hai đoàn sinh viên do công ty Skilio, Singapore giới thiệu đến giao lưu văn hóa tại trường.
- + Đón tiếp đoàn sinh viên Viện ITE, Singapore đến giao lưu văn hóa và tham quan doanh nghiệp tại Việt Nam.

- Trường được Bộ LĐ – TBXH phê duyệt và đầu tư tập trung cho 8 ngành trọng điểm theo quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH gồm các ngành cụ thể như sau: Cắt gọt kim loại, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử, Quản trị Nhà hàng & Dịch vụ ăn uống, Công nghệ Thực phẩm, Công nghệ Da giày và Công nghệ May. Đến nay Nhà trường đã tổ chức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo 8 ngành: CNKT Cơ khí, CNTT, Kế toán, QTKD, Tiếng Anh, CNKT Nhiệt, CNKT Cơ điện tử và ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống và đều đạt kết quả tốt.

- III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và nhân sự

1.1. Cơ cấu tổ chức:



Ghi chú:
→ Mọi quan hệ chỉ đạo trực tiếp
---→ Mọi quan hệ phối hợp gián tiếp

1.2. Cán bộ, nhân viên trong trường: (tính đến thời điểm tự đánh giá)

Tổng số cán bộ quản lý, nhân viên tính đến tháng 05 năm 2024 là: 351 người, trong đó:

Trong biên chế : 319 người

- Hợp đồng lao động : 32 người

1.3. **Đội ngũ giáo viên: (tính đến thời điểm tự đánh giá)**

Tổng số: 247 giảng viên, trong đó:

- Nam: 145 GV - Nữ: 102 GV

- Cơ hữu: 247 GV - Thỉnh giảng: 54 GV

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	06
Thạc sĩ	211
Đại học	30
Cao đẳng	0
Trung cấp	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	0
Tổng số	247

2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ
1. Ban Giám hiệu			
Hiệu trưởng	Bùi Mạnh Tuân	1971	Thạc sĩ
Phó Hiệu trưởng	Đặng Công Quốc	1968	Thạc sĩ
Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Anh Tuấn	1974	Thạc sĩ
Phó Hiệu trưởng	Trần Vũ Vượng	1975	Thạc sĩ
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội HSSV			
Đảng bộ	Bùi Mạnh Tuân	1971	ThS, Bí thư

Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ
Công đoàn	Lâm Quang Chuyên	1972	ThS, Chủ tịch
Đoàn Thanh niên CSHCM	Đặng Minh Tuấn	1988	Bí thư
Hội HSSV	Đặng Hồng Hiệp	1990	ThS, Chủ tịch
3. Các phòng, ban chức năng			
- Phòng TCHC	Hoàng Mạnh Tùng	1980	ThS, TP
- Phòng TCKT	Hoàng Mạnh Khiêm	1965	ThS, TP
- Phòng QTTB	Nguyễn Mạnh Thắng	1973	ThS, TP
- Phòng QL Đào tạo	Vũ Nhật Tân	1963	Ths, TP
- Phòng ĐTTX	Nguyễn Thị Lê	1974	ThS, TP
- Phòng Quản lý SV	Lê Quang Vinh	1978	ThS, TP
- Phòng KTX	Nguyễn Trung Hiếu	1965	CN, TP
- Phòng QLKH-CN & HTQT	Hồ Hoài Nam	1979	TS, TP
- Phòng Thư viện	Nguyễn Thị Thanh Giang	1978	ThS, TP
- TT Khảo thí & KĐCL	Trần Minh Nhựt	1974	ThS, Giám đốc
- TT Hỗ trợ SV & QHDN	Lê Thanh Hải	1969	ThS, phụ trách
- TT Tuyển sinh - Truyền thông	Đặng Công Quốc	1968	ThS, PHT phụ trách
- TT Khởi nghiệp	Đặng Công Quốc	1968	ThS, PHT phụ trách
- Cơ sở II (Quảng Ngãi)	Phạm Ngọc Hoàng Khôi	1978	ThS, Giám đốc
4. Các trung tâm/viện trực thuộc			
TT Ngoại ngữ - Tin học	Đặng Công Quốc	1968	ThS, PHT, GD
5. Các khoa			
- Khoa Kinh tế - Tài chính	Nguyễn Thị Kim Thoa	1976	GV, ThS, TK
- Khoa Cơ khí	Lê Thanh Vũ	1969	GV, ThS, TK
- Khoa Điện – điện tử	Nguyễn Minh Quang	1979	GV, ThS phụ

Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ
			trách khoa
- Khoa Cơ khí động lực	Nguyễn Anh Tuấn	1974	ThS, PHT phụ trách
- Khoa CNTT	Hoàng Trọng Thạch	1971	GV, Phó TK
- Khoa CNHH & TP	Đặng Công Quốc	1968	ThS, PHT phụ trách
- Khoa CN Thời trang	Võ Quỳnh Liên	1977	GV, ThS, TK
- Khoa KH Cơ bản	Lê Thị Ngọc Huyền	1969	GV, ThS, phụ trách khoa
- Khoa LLCT	Lê Văn Chuyên	1974	GV, ThS, TK
- Khoa Ngoại ngữ	Đỗ Thị Thanh Thủy	1975	GV, ThS, TK
- Khoa Quản trị Kinh doanh	Võ Minh Sơn	1973	GV, ThS, TK
- Khoa GD TC - Quốc phòng	Nguyễn Trung Lục	1965	GV, ThS, TK

3. Ngành đào tạo và quy mô đào tạo của trường

3.1. Các ngành đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đào tạo đã được cấp

Số TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành/nghề			
1	Thiết kế đồ họa	6210402	40	Cao đẳng
II	Nhóm ngành, nghề Ngôn ngữ văn học và văn hóa nước ngoài			
1	Tiếng Anh	6220206	200	Cao đẳng
III	Nhóm ngành, nghề kinh doanh			
1	Logistics	6340113	50	Cao đẳng
2	Thương mại điện tử	6340122	50	Cao đẳng

Số TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
3	Kinh doanh xuất nhập khẩu	6340102	70	Cao đẳng
IV	Nhóm ngành, nghề Tài chính - Ngân hàng – Bảo hiểm			
1	Tài chính – Ngân hàng	6340202	140	Cao đẳng
		5340202	30	Trung cấp
V	Nhóm ngành, nghề Kế toán – Kiểm toán			
1	Kế toán	6340301	360	Cao đẳng
2	Kế toán doanh nghiệp	5340202	30	Trung cấp
VI	Nhóm ngành, nghề Quản trị - Quản lý			
1	Quản trị kinh doanh	6340404	420	Cao đẳng
VII	Nhóm ngành, nghề Máy tính			
1	Truyền thông và mạng máy tính	6480104	70	Cao đẳng
VIII	Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin			
1	Công nghệ thông tin	6480201	210	Cao đẳng
IX	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	210	Cao đẳng
		5510201	30	Trung cấp
2	Công nghệ chế tạo máy	6510212	150	Cao đẳng
3	Cơ nghệ kỹ thuật ô tô	6510202	270	Cao đẳng
4	Công nghệ kỹ thuật ô tô – máy kéo	5510202	30	Trung cấp
5	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	6510211	70	Cao đẳng
		5510211	30	Trung cấp
X	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			

Số TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	130	Cao đẳng
2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	70	Cao đẳng
3	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	70	Cao đẳng
4	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	6510312	70	Cao đẳng
XI	Nhóm ngành, nghề Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường			
1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	6510401	60	Cao đẳng
XII	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
1	Cơ khí chế tạo	5520117	30	Trung cấp
XIII	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	30	Trung cấp
2	Điện công nghiệp	6520227	80	Cao đẳng
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	35	Cao đẳng
XIV	Nhóm ngành, nghề Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống			
1	Công nghệ thực phẩm	6540103	200	Cao đẳng
XV	Nhóm ngành, nghề Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da			
1	Công nghệ sợi, dệt	6540201	50	Cao đẳng
2	Công nghệ may	6540204	200	Cao đẳng
3	Công nghệ may và thời trang	5540204	30	Trung cấp
4	Thiết kế Thời trang	6540206	50	Cao đẳng

Số TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
5	Công nghệ da giày	6540210	100	Cao đẳng
XVI	Nhóm ngành, nghề khác			
1	Công nghệ giấy và bột giấy	6549002	30	Cao đẳng
XVII	Nhóm ngành, nghề khách sạn, nhà hàng			
1	Quản trị khách sạn	6810201	100	Cao đẳng
2	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	6810205	100	Cao đẳng

3.2. Số lượng sinh viên

STT	Trình độ đào tạo	Năm học		
		2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Trình độ cao đẳng				
1	Công nghệ sợi, dệt	23	9	5
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	437	505	559
3	Công nghệ chế tạo máy	72	74	123
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	569	657	484
5	Công nghệ da giày	164	229	99
6	Công nghệ giấy và bột giấy	0	0	0
7	Công nghệ kỹ thuật hóa học	0	211	13
8	Kế toán	1213	1081	860
9	Công nghệ thông tin	744	818	930
10	Quản trị kinh doanh	2151	2126	1803
11	Công nghệ may	503	631	217
12	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	156	124	145

STT	Trình độ đào tạo	Năm học		
		2021-2022	2022-2023	2023-2024
13	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	147	179	197
14	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1500	1514	1517
15	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	240	285	312
16	Tài chính - Ngân hàng	477	505	361
17	Công nghệ thực phẩm	325	524	441
18	Truyền thông và mạng máy tính	93	96	125
19	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	80	10	35
20	Tiếng Anh	703	558	489
21	Quản trị khách sạn	580	411	306
22	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	506	389	348
23	Logistics	0	0	55
24	Thiết kế thời trang	0	0	16
25	Thương mại điện tử	0	0	54
2. Trình độ trung cấp				
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	0	0	0
2	Cơ khí chế tạo	0	0	0
3	Điện công nghiệp và dân dụng	0	0	0
4	Kế toán doanh nghiệp	0	0	0
5	Công nghệ may và thời trang	0	0	0
6	Công nghệ kỹ thuật ô tô – máy kéo	0	0	0
7	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	0	0	0
8	Tài chính - Ngân hàng	0	0	0

4. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

4.1. Diện tích đất và các hạng mục, công trình

Cơ sở: 20 Tăng Nhơn Phú, phường Phước Long B, Quận 9, TP.HCM

Diện tích đất 3.5 ha, diện tích sàn xây dựng: 54.270 m² bao gồm:

- Toà nhà khu A 7 tầng; khu B gồm toà nhà 4 tầng và toà nhà 3 tầng; khu C có toà nhà 5 tầng và khu D1 toà nhà 7 tầng;
- 229 phòng học, giảng đường với tổng diện tích là 5.513 m² được trang bị đầy đủ Projector, hệ thống âm thanh, chiếu sáng;
- 13 phòng học máy tính. Diện tích: 1.403,7 m²;
- 137 nhà xưởng, phòng thí nghiệm, phòng thực hành. Diện tích: 6.645 m²;
- Thư viện: 700 m², được trang bị Internet không dây;
- Ký túc xá: 1.700 chỗ ở, 276 phòng. Diện tích: 12.930 m²;
- Hội trường: 704 m²;
- Sân bóng, khu thể thao và giải trí, nhà thi đấu đa năng 2.000 m²;
- Nhà ăn tập thể học sinh: 1 tầng với diện tích 252m².
- Hệ thống Wifi phủ khắp cả khu vực học tập và KTX.

4.2. Thư viện

Thư viện của trường tại cơ sở 20 Tăng Nhơn Phú, phường Phước Long B, Quận 9, TP.HCM với tổng diện tích 1.000m², sức chứa 300 chỗ ngồi với các không gian phục vụ cho các mục đích khác nhau như: phòng đọc sách, phòng tự học, phòng học nhóm, hội thảo và phòng truyền thống của nhà trường.

Tổng số đầu sách trong thư viện của trường:

+ Tài liệu điện tử: 1.126 file

+ Tài liệu giấy: 8.597 đầu sách/75979 bản

4.3. Tổng số máy tính của trường

Tổng số máy tính của trường: 753 bộ

- Dùng cho văn phòng: 125 bộ

- Dùng cho sinh viên học tập: 628 bộ

4.4. Tổng kinh phí đào tạo trong 4 năm trở lại đây

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
-----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------

1. Nguồn thu	142.317.405	126.793.000	145.579.548	143.111.537
NSNN cấp	14.498.245	7.203.000	7.415.000	5.482.770
NSNN cấp bù học phí cho nhóm ngành độc hại	0	0	0	4.696.000
Thu học phí	100.719.160	100.000.000	115.306.653	126.952.000
Nguồn khác	27.100.000	19.590.000	22.857.895	16.159.537
2. Tổng quyết toán	142.317.405	126.793.000	145.579.548	143.111.537

Phần II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

Đặt vấn đề

Trong kỉ nguyên kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế sâu sắc về tất cả các lĩnh vực, chất lượng đào tạo của các Trường trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, quyết định sự thành bại của Trường. Việc nâng cao chất lượng đào tạo và tìm ra biện pháp tối ưu để duy trì lợi thế cạnh tranh của mỗi Trường được xem là nhiệm vụ quan trọng nhất của bất kỳ cơ sở đào tạo nào.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp, cùng với việc thực hiện quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 28/2017/TT – BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, và hướng dẫn của Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục GDNN ngày 25/3/2019 về Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với Trường CĐ, TC; Công văn số 406/TCGDNN-KĐCL ngày 26/2/2020 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn các trường được hỗ trợ kinh phí thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp từ Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và An toàn lao động năm 2020; Căn cứ Công văn số 1323/TCGDNN-KĐCL 2021 ngày 23/6/2021 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc thực hiện quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021 ngày 23/6/2021; Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM tiến hành tổ chức tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022, qua đó tìm ra mặt mạnh, mặt còn tồn tại, từ đó xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp cải tiến nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao, đáp ứng mục tiêu đào tạo, nhu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng, và trong khu vực nói chung.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM nói chung và các đơn vị trong trường nói riêng, thông qua hoạt động tự đánh giá chất lượng sẽ giúp đơn vị có điều kiện đánh giá lại hoạt động một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

I. Tổng quan chung

1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống đảm bảo chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục GDNN ngày 25/3/2019 về Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với Trường CĐ, TC;

Căn cứ Công văn số 922/TCGDNN – KĐCL ngày 17/5/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc thực hiện quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023;

Căn cứ Công văn số 13179/SLĐTBXH-GDNN 2023 ngày 14/6/2023 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội về việc triển khai hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2023;

Căn cứ tình hình thực tế của trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM.

2. Mục đích tự đánh giá

- Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho sinh viên của trường và các điều kiện học tập của sinh viên, giảng dạy của giảng viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Xác định mức độ đạt được của Nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Phát hiện những điểm mạnh, điểm cần cải thiện trong thời gian tới, qua đó giúp các đơn vị trong trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, góp phần xây dựng Nhà trường trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao.

- Là cơ sở cho hoạt động cải thiện chất lượng đào tạo, chuẩn hoá các hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường.

3. Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của Nhà trường.

- Có sự tham gia của tất cả các đơn vị trong toàn Trường.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong Nhà trường, được đăng tải lên website Nhà trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

4. Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu các tiêu chí, tiêu chuẩn trong bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm phục vụ quá trình tự đánh giá.

- Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của trường và tìm những chứng cứ để chứng minh nội hàm tiêu chuẩn được phân công.

- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến của cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và người sử dụng lao động.

- Mô tả, làm rõ thực trạng của nhà trường, phân tích, đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục, dự kiến kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Thực hiện Quy trình tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

II. Tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt/Không đạt tiêu

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
			chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100	100
	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
2	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
3	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
4	Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
5	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
6	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
7	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
8	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	nằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.		
9	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
10	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
11	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
12	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	17	17
13	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
14	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
15	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
16	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
17	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
18	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
19	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
20	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
21	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
22	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
23	Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
24	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	quy định.		
25	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
26	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
27	Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
28	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
29	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1
	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	14
30	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
31	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
32	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
33	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
34	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
35	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
36	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
37	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
38	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
39	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
40	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
41	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.		
42	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
43	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
44	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	15	15
45	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
46	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
47	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
48	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
49	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
50	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
51	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
52	Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
53	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
54	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
55	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
56	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
57	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
58	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
59	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	15
60	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
61	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
62	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
63	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
64	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
65	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
66	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
67	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1
68	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
69	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
70	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
71	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
72	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1
73	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
74	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1
	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	5	5
75	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
76	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
77	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	1
78	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
79	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	6	6
80	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
81	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
82	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1	1
83	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
84	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
85	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.		
	Tiêu chí 8 – Dịch vụ người học	9	9
86	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
87	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
88	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
89	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
90	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
91	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
92	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
93	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
94	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	nhà tuyển dụng.		
	Tiêu chí 9 – Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
95	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
96	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
97	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
98	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
99	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
100	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

III. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CÓ LIÊN QUAN

1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1

Mở đầu

Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh đã có 47 năm xây dựng và phát triển. Trường có tổ chức và quản lý theo đúng quy định. Trong suốt quá trình hoạt động, mục tiêu, nhiệm vụ Nhà trường được xác định một cách rõ ràng, cụ thể phù hợp với thực tế phát triển.

Là địa chỉ tin cậy trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, giáo dục đào tạo sinh viên trở thành những công dân có học thức, tự tin lập nghiệp, làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Cơ cấu tổ chức của nhà Trường bao gồm: Ban giám hiệu, 09 phòng, 05 trung tâm chức năng, 12 khoa chuyên chuyên môn. Các Phòng, Khoa, Trung tâm và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ. Trong tổ chức và quản lý, nhà Trường thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014; *Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*; Điều lệ Trường Cao đẳng và nhiều văn bản pháp quy khác.

Hoạt động của Trường có sự lãnh chỉ đạo của Đảng ủy và tham gia của các đoàn thể, các hội đồng tư vấn. Cấp ủy Đảng thể hiện vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng trong Nhà Trường, có phân công, tập trung chỉ đạo theo nghị quyết; lãnh đạo các tổ chức đoàn thể trong Trường hoạt động có hiệu quả, góp phần tích cực vào nhiệm vụ chính trị Nhà Trường, đáp ứng được các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của Trường và hoạt động có hiệu quả.

Trường đã xây dựng và thực hiện có hiệu quả công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phân công cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phụ trách thực hiện.

a) Những điểm mạnh

Nhà trường xác định mục tiêu cụ thể trong các lĩnh vực hoạt động. Mục tiêu của Trường được xây dựng và công khai rộng rãi trong các đơn vị của Nhà trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Định kỳ, mục tiêu, nhiệm vụ được rà soát, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế từng giai đoạn.

Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường được xây dựng dựa trên các quy định pháp luật có sự tham gia của tập thể cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động toàn Trường và phù hợp với điều kiện thực tế tại Trường, đảm bảo nguyên tắc dân chủ cơ sở. Các Phòng, Khoa, Trung tâm và các đơn vị trực thuộc Trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ được cụ thể hóa trong bộ máy tổ chức và quy chế làm việc của từng đơn vị do Hiệu trưởng phê duyệt.

Việc điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ được thực hiện kịp thời, trong đó phản ánh đúng xu thế phát triển của Trường và các yếu tố tác động tích cực của xã hội. Có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và cơ chế quản lý và được triển khai đến các bộ phận, kế hoạch phát triển cũng như phương hướng hoạt động của Trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả, đồng thời bổ sung, điều chỉnh hệ thống văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của đơn vị.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường như Công đoàn, Đoàn Thanh niên hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Trường tiến hành xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định và Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo.

Trường tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra theo quy định, dự báo phòng ngừa và kịp thời ngăn chặn các sai phạm. Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện gắn với các hạn chế của Trường, làm cơ sở cho việc điều chỉnh kế hoạch, rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát của Trường nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

b) Những tồn tại

Mục tiêu và nhiệm vụ của Trường tuy đã được phổ biến và quán triệt rộng rãi trong viên chức, người lao động và sinh viên toàn Trường nhưng vẫn còn một số ít chưa quan tâm, chưa hiểu hết những nội dung của mục tiêu.

Hoạt động của tổ chức đoàn thể đôi khi còn thiếu chiều sâu; công tác tuyên truyền hoạt động chưa có kế hoạch dài hạn, hình thức hoạt động chưa hấp dẫn.

Việc tuyên truyền về mục tiêu nhiệm vụ của trường đến phụ huynh, sinh viên mới chỉ thực hiện được trong thời gian tuyển sinh nên cũng hạn chế cho phụ huynh trong việc định hướng dài hạn cho con em tham gia học tập tại trường.

Việc khảo sát nhu cầu học tập của học sinh, sinh viên và nhu cầu của các doanh nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên và hiệu quả hàng năm.

Từ thực tế trong những năm qua cho thấy, yêu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp và nhu cầu của người học nghề trong chừng mực nào đó vẫn chưa thống nhất, có những nghề rất cần lao động có trình độ nhưng ít người đăng ký học.

c) Kế hoạch nâng cao chất lượng

Chủ động lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra, rà soát quá trình thực hiện mục tiêu thường xuyên nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến để thực hiện tốt nhất mục tiêu chất lượng hàng năm. Duy trì công tác phổ biến mục tiêu, nhiệm vụ của trường chú trọng đến chất lượng đào tạo, hiệu quả của người học sẽ phản ánh quảng bá hình ảnh của trường một cách hiệu quả nhất.

Tiến hành khảo sát nhu cầu học tập của học sinh, sinh viên và nhu cầu của các doanh nghiệp thường xuyên hàng năm; qua đó phân tích thực tế nhu cầu nghề nghiệp của người học so với nhu cầu xã hội đang cần để tìm ra mẫu số chung làm cơ sở cho việc bổ sung, điều chỉnh mục tiêu và quy mô ngành nghề đào tạo.

Tập trung xây dựng kế hoạch, tổ chức định hướng tư vấn nghề nghiệp thường xuyên, định kỳ cho đối tượng học sinh trong các trường THPT.

Thường xuyên rà soát hệ thống văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý và đánh giá, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường hiện nay.

*** Điểm đánh giá tiêu chí 1**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	12
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1

Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của Trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngay từ khi mới thành lập, cùng với Quyết định số 2043/QĐ - BCT ngày 06/03/2015 của Bộ Công Thương về việc giao nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà trường đã xác định mục tiêu đào tạo nguồn lực kỹ thuật cao có năng lực thực hành, đáp ứng yêu cầu sử dụng nhân lực của địa phương nói riêng và của thị trường lao động trong và ngoài nước nói chung; có đạo đức, có tri thức, có ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, lao động sáng tạo và có năng lực hợp tác.

(1.1.01- Quyết định số 2043/QĐ-BCT, ngày 06/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; 1.1.02 - Quyết định số 418/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên trường thành Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh).

Trong từng giai đoạn phát triển, nhiệm vụ và mục tiêu của trường được xác định rõ ràng, được điều chỉnh phù hợp với sự phát triển của nhà trường và sự phát triển của giáo dục nghề nghiệp trong nước và trên thế giới; Nhà trường tiếp tục cụ thể hóa mục tiêu sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường (**1.1.03 - Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; 1.1.04 - Chiến lược phát triển của Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh; 1.1.06 - Quyết định Thủ tướng phê duyệt tổng thể phát triển KTXH Thành phố Hồ Chí Minh**).

Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng chiến lược phát triển trường đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Nội dung chiến lược đã nêu rõ định hướng phát triển trường gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành Công thương và của các tỉnh khu vực phía nam, đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu. Các ngành đào tạo của Trường đa số là nhóm ngành thuộc các ngành kinh tế, công nghiệp, dịch vụ trọng điểm quốc gia như Dệt may, Điện – Điện tử, Tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật Cơ khí, Chế tạo máy, Công nghệ thực phẩm,

Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Quản trị khách sạn, Tài chính ngân hàng. Ngoài ra, Trường còn đào tạo một số ngành công nghệ đặc thù, nhu cầu sử dụng lao động cao nhưng rất ít trường đào tạo như ngành Công nghệ Da giày, Công nghệ Sợi – Dệt. (1.1.05- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP. Hồ Chí Minh; 1.1.07 - Bảng Thống kê của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động thành phố Hồ Chí Minh; 1.1.08 – Công văn số 609/BC-TTDBNL dự báo nhu cầu nhân lực năm 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngoài ra, mục tiêu sứ mạng của nhà Trường còn được thể hiện rõ trong báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ Trường, được cụ thể hóa trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ các năm học và dự án đầu tư ngành, nghề trọng điểm đến năm 2020 của Trường (Nghị quyết ngày 31/5/2020 Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM, nhiệm kỳ 2020-2025) (Báo cáo về việc triển khai đào tạo thí điểm trình độ cho 22 nghề trọng điểm Quốc tế đã chuyển giao từ CHLB Đức).

Mục tiêu và sứ mạng của Trường những năm qua đã được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo đài, tờ rơi, triển lãm, Website của trường... Ngoài ra, mục tiêu sứ mạng còn được phổ biến rộng rãi trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, Đại hội các đoàn thể, Hội nghị tổng kết năm học, ... (1.1.09 - Địa chỉ website của trường; 1.1.11 - Ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về mục tiêu, sứ mạng của nhà Trường.).

Thông tin tuyển sinh và các hoạt động khác của Trường thường xuyên được các Báo, Đài uy tín đưa tin như Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên, Báo giáo dục, các đài truyền hình địa phương. (1.1.10 - Các ấn phẩm tờ rơi giới thiệu về trường hàng năm, chứng nhận phát sóng, nội dung các bài báo).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục của Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM luôn hướng tới việc đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. Chương trình đào tạo của tất cả các ngành đều chú ý đến tính ứng dụng thực tiễn xã hội và nhu cầu của doanh nghiệp.

Hàng năm, ngoài việc bám sát quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Công Thương, nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP. HCM và các số liệu thống kê của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động TP. HCM, Trường còn tổ chức khảo sát nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận để phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực, từ đó xác định các ngành đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Tính đến thời điểm hiện nay, số lượng ngành nghề đào tạo của Nhà trường là phù hợp với nhu cầu nhân lực của các ngành, nhu cầu của người học và của xã hội, được chứng minh đầy đủ qua Hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường đã được Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, cơ quan chủ quản phê duyệt.

Hiện nay, theo hồ sơ cấp phép của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đang, Nhà trường được phép đào tạo 33 ngành nghề, trong đó có 25 ngành nghề bậc cao đẳng và 08 nghề bậc trung cấp.

(1.1.05 - Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP. Hồ Chí Minh; 1.1.06 - Quyết định Thủ tướng phê duyệt tổng thể phát triển KTXH thành phố Hồ Chí Minh; 1.1.07 - Bảng Thống kê của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động thành phố Hồ Chí Minh; 1.2.01 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN).

Hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp bổ sung của Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh, (1.2.02 - Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 50/2023/GCNNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/8/2023; 1.2.03 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 50/2023/GCNNĐKHĐBS-TCGDNN ngày 30/8/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp).

Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng chiến lược phát triển trường đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Nội dung chiến lược đã nêu rõ định hướng phát triển trường gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Kế hoạch, định hướng phát triển trường đã được phê duyệt tại các thời điểm tương ứng phải có các thông tin về cơ cấu ngành đào tạo, quy mô đào tạo, điều kiện đảm bảo chất lượng, kế hoạch đầu tư... Có dự báo nhu cầu nguồn nhân lực đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành và chi tiết đến số lượng, chất lượng, ngành đào tạo.

(1.2.04 - Biên bản họp cán bộ chủ chốt phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng lao động của thành phố Hồ Chí Minh; 1.2.05 – Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và nguồn nhân lực của thành phố Hồ Chí Minh).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong Trường theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường. Các văn bản quy định này được triển khai đến các phòng, ban, khoa, trung tâm nhà trường. Kế hoạch phát triển, phương hướng hoạt động của nhà trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát điều chỉnh, bổ sung trong hội nghị CBVC, trong các cuộc họp giao ban đảm bảo công khai, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của nhà trường. Hệ thống các văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả. Cụ thể bao gồm:

- Quyết định thành lập Trường (**1.3.01** - *Quyết định số 5945/QĐ - BGD&ĐT-TCCB ngày 27/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II*).

- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường (**1.1.03** - *Quy chế tổ chức và hoạt động của trường*).

- Quyết định về việc giao nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường (**1.1.01** - *Quyết định số 2043/QĐ - BCT, ngày 06/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM*).

Theo đó, chịu trách nhiệm chính tại các phòng/khoa/trung tâm là Trưởng phòng/Trưởng khoa/Giám đốc Trung tâm do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm. Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu, tổng hợp, đề xuất ý kiến, giúp Hiệu trưởng tổ chức quản lý và thực hiện các mặt công tác của trường, quản lý cán bộ, viên chức theo phân cấp của Hiệu trưởng, Các khoa chuyên môn, trung tâm có nhiệm vụ tham mưu, tổng hợp, đề xuất ý kiến, giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục-đào tạo đạt các mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo được phê duyệt. Các quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường (**1.3.02** – *Các quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường từ năm 2021 đến nay*; **1.3.03** - *Quy chế hoạt động và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng, khoa*).

Thực hiện dân chủ trong trường nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp, đảm bảo quyền giám sát, đóng góp ý kiến xây dựng và thực hiện trách nhiệm đối với sự phát triển của nhà trường. Nội dung quy chế dân chủ của trường thể hiện được: Giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên được tham gia đóng góp ý kiến về các chủ trương, kế hoạch của trường, Cách thức giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người học- Các quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, quy chế dân chủ cơ quan, quy định văn hóa công sở, quy chế làm việc (**1.3.04 – Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm; 1.3.05 – Quy chế dân chủ cơ quan; 1.3.06 – Quy định văn hóa công sở; 1.3.07 – Quy chế làm việc**)

Thực hiện dân chủ trong trường nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp, đảm bảo quyền giám sát, đóng góp ý kiến xây dựng và thực hiện trách nhiệm đối với sự phát triển của nhà trường. Nội dung quy chế dân chủ của trường thể hiện được: Giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên được tham gia đóng góp ý kiến về các chủ trương, kế hoạch của trường, Cách thức giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người học.

Hàng năm Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về quy định tổ chức quản lý theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong Trường (**1.3.11 - Tổng hợp các ý kiến đóng góp cho quy chế dân chủ và quy chế chi tiêu nội bộ tại các đơn vị năm 2021, 2022, 2023**).

Hàng năm, Nhà trường giao các đơn vị tiến hành xây dựng đề án và mô tả các vị trí việc làm, cũng như xây dựng quy trình làm việc để thực hiện tốt chức năng và chịu trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các khoản chi tiêu được Nhà trường thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo được sự hợp lý và góp phần minh bạch hóa các khoản chi. Nội dung của quy chế đã cụ thể hóa các khoản chi tiêu cho từng hoạt động được thể hiện qua các định mức chi tiêu như: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp, công tác phí, các khoản chi hoạt động thường xuyên, trích lập và sử dụng các quỹ..., qua đó làm cơ sở để đánh giá, kiểm soát công tác chi tiêu phục vụ cho hoạt động công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học làm cơ sở phục vụ tốt cho sự phát triển của Nhà trường.

Các nội dung nêu trên đã thể hiện rõ quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong Trường.

(1.3.08 - Bảng xây dựng vị trí việc làm của các đơn vị thuộc trường hàng năm; 1.3.09 - Nghị định số 60/2021/NĐ-Cp ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ

chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; 1.3.10 - Quyết định số 3335/QĐ-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực Giáo dục – Đào tạo và dạy nghề, Y tế - dân số và gia đình thuộc Bộ Công Thương giai đoạn 2023-2025).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của Trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh tất cả các văn bản quy định về tổ chức và quản lý như Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định đánh giá kết quả công tác hàng tháng, Quy chế tổ chức và hoạt động. (1.3.02 - Các quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường; 1.3.03 - Quy chế hoạt động và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng khoa; 1.3.04 – Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm; 1.3.05 – Quy chế dân chủ cơ quan hàng năm). Thực hiện theo kế hoạch rà soát của Trường mỗi năm (1.4.01 - Kế hoạch công tác pháp chế rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Quy chế làm việc của các đơn vị trong trường đã được bổ sung, chỉnh sửa phù hợp với việc thành lập, bổ nhiệm cán bộ cho các đơn vị mới thành lập. (1.4.02 – Các quyết định thành lập, bổ nhiệm cán bộ, đơn vị mới).

Ngoài ra, để có đủ các quy định về tổ chức và các quy chế quản lý, nhà Trường đã ban hành đầy đủ các quy định về tổ chức và các quy chế khác như: Quy định về quy tắc ứng xử của CBGV-CNV, Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo (1.4.03 - Quyết định số 768/QĐ-CDCT về việc Ban hành Quy định Bộ quy tắc ứng xử trong trường học, Quyết định số 337/QĐ-CDCT ngày 08/5/2023 về việc Ban hành quy định chế độ làm việc của giảng viên), cơ chế quản lý của Trường được căn cứ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của trường cao đẳng, hàng năm đều có rà soát, bổ sung và điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của Trường như điều chỉnh về khối lượng giờ giảng tiêu chuẩn của giáo viên.

Để đảm bảo tính dân chủ và hiệu quả hoạt động, hàng năm Trường tổ chức hội nghị cán bộ công chức tổng kết những thành quả hoạt động trong năm và đưa những kế hoạch, chỉ tiêu cụ thể cho năm tiếp theo dựa trên những đóng góp ý kiến của CBGV – CNV. Mọi chủ trương, kế hoạch của Trường đều được lấy ý kiến đóng góp của các thành viên trong nhà Trường, tổng hợp, chọn lọc những ý kiến phù hợp, khả thi được ghi nhận và đưa vào các văn bản quy định của nhà

Trường, ví dụ: ý kiến góp ý để xây dựng phiếu đánh giá lương tăng thêm hàng tháng, quy chế chi tiêu nội bộ, kế hoạch phát triển ngành nghề mới... được các bộ phận tổ chức thảo luận, đóng góp ý kiến bằng văn bản hoặc phát biểu tại các buổi họp của đơn vị và toàn Trường

(1.4.04 – Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 1.3.11 - Tổng hợp các ý kiến đóng góp cho quy chế dân chủ và quy chế chi tiêu nội bộ tại các đơn vị hàng năm.)

Từ phân tích và dẫn chứng nêu trên chúng tôi chứng tỏ rằng các quy định về tổ chức và cơ chế quản lý của Trường được rà soát, điều chỉnh định kỳ.

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay cơ cấu tổ chức hiện tại của trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM bao gồm: Ban giám hiệu: gồm 01 Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng, Hội đồng Khoa học-đào tạo và các Hội đồng tư vấn khác, có 12 khoa, 14 phòng, Trung tâm chức năng và cơ sở Quảng Ngãi.

Tất cả đều được quy định về nhiệm vụ thực hiện, căn cứ vào Quy chế tổ chức, hoạt động và Quy chế hoạt động từng năm học phù hợp theo tình hình thực tế. Các phòng chức năng và các khoa chuyên môn của Trường phải thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Quy chế, kể cả các yêu cầu công tác khác được đặt ra tùy theo tình hình thực tế, bảo đảm sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng, không có sự chồng chéo nhau giữa các bộ phận, phù hợp với bộ máy tổ chức và việc thực hiện mục tiêu, sứ mạng của Trường. Các phòng chức năng là các bộ phận thực hiện công tác tham mưu quản lý cho BGH, hỗ trợ và phục vụ cho hoạt động giảng dạy của các khoa chuyên môn, vốn có nhiệm vụ chủ yếu được phân công là giáo dục nghề nghiệp cho HSSV (**1.1.01 - Quyết định số 2043/QĐ - BCT, ngày 06/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; 1.5.01 - Thông báo số 34/TB-CDCT ngày 13/02/2023 Thông báo phân công nhiệm vụ Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM; 1.5.02 - Sơ đồ tổ chức và quy trình làm việc của các đơn vị**).

Ngoài ra, Nhà trường cũng lưu trữ đầy đủ các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường tại các quyết định thành lập (**1.3.02 – Quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường**) và Quy chế hoạt động của các đơn vị trực thuộc Trường (**1.3.03 - Quy chế hoạt động và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, phòng, khoa; 1.5.03 - Bảng phân công nhiệm vụ Trường/Phó phòng, khoa; 1.5.04 - Quy định sự phối hợp giữa các phòng, khoa trực thuộc Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh**).

Các ngành đào tạo của Nhà trường được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp (**1.2.01 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN**).

Các đơn vị đều xây dựng kế hoạch công tác năm, mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng. Căn cứ trên kế hoạch công tác năm và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng, các đơn vị báo cáo cụ thể bằng văn bản đến Hiệu trưởng kết quả thực hiện công tác theo định kỳ hàng tháng, 6 tháng và báo cáo năm. Hàng tháng, Phòng Tổ chức-Hành chính thực hiện tổng kết, báo cáo trước phiên họp giao ban đầu tháng kế tiếp, Hiệu trưởng trực tiếp đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Qua đó, tất cả hoạt động của các đơn vị đều được kiểm soát, kiểm tra thường xuyên, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị nói riêng và nhà Trường nói chung. (**1.5.05 - Biên bản họp giao ban hàng tháng năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

Kết thúc mỗi học kỳ, năm học, các bộ phận của Trường phải thực hiện công tác báo cáo kết quả hoạt động. Đây là yêu cầu quan trọng nhằm tổng kết, đánh giá, kết quả và hiệu quả từ các hoạt động mà mỗi tập thể, cá nhân đã thực hiện sau mỗi học kỳ và sau một năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ đã được quy định. Từ cơ sở này, các tập thể sẽ định hướng được yêu cầu hoạt động vào học kỳ và năm kế tiếp, thể hiện qua phương hướng hoạt động.

(**1.5.06 – Các báo cáo tổng kết của các đơn vị trong trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

Như vậy, các đơn vị trong Trường đảm bảo có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành đào tạo, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hội đồng Trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào thông tư số 46/2016/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2016 quy định về Điều lệ trường cao đẳng và hồ sơ đề nghị của Nhà trường, Bộ Công Thương đã có quyết định thành lập Hội đồng Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM (**1.6.01** – *Quyết định thành lập Hội đồng Trường*). Ngoài ra, ngày 27/11/2020, Bộ Công Thương đã ra quyết định công nhận, bổ nhiệm chủ tịch Hội đồng trường Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020 - 2025 (**1.6.02** - *Quyết định Số 3118/QĐ-BCT ngày 27/11/2020 của bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công nhận, bổ nhiệm chủ tịch Hội đồng trường Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020 - 2025*).

Hiệu trưởng đã ban hành các quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn như: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh năm học, Hội đồng Khoa học và đào tạo, Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, Hội đồng thẩm định giáo trình các môn học ... để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Trường theo từng lĩnh vực công việc như: thi đua, khen thưởng, tuyển sinh, thẩm định chương trình, nghiên cứu khoa học... các hội đồng tư vấn hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định và tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ. (**1.6.03** - *Các quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn*).

Hiện tại, Nhà trường có 12 khoa, 14 phòng ban, trung tâm. Các đơn vị đều được thành lập theo đúng quy định (**1.3.02** – *Các quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường*, **1.3.03** - *Quy chế hoạt động và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng khoa*).

Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường được thể hiện cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh. Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp đánh giá kết quả hoạt động của mỗi phòng, khoa và trung tâm, ghi nhận, khen thưởng phù hợp. Từng phòng, khoa và trung tâm trong Trường thực hiện chức năng nhiệm vụ theo sự phân công của Hiệu trưởng, quy định cụ thể trong quyết định thành lập, chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị trong Trường độc lập và có sự phối hợp nhau trong thực hiện nhiệm vụ chính trị chung của Trường. Hàng năm, các phòng, khoa và các đơn vị trực thuộc Trường đều có báo cáo tổng kết công tác. Kết quả này được tổng hợp thành báo cáo tổng kết công tác của Trường và công bố rộng rãi đến toàn thể cán bộ, viên chức Nhà trường. (**1.5.06** – *Các báo cáo tổng kết của các đơn vị trong trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; **1.6.04** - *Báo cáo về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*).

Từ năm 2020 đến nay, các đơn vị được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiều đơn vị được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao (**1.6.05 – Các quyết định khen thưởng cho các đơn vị trong trường**).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Hàng năm, trường đều thực hiện công tác tự đánh giá của trường (**1.7.01 - Chính sách chất lượng; 1.7.02 - Mục tiêu chất lượng; 1.7.03 - Sổ tay chất lượng; 1.7.04 - Hệ thống các quy trình biểu mẫu quản lý chất lượng; 1.7.05 – Quyết định công bố Sổ tay chất lượng, sứ mệnh, chiến lược, chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và Hệ thống ĐBCL của trường; 1.7.06 – Quyết định ban hành Quy định hệ thống ĐBCL của trường**).

Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng trực thuộc Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 64/QĐ-CĐCT ngày 01/03/2010 do Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh ký. (**1.7.07- Quyết định thành lập trung tâm Khảo thí và ĐBCL**). Trung tâm có nhiệm vụ xây dựng, vận hành đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định. (**1.7.08 - Kế hoạch xây dựng, vận hành đánh giá, cải tiến hệ thống ĐBCL; 1.7.09 - Các hoạt động tập huấn xây dựng, phát triển hệ thống ĐBCL; 1.7.10 - Các hoạt động rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh và vận hành hệ thống ĐBCL**). Mỗi năm, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đều xây dựng kế hoạch đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp, báo cáo kế hoạch tự đánh giá lên cấp trên. (**1.7.11 - Hướng dẫn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp; 1.7.12 - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2022, 2023, 2024; 1.7.13 - Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2022, 2023, 2024**).

Hàng năm trường có báo cáo hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định (**1.7.14 - Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng của trường năm 2022, 2023, 2024**).

Các đơn vị trong trường đều có báo cáo đánh giá tổng kết công tác của đơn vị hằng năm gửi về lãnh đạo. **(1.5.06 – Các báo cáo tổng kết năm của các đơn vị trong trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).**

Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức thực hiện các cuộc khảo sát cán bộ, giảng viên của Nhà trường về hệ thống đảm bảo chất lượng, để khắc phục những hạn chế, thiếu sót, phát huy những ưu điểm nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của Nhà trường. **(1.7.15 – Phiếu khảo sát cán bộ, giáo viên hằng năm về hệ thống đảm bảo chất lượng).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngay từ năm 2010, nhận thấy sự quan trọng của công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo, Ban giám hiệu trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng trực thuộc Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 64/QĐ-CDCT ngày 01/03/2010 do Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh ký bao gồm 01 Giám đốc Trung tâm và 06 nhân viên. **(1.7.07 - Quyết định thành lập trung tâm Khảo thí và ĐBCL).**

Mỗi năm, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đều có các báo cáo đánh giá tổng kết công tác của đơn vị gửi về Ban giám hiệu. Nhà trường cũng có báo cáo kết quả hoạt động của trường gửi về lãnh đạo cấp trên theo đúng quy định. **(1.6.04 - Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường; 1.8.01 – Các báo cáo tổng kết năm của trung tâm Khảo thí và ĐBCL năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).**

Từ năm 2017 đến nay, Trung tâm Khảo thí và KĐCL luôn là một trong những đơn vị được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao của Nhà trường. **(1.6.05 – Các Quyết định khen thưởng cho các đơn vị trong trường).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 08 chi bộ trực thuộc với tổng số 126 đảng viên. Đảng bộ Nhà trường đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo, hoạt động theo điều lệ Đảng và đúng theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, thường xuyên triển khai, quán triệt các Chủ trương, Nghị quyết của Trung ương, của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh (**1.9.01** - *Quyết định công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ chí Minh nhiệm kỳ 2020 – 2025*; **1.9.02** - *Thông báo phân công nhiệm vụ của các Đảng ủy viên*; **1.9.03** - *Quy chế làm việc của Đảng bộ*; **1.9.04** - *Các nghị quyết của Đảng bộ Nhà trường*; **1.9.05** - *Kết luận kết quả họp Đảng ủy hàng tháng*; **1.9.06** - *Các Quyết định kết nạp đảng viên*).

Đảng bộ nhà trường luôn làm tốt chức năng nhiệm vụ theo Quyết định số 97/QĐ-TW ngày 22/3/2004 của Ban Bí thư. Đảng bộ đã làm tốt chức năng, Đảng xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, Nghị quyết chuyên đề... qua đó để lãnh đạo toàn trường thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước và thực hiện các Nghị quyết của Đảng ủy cấp trên, lãnh đạo thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường, xây dựng Đảng bộ, các chi bộ trực thuộc và nhà trường vững mạnh, lãnh đạo Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh trong nhà trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, tổ chức nhiều phong trào thi đua nhằm góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Hàng tháng, Đảng bộ và các chi bộ đều tổ chức họp để phổ biến chương trình hoạt động và có Nghị quyết chỉ đạo cho các đơn vị, tổ chức trong nhà trường thực hiện các hoạt động đào tạo

Trong 3 năm từ 2021 đến nay có 24 đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hầu hết đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ (**1.9.07** - *Báo cáo công tác Đảng năm 2020, 2021, 2022*; **1.9.08** - *Báo cáo đánh giá chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng năm*; **1.6.04** - *Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường*).

Hàng năm, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh đều có đánh giá, nhận xét về hoạt động của Đảng bộ trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM và thông báo kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên của Đảng bộ Trường (**1.9.09** - *Thông báo của Đảng ủy khối cơ sở bộ Công thương(các cơ quan Trung ương) tại Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên*; **1.9.10** - *Quyết định Công nhận tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công đoàn Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh tính đến năm 2023 bao gồm 06 công đoàn bộ phận, và Ban Nữ công trực thuộc Công đoàn Trường được thành lập và kiện toàn theo từng nhiệm kỳ. Ban chấp hành Công đoàn trường nhiệm kỳ 2017-2022 bao gồm 09 đồng chí (***1.10.01 – Quyết định Ban chấp hành Công đoàn trường - Hồ sơ Đại hội Công đoàn Trường hàng năm***). Trong quá trình hoạt động từ năm 2019 đến nay, Tổ chức Công đoàn đã hoạt động theo đúng điều lệ, phát huy tốt vai trò của mình trong việc chăm lo đời sống của cán bộ, viên chức nhà trường, có xây dựng Chương trình hoạt động hàng năm (***1.10.02 - Chương trình hoạt động của Công đoàn hàng năm***).

Đoàn trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị trực thuộc Đoàn khối các quan Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh và là 01 trong 04 đơn vị trường học trong Khối. Cơ cấu tổ chức Đoàn của đơn vị gồm có 09 Liên Chi đoàn khoa và 01 Chi đoàn Giáo viên. Hiện tại, Ban Chấp hành Đoàn trường nhiệm kỳ 2022 – 2024 có 15 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ có 05 đồng chí và 10 đồng chí Ủy viên thực hiện nhiệm vụ công tác Đoàn và phong trào thanh niên tại trường.

Tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh tính đến tháng 9/2023 có tổng số 4.263 (223 chi đoàn) đoàn viên bao gồm sinh viên và giảng viên, cán bộ công nhân viên nhà trường (***1.10.03 – Danh sách đoàn viên Đoàn thanh niên nhà trường***). Đoàn thanh niên Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Trường hoạt động theo đúng pháp luật và điều lệ Đoàn. Thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống cho đoàn viên thanh niên như: phong trào thi đua dạy tốt học tốt, phong trào sinh viên tình nguyện, phong trào hiến máu nhân đạo,...(***1.10.04 – Kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.10.05 - Chương trình hoạt động của Đoàn thanh niên năm 2021, 2022, 2023, 2024***).

Hoạt động của các tổ chức đoàn thể nhà trường đã thực hiện đúng theo kế hoạch đã đề ra và nhận được nhiều khen thưởng của các cơ quan cấp trên như: Bằng khen Thành Đoàn về hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn và phong trào

Thanh niên năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023, hoàn thành tốt công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023; Bằng khen Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh về hoàn thành tốt Công tác Hội và phong trào Sinh viên năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023; Bằng khen có nhiều đóng góp trong công tác Liên hoan tuổi trẻ sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh (**1.10.06** - Các khen thưởng của các tổ chức đoàn thể nhà trường; **1.10.07** - Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; **1.10.08** - Ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động của Công đoàn.).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ theo quy định của Luật Thanh tra, các nghị định của Chính phủ, văn bản của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương.... Đảm bảo chất lượng tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra theo quy định, dự báo, phòng ngừa và kịp thời ngăn chặn các sai phạm. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch phân công các tổ kiểm tra giám sát các lĩnh vực, đồng thời yêu cầu các đơn vị trực thuộc thực hiện các báo cáo tự kiểm tra, giám sát của đơn vị mình.

(**1.11.01** - Quyết định số 397/QĐ-CDCT ngày 30/7/2019 về việc thành lập Ban chỉ đạo và Tổ kiểm tra, giám sát nội bộ; **1.11.02** - Kế hoạch số 266/KH-CDCT ngày 11 tháng 9 năm 2023 về việc tự triển khai công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ).

Trường có Ban thanh tra nhân dân được thành lập và hoạt động đúng theo hướng dẫn tại Nghị định số 159/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban thanh tra nhân dân và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Nhiệm kỳ của Ban thanh tra nhân dân là 02 năm do Hội nghị viên chức bầu ra. Ban Thanh tra nhân dân thực hiện nhiệm vụ trong việc kiểm tra, giám sát các đơn vị thực thi các nhiệm vụ đúng theo quy định của Trường, theo sự chỉ đạo của Hiệu trưởng, sự hướng dẫn của thanh tra cấp trên, tiếp nhận và đề nghị giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo. (nếu có) (**1.11.03** - Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban thanh tra nhân dân năm 2021, 2022, 2023; **1.11.04** - Các báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của Ban thanh tra nhân dân năm 2021, 2022, 2023).

Năm 2010, Nhà trường Thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (**1.7.07 - Quyết định thành lập trung tâm Khảo thí và ĐBCL**). TTKT&KĐCL có nhiệm vụ thanh tra, giám sát các hoạt động giảng dạy của trường được kết hợp với nhiều hình thức qua các kế hoạch, lịch phân công giám sát, phiếu lấy ý kiến, ... (**1.11.05 – Lịch phân công thanh tra giám sát hàng năm**). Việc kiểm tra công tác đào tạo được thực hiện bởi tổ thanh tra đào tạo trực thuộc TTKT&KĐCL.

Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy hàng năm có xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát (**1.11.06 – Chương trình kiểm tra, giám sát của Đảng ủy hàng năm; 1.11.07 – Quyết định thành lập tổ kiểm tra của Đảng ủy trường - Thông báo kết luận của Đảng ủy**) và đều được thực hiện đúng theo kế hoạch đã đề ra (**1.11.08 – Báo cáo công tác kiểm tra Đảng năm 2021, 2022, 2023**).

Các kết quả kiểm tra, giám sát đã được rút kinh nghiệm để thay đổi hình thức và phương pháp đánh giá, từng bước nâng cao nhận thức trách nhiệm, nhiệm vụ của từng cán bộ, giảng viên giúp cho việc nâng cao chất lượng đào tạo trong Trường. Bộ phận tiến hành kiểm tra có đề nghị những vấn đề cần khắc phục ở từng đơn vị, từng cá nhân, trên cơ sở đó Ban Giám hiệu chỉ đạo các đơn vị và cá nhân khắc phục, sửa chữa những sai sót, đã giúp cho các đơn vị và cá nhân trong Trường khắc phục ngay những tồn tại giúp nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao công tác quản lý, tổ chức hoạt động đi vào nề nếp và hiệu quả hơn.

(**1.6.04 – Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường; 1.11.09 - Ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường**).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong nhà Trường được cụ thể hóa bằng Quy chế Chi tiêu nội bộ. Nhà Trường thông qua Hội nghị viên chức hàng năm đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ các chính sách khuyến khích viên chức, giáo viên học tập nâng cao trình độ như: có bằng tốt nghiệp tiến sĩ được hỗ trợ 150 đến 200 triệu đồng, có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được hỗ trợ 5-10 triệu đồng và ưu tiên thời gian học cho giáo viên tự học nâng cao trình độ, các chế độ, chính sách khi làm việc ngoài giờ, chế độ cho cán bộ, viên chức vào các dịp lễ, tết, ốm đau, tử tuất...

Phụ cấp ưu đãi giáo viên: Mức phụ cấp ưu đãi giáo viên thực hiện theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng chính phủ.

Phụ cấp thâm niên nhà giáo: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số: 68/2011/TTLT-BGDĐT- BNV- BTC-BLĐTBXH ngày 30/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo (**1.12.04** - Báo cáo danh sách tổng hợp kết quả báo cáo phân loại công chức, viên chức năm 2021, 2022, 2023; **1.12.05** - Danh sách hưởng phụ cấp ưu đãi nhà giáo năm 2021, 2022, 2023).

Thực Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập và Thông tư số 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 ban hành danh mục ngành nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; từ năm học 2023-2024, Nhà trường xây dựng chính sách phụ cấp đối với giảng viên các ngành nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Trường cũng thực hiện tốt các chế độ, chính sách liên quan đến cán bộ, viên chức nữ theo Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006; Nghị định số 48/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, được cụ thể hóa trong Quy chế chi tiêu nội bộ như: ưu đãi giờ giảng dạy đối với giáo viên nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, Cán bộ, viên chức nữ trong thời gian nghỉ chế độ thai sản vẫn được hưởng 50% lương tăng thêm, Cán bộ, viên chức nữ được hưởng chế độ phụ cấp vào các ngày 8/3, 20/10... Luôn có chính sách đảm bảo cho nam, nữ bình đẳng về trách nhiệm và quyền lợi đối với nhà giáo, cán bộ quản lý phụ trách việc thực hiện các chương trình đào tạo.

Các chế độ, chính sách của cán bộ, viên chức và sinh viên luôn được thực hiện đầy đủ theo quy định, thể hiện qua Báo cáo tài chính của Trường và các hồ sơ thụ hưởng. (**1.3.04** - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024; **1.12.06** - Ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về quy định và thực hiện chế độ, chính sách bình đẳng giới).

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ - CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và Nghị định 81/2021/NĐ - CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Từ năm học 2016 – 2017 đến năm học 2022 – 2023, các sinh viên thuộc diện ưu tiên, khi theo học tại Trường được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách ưu đãi của nhà nước

(1.12.01 – Các quyết định dành cho sinh viên thuộc diện ưu tiên).

Các đơn vị, cá nhân trong Nhà trường cũng thường xuyên thông tin, hướng dẫn người học các thủ tục hưởng chế độ chính sách liên quan: miễn giảm học phí, thực hiện chính sách nội trú theo quy định, hỗ trợ xác nhận sinh viên để thực hiện chương trình vay vốn tín dụng sinh viên, xét cấp học bổng khuyến khích cho học sinh sinh viên có thành tích trong học tập....

Hàng năm, phòng Công tác học sinh sinh viên và phòng Tài chính kế toán tổng kết số lượng sinh viên thuộc chính sách ưu đãi và lập bảng báo cáo trình Ban Giám hiệu. *(1.12.02 – Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023).*

Nhà trường tuyển sinh tất cả các đối tượng muốn theo học tại Trường theo đúng quy định, không phân biệt nam nữ đối với từng ngành đào tạo, cụ thể như Quy chế học sinh, sinh viên, Quyết định trúng tuyển... *(1.12.03 - Thông tin tuyển sinh nhà trường).*

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 1: 1 điểm

2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu

Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM thực hiện đào tạo đa ngành, đa dạng các loại hình đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của người học. Từng bước tích cực đổi mới phương pháp dạy và học, giúp cho người học nâng cao tính tự học, tự nghiên cứu trên cơ sở điều kiện hiện có của Trường nhằm đạt được hiệu quả, chất lượng trong đào tạo và phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được Trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu thực tiễn của xã hội. Trường đã có chủ trương và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của các môn học.

Đồng thời Trường cũng có những chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên nghiên cứu khoa học và đã có những kết quả ban đầu thuận lợi nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ sản xuất, từng bước tiếp cận với sự phát triển của khu vực, hầu hết các sinh viên

của trường đào tạo ra đáp ứng tốt yêu cầu của các đơn vị sử dụng trong nước và xuất khẩu lao động đi nước ngoài.

Các hoạt động dạy và học đã thể hiện tính ổn định và phát triển của Trường trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Đất nước.

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, việc tuyển sinh đúng thủ tục, đúng quy chế, đa dạng các hình thức tổ chức, chương trình đào tạo theo yêu cầu đào tạo gắn với việc làm, theo nhu cầu của người học và xã hội.

* Những điểm mạnh

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được Nhà trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đã thể hiện tính ổn định và phát triển của Nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xã hội, đáp ứng được các nhu cầu của nhà tuyển dụng.

Trong những năm gần đây, Nhà trường đã có những chính sách, biện pháp khuyến khích cán bộ, giáo viên và đã có những kết quả ban đầu trong nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ của sản xuất, kinh doanh trên thế giới và trong khu vực.

Các hoạt động dạy và học dựa trên mục tiêu nội dung, chương trình đào tạo đã được Bộ LĐTB - XH ban hành, Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo đúng tiến độ và có hiệu quả. Nhà trường cũng thực hiện phương pháp, quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đảm bảo đánh giá nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học.

Công tác tuyển sinh của Nhà trường được cụ thể hoá bằng những quy định tuyển sinh đảm bảo chất lượng đầu vào và thực hiện theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Trường chủ động liên kết đào tạo trong hợp tác quốc tế: được công nhận là cơ sở đào tạo của City and Guilds; được Tập đoàn dệt Texhong (Trung Quốc) đưa sinh viên của Trường sang Trung Quốc thực tập và được nhận về làm việc trong cơ sở của họ đặt tại Việt Nam; được Trường Cao đẳng Swansea (Vương Quốc Anh) mời sang nước Anh trao đổi hợp tác đào tạo, mở ra triển vọng liên kết đào tạo bậc cao đẳng chính quy.

Trường đã ký một số thỏa thuận liên kết đào tạo với ĐH Chosun Hàn Quốc; Học viện Genetic Computer Singapore; Học viện Hòa Xuân Đài loan;

Hợp tác với Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA); Trường Đại học Khoa học & Công nghệ Lumphwa; Trường Đại học Berjaya, Malaysia; Cơ quan Giáo dục IDP của Úc; Trường đang kết hợp với Hiệp hội Da – Giày – Túi xách Việt Nam (Lefaso) tham dự các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn gia công ngành giày da với sự hỗ trợ của Thương vụ Ý tại TP.HCM (ITA) và Hiệp hội doanh nghiệp Da giày - thuộc da Ý (ASSOMAC)

*** Những tồn tại**

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy chưa được thực hiện đồng đều ở một số bộ môn, một số khoa, vẫn còn một số giảng viên lớn tuổi ít sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học hiện đại vào giảng dạy.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

- Thường xuyên nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn tại các khoa chuyên môn, bộ môn và tổ chức các lớp bồi dưỡng, các cuộc hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy cho giảng viên. Trong những năm học tới đạt 99% giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hoá người học một cách hiệu quả.

- Mở rộng quan hệ giao lưu với các trường bạn và hợp tác quốc tế để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giảng viên Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	17
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1

Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	1
Tiêu chuẩn 17	1

Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường được Tổng Cục dạy nghề (nay là Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp) cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho 22 ngành trình độ cao đẳng và 08 ngành trình độ trung cấp. (1.2.01- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp). Các ngành đào tạo của trường cũng đã được xây dựng chuẩn đầu ra và công bố công khai trên trang website của trường www.hitu.edu.vn (2.1.01- Bảng thống kê các ngành đào tạo của trường; 2.1.02 - Quyết định ban hành Chương trình đào tạo cao đẳng các ngành năm 2021, 2022, 2023; 2.1.03 - Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo 2021, 2022, 2023; 2.1.04 - Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về ngành đào tạo, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương đã xây dựng Quy chế tuyển sinh căn cứ vào Thông tư số 05/2017/TT – BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng; Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/03/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 05/2017/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học được xây dựng theo quy chế tuyển sinh của

Bộ LĐTB&XH ban hành (2.2.01 - *Quyết định ban hành quy chế tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024*).

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ LĐTB&XH về công tác tuyển sinh, Trường Cao đẳng Công Thương tổ chức hoạt động tuyển sinh theo hình thức xét tuyển, mỗi năm đều có điều chỉnh phù hợp với tình hình tuyển sinh của Trường và khu vực. (2.2.02 - *Các quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024*).

Thông báo tuyển sinh của Trường được quảng bá công khai trên website của trường: www.hitu.edu.vn. (1.1.09 - *Địa chỉ website của trường*).

Hàng năm, sau khi Bộ LĐTB&XH thông báo chỉ tiêu đào tạo, ngay từ học kỳ 2 của năm học, Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng làm Chủ tịch hội đồng (2.2.02 - *Các quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024*), Ban thư ký hội đồng tuyển sinh do Trưởng phòng đào tạo làm trưởng ban (2.2.03 - *Các quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024*). Hội đồng tuyển sinh xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động tuyển sinh, ban hành hướng dẫn tuyển sinh và tổ chức họp hội đồng tuyển sinh để triển khai thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh (2.2.04 - *Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024*).

Trước mỗi đợt tuyển sinh 15 ngày, hội đồng tuyển sinh họp để xét tuyển đối với các hồ sơ đăng ký dự tuyển (2.2.05 - *Biên bản họp xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh*), các thí sinh trúng tuyển sẽ nhận được giấy báo nhập học của Trường gửi tới theo đường bưu điện.

Sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh, Nhà trường sẽ tiến hành thanh kiểm tra công tác tuyển sinh (2.2.06 - *Biên bản thanh kiểm tra nội bộ công tác tuyển sinh*), lập báo cáo kết quả tuyển sinh năm đó và đăng ký tuyển sinh của năm sau (2.2.07 - *Báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022, 2023*) gửi Bộ Công thương và Sở LĐTB&XH TP.HCM theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, căn cứ quy chế tuyển sinh và các hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường thực hiện xây dựng, điều chỉnh đề án tuyển sinh riêng. Sau đó, Trường thực hiện công bố công khai các phương án tuyển sinh lên website Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Ngoài ra, Trường thực hiện in brochure tuyển sinh và gửi đến các trường THPT khu vực Miền

trung, Tây nguyên, Miền tây và Đông nam bộ (2.2.01 - Quyết định ban hành quy chế tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.3.01- Đề án tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.3.02 - Brochure tuyển sinh; 2.2.02 - Các quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào đề án tuyển sinh riêng và xem xét hồ sơ đăng ký xét tuyển do Ban thư ký HĐTS báo cáo để xác định điểm chuẩn và duyệt danh sách trúng tuyển (2.3.03 - Hồ sơ đăng ký xét tuyển; 2.2.05 - Biên bản họp xét tuyển của HĐTS; 2.3.05 - Thông báo điểm trúng tuyển cao đẳng chính quy năm 2021, 2022, 2023), danh sách này được niêm yết tại trường và công bố trên trang web của trường, thí sinh nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại trường và qua đường bưu điện. (2.3.06 - Quyết định biên chế các lớp và QĐ thí sinh đã trúng tuyển năm 2021, 2022, 2023; 2.3.04 - Quyết định phê duyệt và danh sách thí sinh trúng tuyển năm 2021, 2022, 2023).

Các hoạt động trong công tác tuyển sinh được nhà trường quan tâm, tổ chức và thực hiện nghiêm túc chặt chẽ, công bằng, khách quan, do đó, đến nay không có đơn thư khiếu nại, tố cáo về công tác tuyển sinh của trường (2.2.07 - Báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 2.3.07 - Ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác tuyển sinh hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với yêu cầu của nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế thì nhu cầu học tập nâng cao trình độ của người học ngày càng nâng cao. Để đáp ứng nhu cầu đó, Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã có chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo (1.9.04 - Các nghị quyết của Đảng bộ/Chi bộ Nhà trường; 1.6.04 - Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường.).

Hàng năm, Nhà trường đều lên kế hoạch đào tạo căn cứ vào các văn bản quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế và theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 và Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH (2.4.01 – Quy định đào tạo bậc cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; 2.4.02 - Kế hoạch học tập và giảng dạy năm học 2021 - 2022, 2022 – 2023, 2023-2024), các phương thức tổ chức đào tạo hiện tại của nhà trường đã đáp ứng được yêu cầu của người học (hơn 90% sinh viên có nhu cầu phù hợp với phương thức đào tạo đang thực hiện) (2.4.03 -

Danh sách người học cao đẳng theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; 2.3.06 - Quyết định biên chế các lớp theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ và danh sách các lớp năm học 2021 - 2022, 2022 – 2023, 2023-2024).

Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu học tập của người học để việc đa dạng hoá các phương thức tổ chức giáo dục đào tạo đạt nhiều hiệu quả hơn. (2.3.07 - Ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác tuyển sinh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đủ các quyết định ban hành chương trình đào tạo và Chương trình môn học của các ngành đã được đào tạo, trong đó qui định rõ về kế hoạch đào tạo của từng môn học (2.1.02 - Quyết định ban hành Chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp các ngành; 2.3.06 - Quyết định biên chế các lớp theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ và danh sách các lớp, khóa học năm học 2021 - 2022, 2022 – 2023, 2023-2024).

Từ năm 2019 đến nay, việc lập kế hoạch đào tạo cho các ngành và xây dựng tiến độ đào tạo cho từng khóa học, theo từng học kỳ, năm học do phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với các khoa thực hiện, căn cứ vào đặc điểm của từng ngành và theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2.4.02 - Kế hoạch học tập và giảng dạy năm học 2021- 2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.5.01 - Tiến độ đào tạo từng năm học). Hàng năm, Trường ban hành các văn bản triển khai và hướng dẫn thực hiện để đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch và tiến độ đào tạo đã đặt ra (2.5.02 - Thời khóa biểu từng học kỳ, năm học; 2.5.03 - Kế hoạch tổ chức kỳ thi kết thúc môn học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Khi đã có thời khoá biểu, giảng viên sẽ căn cứ vào nội dung, thời lượng đã qui định trong chương trình đào tạo để soạn kế hoạch giảng dạy chi tiết cho từng môn học được phân công (2.5.04 – Kế hoạch giảng dạy, Sổ giáo án).

Đầu mỗi học kỳ, phòng QL Đào tạo rà soát lại tiến độ đào tạo để lập thời khóa biểu cho học kỳ mới (2.5.02 - Thời khóa biểu từng học kỳ, năm học). Ngoài ra, phòng QL Đào tạo theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch đào tạo thông qua kế hoạch giảng viên (2.5.05 – Kế hoạch dạy và học của giảng viên từng học kỳ, năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024), hồ sơ lên lớp đảm bảo việc thực hiện đúng yêu cầu về nội dung (2.5.04 – Kế hoạch giảng dạy, Sổ giáo án).

Đặc biệt, Trường thực hiện kiểm tra đột xuất, định kỳ và dự giờ giảng của giảng viên ở tất cả các đơn vị để giám sát và đánh giá sự phù hợp của nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy với kế hoạch đào tạo và khả năng sinh viên (2.5.06 - Kế hoạch thanh tra đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.5.07 – Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học tập hàng năm; 2.5.08 - Kế hoạch dự giờ và kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV của các khoa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Cuối mỗi năm học, mỗi khóa học, phòng Đào tạo làm báo cáo tổng kết để rà soát và đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, từ đó đặt ra phương hướng hành động phù hợp cho giai đoạn tiếp theo (1.5.06 – Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của các phòng, khoa và các đơn vị trực thuộc trường.).

TT KT và BĐCL lập kế hoạch thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo từ đầu năm học (2.5.09 - Phiếu góp ý kiến của CBQL và GV về chương trình đào tạo; 2.5.10 - Phiếu góp ý kiến của Doanh nghiệp về chương trình đào tạo; 2.5.11 - Phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp đã đi làm về chương trình đào tạo). Sau mỗi đợt thu thập ý kiến, khảo sát, TT KT và BĐCL đều có báo cáo tổng hợp kết quả và các đề xuất kèm theo để điều chỉnh một số hoạt động đào tạo cho phù hợp. (2.5.12 - Báo cáo lấy kiến của doanh nghiệp và người học tốt nghiệp đã đi làm về chương trình đào tạo; 2.5.13 - Kết quả khảo sát lấy ý kiến của CBQL và GV hàng năm về chương trình đào tạo).

Cuối mỗi năm học, mỗi khóa học, TT KT và BĐCL làm báo cáo tổng kết để rà soát và đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, đánh giá việc sử dụng kết quả thu thập các ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên để đảm bảo tiến độ thực hiện kế hoạch đào tạo từ đó đặt ra phương hướng hành động phù hợp cho giai đoạn tiếp theo. (2.5.14 - Biên bản Hội thảo hiệu chỉnh chương trình đào tạo.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc lập kế hoạch đào tạo cho các ngành và xây dựng tiến độ đào tạo cho từng khóa học, theo từng học kỳ, năm học do phòng QL Đào tạo phối hợp với các khoa thực hiện, căn cứ vào đặc điểm của từng ngành và theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2.4.02 - Kế hoạch đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.5.01 - Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.6.04 – Chương trình đào tạo từng ngành.).

Hàng năm, Trường ban hành các văn bản triển khai và hướng dẫn thực hiện để đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch và tiến độ giáo dục đào tạo đã đặt ra (2.5.05 – *Kế hoạch dạy và học của giảng viên từng học kỳ, năm học*; 2.5.02 - *Thời khóa biểu từng học kỳ, năm học*. Khi đã có thời khóa biểu, giảng viên sẽ căn cứ vào nội dung, thời lượng đã qui định trong chương trình đào tạo để soạn kế hoạch giảng dạy chi tiết cho từng môn học được phân công (2.5.04 – *Kế hoạch giảng dạy, Sổ giáo án*; 2.6.01 - *Giáo án lý thuyết*; 2.6.02 - *Giáo án thực hành*).

Đặc biệt, Trường thực hiện kiểm tra đột xuất, định kỳ và dự giờ giảng của giảng viên ở tất cả các đơn vị để giám sát và đánh giá sự phù hợp của nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy với kế hoạch đào tạo và khả năng của sinh viên (2.6.03 - *Quyết định ban hành quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp*; 2.5.06 - *Kế hoạch thanh tra đào tạo hàng năm.*; 2.5.07 – *Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm*; 2.5.08 - *Kế hoạch dự giờ và kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV của các khoa*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà Trường triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được Tổng cục dạy nghề (nay là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) phê duyệt và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. 100% các chương trình đào tạo các ngành nghề được xây dựng dựa trên cơ sở mục tiêu, yêu cầu đầu ra nhằm đáp ứng thực tế nhu cầu lao động (1.2.01 - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp*).

Các môn học đang giảng dạy trong nhà trường đều tuân thủ theo chương trình đào tạo (mục tiêu, nội dung) đã được Hiệu trưởng phê duyệt ban hành (2.1.02 - *Quyết định ban hành Chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp các ngành*; 2.1.01 - *Bảng thống kê các ngành đào tạo của trường*).

Các hoạt động đào tạo của Trường đều được thực hiện có kế hoạch, tổ chức các hoạt động đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đã được phê duyệt cụ thể đến từng phòng, khoa, trung tâm; có kế hoạch đào tạo cụ thể chi tiết cho từng ngành, từng môn học (2.4.02 - *Kế hoạch đào tạo hàng năm*; 2.5.01 - *Tiến*

độ đào tạo từng năm học.).

Kế hoạch rà soát, đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động tổ chức đào tạo với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của Trường được thể hiện trong Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học (2.5.06 - Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Hàng năm, Trường đã liên kết với các doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM và các tỉnh lân cận để sinh viên thực tập, thực tế sản xuất và Trường cũng cử giảng viên phối hợp với doanh nghiệp hướng dẫn sinh viên thực tập và theo dõi, đôn đốc sinh viên thực hiện theo đề cương thực tập (2.7.01 - Hợp đồng thỏa thuận với doanh nghiệp về việc cho HSSV thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp; 2.7.02 – QĐ về việc cử sinh viên đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 2.7.03 - Danh sách giảng viên và cộng tác viên giảng dạy thực hành tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 2.7.04 – Đề cương thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023).

Trường đã thực hiện các hợp đồng liên kết đào tạo và thi công công trình nhằm tạo điều kiện cho người học có thêm công việc thực tập nâng cao tay nghề và làm quen với thực tế sản xuất (2.7.05 - Báo cáo kết quả thực tập của HSSV tại cơ sở sản xuất kinh doanh).

Sau mỗi đợt các sinh viên được tham gia thực tập tại các doanh nghiệp đều có báo cáo thực tập về khoa quản lý và có nhận xét, đánh giá, xác nhận của các đơn vị thực tập (2.7.06 - Tổng hợp Báo cáo kết quả thực tập của HSSV tại cơ sở doanh nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.7.07 - Phiếu đánh giá kết quả thực hành, thực tập HSSV của doanh nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.). Các ý kiến nhận xét của doanh nghiệp về quá trình thực tập của sinh viên là một kênh thông tin quan trọng cho công tác đào tạo của Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường tiến hành xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học và tổ chức đào tạo theo đúng chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng duyệt. Chương trình đào tạo của từng ngành, nghề có mục tiêu cụ thể, nội dung chương trình, tỷ lệ lý thuyết và thực hành bảo đảm đúng quy chế đào tạo trình độ cao

đăng, trung cấp của Bộ LĐ-TB&XH ban hành. Các khoa thực hiện đúng thời lượng đào tạo.

Nhà trường tăng cường đầu tư trang thiết bị, đồ dùng dạy học hiện đại; khuyến khích cán bộ, giảng viên ứng dụng phương pháp, công nghệ thông tin vào giảng dạy (trang bị máy tính, máy chiếu đa năng, xây dựng một số bài mô phỏng,...) để giúp sinh viên nhanh chóng tiếp thu các kiến thức và sử dụng tối đa thời gian thực hành, rèn luyện kỹ năng nghề. Việc đầu tư trang thiết bị, đồ dùng dạy học hiện đại được Nhà trường đặc biệt quan tâm và được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm. (**1.3.04** - *Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm*).

Nhà Trường đã triển khai nhiều hình thức và phương pháp dạy học tích cực khuyến khích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học, cụ thể: Chỉ đạo các khoa chuyên môn xây dựng giáo án, bài giảng thực hiện theo phương pháp tích hợp, tổ chức học tập theo nhóm, lấy người học làm trung tâm. Sử dụng bài giảng điện tử, khai thác hiệu quả các trang thiết bị, phương tiện và mô hình dạy học (**2.5.04** – *Kế hoạch giảng dạy, Sổ giáo án nhà giáo của các giảng viên*).

Trong mỗi học kỳ, các khoa đều tổ chức sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực, tham gia hội giảng các cấp, tổ chức dự giờ... nhằm lấy ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhà giáo, sinh viên và các hoạt động như vậy đều có phiếu đánh giá, nhận xét (**2.5.08** - *Kế hoạch dự giờ và kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV của các khoa; 2.8.01* - *Biên bản dự giờ và kiểm tra hoạt động giảng dạy của nhà giáo của các khoa năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.8.02* - *Phiếu đánh giá bài giảng của giáo viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*). Thông qua các hoạt động này, giảng viên nhà trường có nhiều cơ hội học tập, trao đổi kinh nghiệm áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, tùy theo từng ngành, nghề cụ thể mà các giảng viên lựa chọn các hình thức và phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá người học, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học. Và kết quả các hoạt động được tổng hợp và báo cáo BGH để có những chỉ đạo nhằm thay đổi kịp thời các phương pháp dạy học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo (**2.8.08** - *Quyết định Ban hành Quy định về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường; 2.8.09* - *Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà Trường các năm học; 2.8.10* - *Biên bản, báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của các phòng, khoa, trung tâm trực thuộc Trường trong các năm học*).

Để hoàn thiện các phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo

nhóm. Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát người học, nhà giáo trên website, phiếu khảo sát về phương pháp đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập và đều có báo cáo tổng hợp ý kiến, từ đó nghiên cứu, đánh giá, điều chỉnh kịp thời phương pháp đào tạo của nhà Trường (**2.8.03** - Kế hoạch khảo sát ý kiến của người học và nhà giáo về hoạt động giảng dạy của GV; **2.8.04** - Phiếu lấy ý kiến HSSV về hoạt động giảng dạy của GV; **2.8.05** - Phiếu lấy ý kiến của nhà giáo về hoạt động giảng dạy của GV; **2.8.06** - Tập Sổ lên lớp các lớp các ngành đang đào tạo; **2.5.04** - Kế hoạch giảng dạy, Sổ giáo án; **2.8.07** - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của người học và nhà giáo về hoạt động giảng dạy của GV).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm qua, Nhà trường đã có nhiều chính sách động viên, khuyến khích cán bộ - giảng viên đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học trong cả các bài giảng lý thuyết và thực hành. Việc đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học luôn được Nhà trường đặc biệt quan tâm, điều này được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm. (**1.3.04** - Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm; **2.9.01** - Bảng thống kê cơ sở vật chất của nhà trường; **2.9.02** - Danh sách các phần mềm dạy học; **2.9.03** - Hình ảnh Ứng dụng hệ thống xem điểm trực tuyến). Mạng tra cứu kết quả học tập của người học rõ ràng thông qua phần mềm EduSoft, đầy đủ, chính xác, thuận lợi và an toàn; **2.9.04** - Ứng dụng hệ thống SMS thông báo tình hình chuyên cần và các hoạt động của nhà trường.).

Tất cả các hoạt động về đào tạo của Trường đều có cơ sở dữ liệu đặt tại máy chủ phòng QL Đào tạo. Việc tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả thông qua việc chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị trong Trường bằng việc sử dụng phần mềm Micro - Soft (**2.9.05** - Hình ảnh Tài khoản cho HSSV truy cập và tra cứu được các thông tin về chương trình đào tạo, kết quả thi, kiểm tra...; **2.9.06** - Hình ảnh trang đầu các phần mềm; **2.9.07** - Hình ảnh phân quyền từ phần mềm; **2.9.08** - Giao diện đăng ký môn học online cho bậc Cao đẳng; **2.9.09** - Ứng dụng hệ thống website để quản lý thư viện; **2.9.10** - Ý kiến của người học, nhà giáo về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc xây dựng kế hoạch tổ chức, giám sát hoạt động dạy và học được thực hiện nghiêm túc và chặt chẽ. Việc giám sát được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất đảm bảo tính khách quan và hiệu quả, bằng các biện pháp như: kiểm tra hồ sơ giảng dạy (giáo án, sổ tay giáo viên, đề cương bài giảng, thực hiện tiến độ), kiểm tra sổ lên lớp, dự giờ đánh giá quá trình lên lớp của giảng viên, chất lượng của giờ giảng. (1.1.03 - Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; 2.10.01 - Quyết định thành lập Tổ Thanh tra đào tạo; 2.10.02 - Quy định nội dung kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; 2.10.03 – Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; 2.10.04 - Kế hoạch năm học của TTKT&ĐBCL). Để nâng cao chất lượng các hoạt động dạy và học, mỗi năm, Nhà trường lập kế hoạch về việc thu thập các ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên về các hoạt động dạy và học để từ đó có sự điều chỉnh kịp thời và hợp lý để nâng cao chất lượng giảng dạy (2.5.07 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học.).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trung tâm KT & ĐBCL lập báo cáo kết quả khảo sát và tổng hợp, đánh giá, sau đó đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học. Do đó, Nhà trường luôn có nhiều phương án điều chỉnh các hoạt động dạy và học phù hợp theo đề xuất khi cần thiết (2.5.07 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; 1.8.01 - Báo cáo tổng kết hoạt động năm học TTKT & ĐBCL.).

Hàng năm, Nhà trường đều lập báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học kèm theo các đề xuất. Các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học luôn được kịp thời điều chỉnh theo đề xuất (2.11.01 – Ảnh chụp phiếu trả lời khảo sát người học, nhà giáo, CBQL về kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; 2.11.02 - Báo cáo phân tích kết quả khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học.).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng

chỉ theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2017, Trường căn cứ Thông tư số 09/2017/TT - BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ LĐTBXH quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ LĐTBXH về quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng để soạn thảo các quy định, quy chế của Trường. Hàng năm, Nhà trường có tổ chức soạn thảo sổ tay sinh viên và sổ tay cố vấn học tập để phổ biến cho giảng viên và sinh viên biết Quy chế kiểm tra, thi, đồng thời chỉ đạo các khoa chuyên môn thực hiện đúng quy trình kiểm tra theo Quy chế. **(2.6.03 - Quyết định ban hành quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; 2.12.01 - Quy định công tác HSSV hàng năm; 2.12.02 - Quy định công tác Trung tâm Khảo thí & BDCL; 2.12.03 - Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng thực tế yêu cầu lao động, Nhà Trường luôn phối hợp và liên kết chặt chẽ với các công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trong quá trình tổ chức đào tạo và đánh giá người học, qua các hoạt động như:

Hợp đồng thực tập tại doanh nghiệp nhằm gắn đào tạo với thực tế sản xuất, tổ chức cho HSSV đi thực tập tại cơ sở, trong quá trình sinh viên thực tập giáo viên hướng dẫn thường xuyên phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức hướng dẫn, đánh giá quá trình thực tập, thực hành tại cơ sở thực tập, khi hoàn thành quá trình thực tập HSSV hoàn thiện báo cáo và phải có nhận xét đánh giá quá trình thực tập của cơ sở thực tập **(2.7.01 - Hợp đồng thỏa thuận với doanh nghiệp về việc cho SV thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp; 2.7.02 - QĐ về việc cử sinh viên đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.7.04 - Đề cương thực hành, thực tập tại doanh**

nghiệp; 2.7.05 - Báo cáo kết quả thực tập của SV tại doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.7.07 - Phiếu đánh giá kết quả thực hành, thực tập SV của doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Mặt khác, để việc đánh giá kết quả của người học đáp ứng được nhu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Nhà Trường mời các đơn vị sử dụng lao động các ngành nghề mà từng khoa phụ trách, để họ tham gia vào việc chấm thi và đóng góp ý kiến trong việc hoàn thiện đề thi thông qua các quyết định của nhà Trường.

Thông qua các buổi hội thảo gắn kết giữa nhà Trường và doanh nghiệp, các doanh nghiệp thật sự rất quan tâm đến chất lượng của người học và họ luôn mong muốn được tham gia vào việc đào tạo, cũng như việc theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá của người học (**2.13.01**- *Danh sách các ngành đào tạo của trường; 2.13.02* - *Danh sách đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả học tập của người học; 2.13.03* - *Báo cáo kết quả công tác rà soát, đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động tổ chức đào tạo với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo hàng năm; 2.13.04* - *Phiếu chấm kết quả học tập của HSSV có sự tham gia của đại diện đơn vị sử dụng lao động; 2.13.05* - *Quyết định Hội đồng thi, Ban coi thi, Ban chấm thi năm 2021, 2022, 2023).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác tổ chức kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên được thực hiện theo đúng qui định. Việc tổ chức thi được thực hiện theo qui trình: căn cứ vào kế hoạch đào tạo để lập kế hoạch thi, sau đó thành lập Hội đồng thi và thông báo danh sách sinh viên được dự thi, lịch thi cụ thể (**2.4.02** - *Kế hoạch đào tạo hàng năm; 2.5.01* - *Tiến độ đào tạo từng năm học; 2.5.03* - *Kế hoạch thi kết thúc môn học; 2.14.01* - *Quyết định thành lập Hội đồng thi; 2.14.02* - *Quyết định ban thư ký; 2.14.03* - *Quyết định ban đề thi.*). Quá trình thi được tổ chức nghiêm túc, khách quan: mỗi phòng thi có 2 giám thị coi thi, ngoài ra còn có giám thị hành lang, thanh tra đào tạo kiểm tra (**2.14.04** - *Quyết định ban coi thi; 2.14.05* - *Quyết định ban chấm thi; 2.14.06* - *Biên bản coi thi, bài thi HSSV.*). Sau khi có kết quả thi, Hội đồng thi sẽ họp để đánh giá tình hình, xét và quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện (**2.14.07** - *Danh sách HSSV đủ điều kiện dự thi.; 2.14.08* - *Bảng điểm; 2.14.09* - *Đơn xin phúc khảo; 2.14.10* - *Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm.*

Sau mỗi đợt tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, Nhà trường đều có biên bản kết luận thanh kiểm tra công tác kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, xét công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm. (2.14.11 - Báo cáo của tổ Thanh tra đào tạo.).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quy trình tổ chức kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp được Nhà trường thực hiện rà soát một cách nghiêm túc, khách quan từ việc tổ chức ra đề thi, công tác bảo mật, tổ chức coi thi, chấm thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết. (2.15.01 - Kế hoạch hàng năm về việc rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ; 2.13.03 - Báo cáo việc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động tổ chức đào tạo với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo hàng năm; 2.15.02 - Báo cáo việc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm; 2.15.03 - Báo cáo kết quả khảo sát, nhà giáo và cán bộ quản lý về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ.).

Quy trình rà soát các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện nghiêm túc, công bằng và khách quan. Các hình thức kiểm tra đánh giá luôn phù hợp với đặc thù môn học và mục tiêu đào tạo. Đánh giá quá trình học tập của sinh viên cũng góp phần quan trọng trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên cuối kỳ. Kết quả học tập của sinh viên luôn được thông báo trong thời gian sớm nhất và luôn đảm bảo tính chính xác, đúng quy định. (2.15.04 – Quy trình rà soát các quy định đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTĐ ngày 21/9/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, nhà Trường đã xây dựng và ban hành quy

định về đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ đào tạo nghề được nhà Trường thực hiện đúng theo Quy định về tổ chức đào tạo liên thông (**2.16.01** - *Quyết định số 521/QĐ-CDCT ngày 05/09/2019 Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp*).

Nhà Trường đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo liên thông đối với các nghề được cấp phép đào tạo và nằm trong chỉ tiêu được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt (**1.2.01** - *Giấy chứng nhận số 195/2017/GCNĐKHD-TCDN ngày 28/06/2017 Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 1.2.02* - *Giấy chứng nhận Đăng ký số 50/2023/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 07/08/2023 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp thay thế Giấy chứng nhận số 195/2017/GCNĐKHD-TCDN; 1.2.03* - *Giấy chứng nhận số 50a/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 30/8/2023 Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp*).

Tất cả các ngành, nghề đào tạo liên thông đều có đủ chương trình để tổ chức đào tạo và được tổ chức biên soạn xây dựng, rà soát và thẩm định chương trình đào tạo theo đúng và được Hiệu trưởng quyết định ban hành (**2.16.02** – *Danh sách các chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ Cao đẳng; 2.16.03* - *Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng của Trường và Bộ chương trình đào tạo kèm theo; 2.16.04* – *Quyết định về việc điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng của Trường; 2.16.05* – *Thông báo tuyển sinh liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023-2024*).

Từ năm 2021 đến năm 2023, Trường đều có mở lớp đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng và hằng năm, Trường đều có báo cáo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kết quả đào tạo liên thông của Trường (**2.16.06** – *Báo cáo kết quả đào tạo liên thông năm 2021, 2022, 2023; 2.16.07* – *Danh sách sinh viên đã tốt nghiệp và đang theo học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng*).

Hàng năm, nhà Trường thực hiện khảo sát người học, nhà giáo trên phiếu khảo sát về công tác đào tạo liên thông hiện có của Nhà Trường và báo cáo tổng hợp ý kiến, từ đó nghiên cứu, đánh giá, điều chỉnh kịp thời công tác đào tạo liên thông (**2.8.03** - *Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.16.09* - *Bộ phiếu khảo sát sinh viên của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.16.10* - *Danh sách sinh viên được khảo sát ý kiến năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.16.11* - *Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.16.12*

- *Bộ phiếu thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.16.13 - Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.16.14 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).*

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các hoạt động về đào tạo của Trường đều có cơ sở dữ liệu đặt tại máy chủ ở phòng Quản lý Đào tạo. Việc tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả thông qua việc chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị trong Trường bằng việc sử dụng phần mềm (2.17.01 - Quy định về quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo; 2.17.02 - Quy định hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học trong đào tạo; 2.17.03 - Phần mềm quản lý đào tạo; 2.9.07 - Hình ảnh phân quyền từ phần mềm).

Hàng năm, phòng Quản lý Đào tạo đều lên kế hoạch và báo cáo kết quả khảo sát về chất lượng phần mềm phục vụ cho hoạt động dạy và học (2.16.08 - Kế hoạch khảo sát ý kiến của người học về hoạt động đào tạo; 2.16.11 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của người học về hoạt động đào tạo.).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17, tiêu chí 2: 1 điểm

3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

*** Mở đầu**

Để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, đáp ứng được nhu cầu của xã hội, đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường không ngừng được nâng cao trình độ và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của Trường cao đẳng, từ đó góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn để đạt tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao.

Đội ngũ CBQL của các bộ phận thuộc Trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định. Tính đến cuối tháng 4 năm 2024, tổng số CB, VC, NLĐ của Trường là 347 người, trong đó cán bộ lãnh đạo, quản lý là 49 người, 195 giảng

viên cơ hữu, 103 viên chức khối hành chính và người lao động hợp đồng.

*** Những điểm mạnh**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Trường đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường. Nhà trường có chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ, được hỗ trợ cả về thời gian và kinh phí khi đi học tập bồi dưỡng chuyên môn ở trong và ngoài nước.

Trường có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý có đủ về số lượng và đáp ứng tốt các yêu cầu về giáo dục nghề nghiệp, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Đội ngũ nhân viên và người lao động có kinh nghiệm trong công tác, làm việc có hiệu quả, chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động.

Các cán bộ quản lý trong Trường có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Nhà trường có số lượng nhân viên có nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mà Nhà trường đề ra theo quy định về biên chế và hoạt động cụ thể của từng bộ phận trong trường, đáp ứng hầu hết các nhiệm vụ của Nhà trường.

Trường có cơ chế, chính sách khuyến khích được toàn bộ giáo viên và cán bộ công nhân viên tham gia cải tiến công tác quản lý, tác phong làm việc, nghiên cứu cải tiến các chương trình đào tạo, xây dựng giáo trình, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào quá trình giảng dạy và truyền thụ kiến thức, kỹ năng cho người học đảm bảo chất lượng và uy tín.

*** Những tồn tại**

- Số lượng cán bộ, giảng viên được cử đi học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài chưa nhiều.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

- Tiếp tục duy trì các điểm mạnh của tiêu chí.

- Đẩy mạnh thực hiện chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM giai đoạn 2021 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá
Tiêu chí 3	15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1

Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ là Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; và nay là Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP;

Để thực hiện tốt việc tuyển dụng nhà giáo, hàng năm Trường đều có ban hành quy định về tuyển dụng viên chức dựa theo các quy định trong Bộ luật Lao động, Luật Viên chức, Quy chế về công tác cán bộ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương. Trong quy định này đã thể hiện rõ các dạng hợp đồng, biên chế, thời gian thử việc, chế độ lương tập sự, bảo hiểm, ... để người lao động yên tâm làm việc với Trường.

Trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm của toàn Trường và Bảng mô tả vị trí việc làm của từng đơn vị với các vị trí việc làm phù hợp với điều kiện thực tế, từ đó xác định nhu cầu tuyển dụng cho từng vị trí. Mỗi vị trí nêu rõ tiêu chuẩn và yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, ... giúp tuyển dụng đúng người và

đáp ứng nhu cầu cần thiết của nhà Trường. **(3.1.01- Quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; 3.1.02 – Quy trình tuyển dụng nhà giáo; 3.1.03 – Quy trình tuyển dụng nhân viên; 3.1.04 – Quy định về đánh giá xếp loại giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.)**

Nhiệm vụ nâng cao năng lực giảng dạy là nhiệm vụ trọng tâm và hàng đầu của Nhà trường. Ngay từ đầu năm, Nhà trường đã có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên, đặc biệt là các giảng viên trẻ **(1.1.03 - Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; 3.1.05 - Kế hoạch tự học tập bồi dưỡng của nhà giáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.1.06 - Danh sách, quyết định cử cán bộ - nhà giáo đi công tác, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.)**

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư số 06/2017/TTBLĐ-TBXH Quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, và Thông tư Số: 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM đã xây dựng các quy trình tuyển dụng giảng viên, nhân viên làm việc và giảng dạy tại Trường. Khi có nhu cầu tuyển dụng, Nhà trường lấy ý kiến thông qua các biên bản họp của các Khoa, Phòng, Trung tâm và thông qua Hội nghị Viên chức. Sau đó, thông tin tuyển dụng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, quá trình tuyển dụng luôn đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, chính xác và khách quan. Kết quả thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động cũng được đảm bảo tính công khai, minh bạch và khách quan. **(3.2.01- Đề án vị trí việc làm của trường; 3.1.02 - Quy trình tuyển dụng giảng viên; 3.1.03 - Quy trình tuyển dụng nhân viên; 3.2.02 - Thông báo tuyển dụng viên chức năm**

2021, 2022, 2023; **3.2.03** - Thông báo kết quả xét tuyển viên chức năm 2021, 2022, 2023; **3.2.04** - Tờ trình về quy hoạch nguồn nhân sự cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, cán bộ công chức; **3.2.05** - Danh sách đề xuất bổ sung quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức).

(**3.2.06** - Kế hoạch tuyển dụng viên chức, thông báo tuyển dụng viên chức, thông báo kết quả xét tuyển viên chức, hình thức thông báo tuyển dụng; **3.2.07** - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức; **3.2.08** - Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026; **3.2.09** - Quyết định số 184/QĐ-CDCT ngày 25/3/2020 Về việc phê duyệt quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2021 và giai đoạn 2021-2026 - có danh sách kèm theo).

Trường Cao đẳng Công Thương thực hiện đầy đủ các quy định về các chế độ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. 100% cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà Trường được tham gia bảo hiểm xã hội. 100% được khám sức khỏe mỗi đầu năm học, được đi du lịch trong và ngoài nước 1 năm/ lần, các ngày lễ, tết đều được quà theo quy định.

Ngoài ra, Nhà trường còn có các chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ (**3.2.10** - Quy định chế độ chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên, nhân viên đi học tập bồi dưỡng). Các kế hoạch, biện pháp thực hiện việc bồi dưỡng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ được thể hiện tại các nghị quyết Đảng ủy, kết luận hội nghị giao ban (**3.2.11** - Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng và phương hướng công tác đào tạo bồi dưỡng của trường năm 2021, 2022, 2023; **3.2.12** - Báo cáo về việc hỗ trợ giáo viên, cán bộ viên chức học nâng cao trình độ năm 2021, 2022, 2023; **3.2.13** - Ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, đánh giá, phân loại.).

Qua báo cáo tổng kết năm của Trường và báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân, cho thấy Trường đã thực hiện tốt công tác chế độ, chính sách đối với đội ngũ lao động tại Trường, không có khiếu nại, tố cáo, hoặc các sai phạm trong thực hiện quy chế

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tính đến tháng 4 năm 2024, Trường có 297 giảng viên. Tất cả giảng viên đều có trình độ đại học trở lên, các giảng viên đều tốt nghiệp đại học hoặc có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm đảm bảo đáp ứng điều kiện theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; và Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

Các giảng viên dạy thực hành đều đạt chuẩn về kỹ năng thực hành theo quy định. (3.3.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học*; 3.3.02 - *Hồ sơ quản lý nhà giáo*; 3.3.06 - *Phiếu đánh giá nhận xét, đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động*). 100% giảng viên có trình độ tin học Ứng dụng cơ bản hoặc tương đương trở lên; Chứng chỉ ngoại ngữ B1, C tương đương bậc 3 là: 119; Chứng chỉ ngoại ngữ B2 tương đương bậc 4 là: 34; Chứng chỉ ngoại ngữ C1 tương đương bậc 5 là: 09; Cử nhân anh văn là: 15.

Hiện tại Nhà trường có đội ngũ giảng viên dạy thực hành đáp ứng yêu cầu giảng viên dạy được cả lý thuyết và thực hành (3.3.03 - *Thống kê giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành*; 3.3.04 - *Tổng hợp giờ giảng của giảng viên các năm học 2020–2021, 2021-2022, 2022-2023*).

Trong năm học, Ban Thanh tra sẽ tiến hành thanh kiểm tra trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của của đội ngũ các giảng viên (3.3.05 - *Báo cáo đánh giá, xếp loại nhà giáo GDNN theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2020–2021, 2021-2022, 2022-2023*; 3.3.06 - *Phiếu đánh giá nhận xét, đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động*).

Trong những năm qua, nhà trường chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo về tin học, ngoại ngữ và kỹ năng nghề đảm bảo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định (3.3.07 - *Kế hoạch mở các lớp nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp, tin học ứng dụng...*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường

Trường đã ban hành quy chế tổ chức hoạt động để làm căn cứ cho nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng để làm căn cứ đánh giá kết quả làm việc của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động luôn thực hiện nhiệm vụ đúng theo quyền hạn, quy định, không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của nhà Trường.

Các trường đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu về hiệu quả hoạt động của đơn vị, đảm bảo đúng với chủ trương của lãnh đạo nhà Trường, đúng pháp luật, có mối quan hệ phối hợp tốt trong việc giải quyết những công việc mang tính chất liên quan đến nhiều đơn vị trong Trường thông qua phiếu yêu cầu phối hợp công tác do đó công việc được giải quyết đúng tiến độ và hiệu quả, kích thích sự phát triển trong toàn Trường.

Đối với viên chức, người lao động nói chung thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do trường bộ phận phân công, được quy định cụ thể tại quy chế hoạt động. Đối với giảng viên của Trường, các nhiệm vụ được quy định gồm công tác giảng dạy, thực hiện sổ sách, hồ sơ, biên soạn giáo trình, tài liệu, nghiên cứu khoa học, tham gia hoạt động thuộc về GDNH của khoa, tự bồi dưỡng theo hướng chuẩn hóa và bồi dưỡng cho giảng viên khác... Đối với cán bộ quản lý, ngoài việc thực hiện nhiệm vụ của bộ phận đã được văn bản hóa, còn phải hoàn thành tốt công tác quản lý, điều hành bộ phận mình phụ trách

Công tác đánh giá, phân loại viên chức bao gồm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động theo hướng dẫn, quy trình của cơ quan quản lý cấp trên, theo Luật Viên chức, được thực hiện hàng năm và được tổng hợp để báo cáo cấp trên. Công tác đánh giá, phân loại được Trường triển khai từ hướng dẫn của cơ quan cấp trên. Cuối mỗi năm học, Trường đều xét và công nhận kết quả cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

(3.3.01 – Danh sách trích ngang nhà giáo; 3.4.01 – Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; 3.4.02 - Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Trường; 3.4.03 - Nội quy và quy định của trường về công tác thi đua, khen thưởng; 3.3.06 - Phiếu đánh giá nhận xét, đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động; 1.6.04 - Báo cáo

hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng QL Đào tạo lập kế hoạch đào tạo cho từng ngành, xây dựng tiến độ đào tạo trình Hiệu trưởng phê duyệt (2.4.02 - Kế hoạch đào tạo hàng năm; 2.5.01 - Tiến độ đào tạo từng năm học). Căn cứ vào danh sách sinh viên của các lớp học, số lượng giảng viên hiện có của Trường (2.5.05 - Kế hoạch giáo viên từng học kỳ, năm học), theo kế hoạch và tiến độ đào tạo của năm học, Phòng QL Đào tạo phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch phân công giảng viên, thời khoá biểu cho từng môn học (2.5.02 - Thời khoá biểu từng học kỳ, năm học).

Từ năm 2018 đến nay, tất cả các môn học theo kế hoạch đào tạo đã lập đều có giảng viên giảng dạy và số lượng sinh viên trong lớp đúng theo quy định. (3.3.04 – Tổng hợp giờ giảng của nhà giáo các năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Thực hiện Nghị định 143/2016/NĐ – CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và công văn 199/TCDN-KHTC ngày 06/4/2007 của Tổng cục dạy nghề hướng dẫn tính số lượng sinh viên quy đổi và giảng viên quy đổi. Số lượng sinh viên và giảng viên hàng năm của Trường luôn đảm bảo đúng quy định. (2.3.06 - Quyết định biên chế các lớp theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ và danh sách các lớp, khóa học các năm học từ 2020-2021 đến 2022-2023; 3.3.01 - Danh sách giáo viên các năm từ năm học 2020–2021, 2021-2022, 2022-2023).

Căn cứ vào tổng hợp giờ giảng của giảng viên hàng năm, bảng thống kê vượt giờ của giảng viên và cán bộ quản lý (3.5.01 - Thống kê vượt giờ của cán bộ, giáo viên các năm từ 2020–2021, 2021-2022, 2022-2023) và theo quy định tiêu chuẩn giảng dạy của giảng viên, cán bộ quản lý nhà trường hàng năm (3.5.02 - Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường; 3.5.03 - Kế hoạch phân công giảng dạy cho toàn khóa

của chương trình; 3.5.04 – Danh sách người học từng lớp, danh sách thể hiện số người học học lý thuyết, học thực hành) cho thấy: giảng viên có số giờ giảng dạy không vượt quá 1/2 số giờ tiêu chuẩn; giảng viên kiêm chức có số giờ giảng dạy không vượt quá 1/3 số giờ tiêu chuẩn nhưng không quá 200 giờ trong một năm học.(3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo; 3.5.05 – Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm 2020, 2021, 2022; 3.5.06 – Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khác của nhà giáo theo học kỳ, năm học; 3.5.07 – Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo; Bảng tính người học quy đổi; Bảng tính nhà giáo quy đổi; 3.5.08 - Biên bản thanh, kiểm tra đối với đội ngũ nhà giáo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng QL Đào tạo phối hợp các Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng ngành theo khoá học, chi tiết đến từng môn học, cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập lao động sản xuất theo đúng yêu cầu của chương trình đào tạo. Với chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu đã được phê duyệt, đội ngũ giảng viên đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. (2.4.02 - Kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.6.04 - Chương trình đào tạo từng ngành; 2.8.06 - Tập Sổ lên lớp các lớp, các ngành đang đào tạo; 3.6.01 - Sổ tay giáo viên; 2.5.04 - Kế hoạch giảng dạy, Sổ giáo án; 2.5.08 - Kế hoạch dự giờ và kiểm tra hoạt động giảng dạy của nhà giáo của các khoa; 2.8.01 - Biên bản dự giờ và kiểm tra hoạt động giảng dạy của nhà giáo của các khoa; 3.3.01 – Danh sách trích ngang nhà giáo.).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để chuẩn hóa trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của Nhà trường, Trường luôn có nhiều chính sách đãi ngộ đối với giảng viên và có nhiều hình thức thực hiện các chính sách, khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy (3.7.01 - Báo cáo kết quả học tập, bồi dưỡng của cán bộ quản lý hàng năm; 3.7.02 – Văn bản của trường quy định chính sách khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ

chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy; Quy chế làm việc, Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023; 3.7.03 – Công văn đăng ký kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021, 2022, 2023; 3.7.04 – Công văn tham gia tổ chức lớp bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá kỹ năng thực hành cho nhà giáo; 3.7.05 – Công văn đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023; 3.7.06 – Thông báo kết luận của Ban giám hiệu tại Hội nghị giao ban về bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.)

(3.7.07 - Danh sách nhận tiền hỗ trợ học tập nâng cao trình độ sau đại học năm 2020 -2021, 2021-2022, 2022-2023; 3.7.08 - Quyết định khen thưởng các nhóm tác giả đạt giải các Hội thi cấp cơ sở theo các đợt tổ chức; 3.7.09 - Quyết định về việc khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 3.3.07 - Kế hoạch mở các lớp nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp, tin học ứng dụng...).

Hàng năm, nhà Trường đều có thông báo cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đăng ký tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp do trường hoặc các đơn vị khác tổ chức (3.7.10 - Thông báo đăng ký các lớp bồi dưỡng hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Thực hiện mục tiêu phát triển Nhà trường thành Trường Cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025, mỗi năm Nhà trường đều có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên. Thực hiện chỉ đạo của Nhà trường, hàng năm các đơn vị hướng dẫn toàn thể cán bộ, giảng viên rà soát và lập kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ của riêng mình để làm căn cứ đề xuất Nhà trường bố trí cử đi học tập nâng cao trình độ.

Năm 2023, có 235 lượt nhà giáo được bồi dưỡng, cập nhật nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp, 93 lượt viên chức được bồi dưỡng nghiệp vụ soạn thảo văn bản, 47 viên chức quản lý được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cấp Phòng.

(1.9.04 - Các nghị quyết của Đảng bộ Nhà trường; 3.7.03 - Công văn và danh sách cử nhà giáo tham gia các khóa học; 3.1.06 - Danh sách, quyết định cử cán bộ - nhà giáo đi công tác, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong và

ngoài nước; **3.8.01** - Hình chụp cán bộ, nhà giáo, nhân viên đang học tập, bồi dưỡng; **3.8.02** – Các văn bằng, chứng chỉ của nhà giáo sau khóa học; **3.8.03** - Kế hoạch Tổ chức hội giảng hàng năm ; **3.8.04** – Báo cáo hội giảng cấp đơn vị các năm 2020, 2021, 2022; **3.8.05** – Kết quả Hội giảng cấp Trường các năm từ 2020 đến năm 2022; **3.8.06** – Danh sách nhà giáo dạy giỏi cấp trường, cấp ngành, cấp thành phố, và quyết định khen thưởng nhà giáo dạy giỏi; **3.8.07** – Quyết định về cử nhà giáo tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng, trao đổi, nghiên cứu trong nước hoặc nước ngoài các năm 2021, 2022, 2023; **3.7.01** - Báo cáo kết quả của các khóa học, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn chú trọng trong việc xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn theo quy định. Trong những năm qua, Nhà trường thường xuyên lên kế hoạch và tổ chức cho giảng viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng (ngắn hạn, dài hạn) để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho đội ngũ giảng viên.

Hàng năm Nhà Trường đều có kế hoạch đưa giảng viên đi thực tế, làm việc tại các doanh nghiệp để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nghề. Trong các hoạt động trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, giảng viên đã cập nhật kiến thức, quy trình công nghệ mới, thiết bị máy móc mới tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn để bổ sung cho hoạt động giảng dạy, tìm hiểu cách thức tổ chức sản xuất, hoạt động của doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn nơi giảng viên thực tập, nghiên cứu quy trình công nghệ tại doanh nghiệp đang sử dụng, cập nhật công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý, tiếp cận công việc thực tế tại doanh nghiệp nhằm rèn luyện kỹ năng trong thực tiễn, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Sau khi kết thúc đợt đi thực tế tại doanh nghiệp, mỗi giảng viên đều có báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đi thực tế sản xuất của mình. (**3.9.01** - Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng có phân môn giảng dạy; **3.9.02** – Danh sách nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất năm 2021, 2022, 2023; **3.9.03** - Kế hoạch giảng viên đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động các năm học; **3.9.04** – Văn bản/tài liệu/hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động

năm 2021, 2022, 2023; 3.7.01 - Báo cáo công tác bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo các năm học).

Nhà Trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo về việc bồi dưỡng, đề cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức sản xuất (2.8.03 - Kế hoạch thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý hàng năm; 3.9.05 - Bộ phiếu thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý hàng năm; 3.9.06 - Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát hàng năm; 3.7.01 – Báo cáo công tác bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo các năm học; 3.9.07 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều có tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, từ đó rà soát, lập danh sách các giáo viên còn chưa đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ để tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng (ngắn hạn, dài hạn) nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành (3.2.11 - Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng và phương hướng công tác đào tạo bồi dưỡng của trường năm 2021, 2022, 2023; 3.1.05 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo năm 2021, 2022, 2023; 1.6.04 - Báo cáo tổng kết năm học, phương hướng nhiệm vụ năm học).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Luật GDNN và căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 và Thông tư 15/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 21/10/2021 quy định về điều lệ Trường cao đẳng. Theo các điều này thì Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng của Trường đều đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện.

Ban Giám hiệu Trường hiện có 04 đồng chí: 01 Hiệu trưởng và 03 phó Hiệu trưởng. Các chức danh của Ban Giám hiệu Trường được Bộ Công Thương ra quyết định bổ nhiệm và lưu giữ hồ sơ quản lý. Việc phân công nhiệm vụ trong

Ban Giám hiệu được thực hiện một cách khoa học, công khai, minh bạch đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý điều hành Nhà trường.

(1.5.01 - Thông báo số 09/TB-CDCT ngày 02/01/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM Phân công nhiệm vụ Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng).

Hiệu trưởng Nhà trường từ tháng 03 năm 2017 đến nay Bùi Mạnh Tuân (sinh năm 1971), thạc sỹ Cơ khí chế tạo máy, cao cấp lý luận chính trị, Chứng chỉ quản lý giáo dục nghề nghiệp, có nhiều đề tài nghiên cứu cấp Bộ và là chủ nhiệm nhiều công trình nghiên cứu khoa học. Nhiều năm liền đạt nhiều danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. Có nhiều kinh nghiệm thực tế. Bổ nhiệm lần đầu năm 2017 (**3.11.01 - Danh sách trích ngang của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng**).

Phó Hiệu trưởng Đặng Công Quốc (sinh năm 1968) có trình độ thạc sĩ khoa học, thạc sĩ công nghệ thông tin, cao cấp Lý luận chính trị, trình độ ngoại ngữ B1, có nhiều bài báo khoa học trong nước và quốc tế. Đạt nhiều danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, nhiều bằng khen cấp ngành, Bộ. Có nhiều kinh nghiệm thực tế - Bổ nhiệm lần đầu ngày 04 tháng 4 năm 2013 (**3.11.01 - Danh sách trích ngang của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng**).

Phó Hiệu trưởng Nguyễn Anh Tuấn (sinh năm 1974), thạc sỹ Thiết bị mạng và nhà máy điện, trung cấp lý luận chính trị, có nhiều đề tài nghiên cứu cấp Bộ. Đạt nhiều danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, nhiều bằng khen các cấp. Có nhiều kinh nghiệm thực tế - Bổ nhiệm lần đầu tháng 05 năm 2018 (**3.11.01 - Danh sách trích ngang của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng**).

Phó Hiệu trưởng Trần Vũ Vượng (sinh năm 1975), thạc sỹ quản lý hành chính công, trung cấp lý luận chính trị. Đạt nhiều danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, nhiều bằng khen các cấp. Có nhiều kinh nghiệm thực tế - Bổ nhiệm lần đầu tháng 12 năm 2022. (**3.11.01 - Danh sách trích ngang của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng**).

Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng được bổ nhiệm đảm bảo các yêu cầu theo quy định các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng và Quy chế bổ nhiệm, công nhận, bổ nhiệm lại, công nhận lại, miễn nhiệm, thôi công nhận, từ chức hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường cao đẳng.

Ban Giám hiệu Nhà trường đều đạt chuẩn các yêu cầu về trình độ chuyên môn, đều trưởng thành từ giảng viên giảng dạy, có thâm niên công tác và độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng; bản thân có phẩm chất đạo đức tốt, sống giản dị, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao thể hiện ở sự phát triển mạnh mẽ về quy mô đào tạo cũng như cơ sở vật chất của nhà trường trong những năm gần đây (**1.9.08 - Kết quả phân loại đảng viên năm 2021, 2022, 2023; 3.11.02 -**

Báo cáo đánh giá cán bộ viên chức năm 2020, 2021, 2022; 1.6.04 – Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường; 3.11.05 - Bảng khen của của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và nhà Trường hàng năm).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà Trường đã ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của Trường phù hợp với quy định tại Nghị định 15/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp; Nghị định 115/2020-NĐ-CP, Nghị định 85/2023-NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH, Thông tư 15/2021/TT-BLĐTBXH về điều lệ trường cao đẳng.

Căn cứ vào các văn bản quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm; Nhà trường đã xây dựng, ra quyết định tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm và thực hiện đúng theo quyết định khi bổ nhiệm cán bộ quản lý các đơn vị trong Nhà trường. Cán bộ quản lý các cấp của Trường 100% đạt chuẩn chức danh theo quy định của nhà nước.

Hiện nay Trường có 43 cán bộ quản lý tại các đơn vị thuộc Trường (từ cấp trưởng bộ môn và tương đương trở lên), thực hiện công tác quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên, sinh viên theo sự phân cấp của Hiệu trưởng và báo cáo kết quả hoạt động qua các cuộc họp giao ban hàng tháng.

Định kỳ hàng năm nhà Trường có rà soát để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt và có năng lực quản lý phòng/khoa/trung tâm. Đồng thời, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương, Nhà trường đã triển khai công tác rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức lãnh đạo, quản lý Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, phòng, khoa, trung tâm trực thuộc Trường.

(3.12.01 - Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức, người lao động; 3.12.02 - Danh sách trích ngang CBQL các đơn vị thuộc trường; 3.12.03 - Các QĐ bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường; 3.12.04 - Kế hoạch, hướng dẫn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, rà soát quy hoạch cán bộ các năm).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các bộ phận được quy định trong Quy chế tổ chức hoạt động, Trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý với việc bổ nhiệm theo quy định, quy trình, bảo đảm về phẩm chất, năng lực, phân công đúng người, đúng việc.

Tính đến thời điểm tháng 5 năm 2024, Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM có 26 đơn vị trực thuộc, Trong đó:

- 14 phòng/trung tâm gồm: 1. Phòng Quản lý Đào tạo, 2. Phòng Tổ chức Hành chính, 3. Phòng Tài chính kế toán, 4. Phòng Quản trị thiết bị, 5. Phòng Công tác học sinh sinh viên, 6. Phòng quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, 7. Phòng Đào tạo thường xuyên, 8. Phòng Quản lý Ký túc xá, 9. Thư viện, 10. Trung tâm Khảo thí và KĐCL, 11. Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, 12. Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ, 13. Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp, 14. Trung tâm Tuyển sinh – Truyền thông.

- 12 khoa gồm: 1. Khoa Cơ khí, 2. Khoa Điện- Điện tử, 3. Khoa Cơ khí động lực, 4. Khoa Công nghệ Thời trang, 5. Khoa Công nghệ thông tin, 6. Khoa Công nghệ hóa học và Thực phẩm, 7. Khoa Ngoại ngữ, 8. Khoa Kinh tế - Tài chính, 9. Khoa Quản trị kinh doanh, 10. Khoa Lý luận chính trị, 11. Khoa Khoa học cơ bản, 12. Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng (**1.3.02** - Các quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường; **3.12.02** – Danh sách trích ngang CBQL các đơn vị trực thuộc trường; **3.13.01** – Hồ sơ cán bộ quản lý lưu tại phòng Tổ chức hành chính; **1.6.04** – Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường; **1.5.03** – Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đúng theo quy định, thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được giao. Năm 2023, Trường có 43 cán bộ quản lý, trong đó có 04 tiến sỹ, 35 thạc sỹ, 04 đại học.

Cán bộ quản lý các phòng/khoa/trung tâm cũng như giảng viên, viên chức, người lao động thực hiện phiếu đánh giá, phân loại hàng năm và được hội đồng

thi đua khen thưởng của Nhà trường họp bình xét, bỏ phiếu đánh giá. Trong các năm 2021, 2022, 2023 tất cả các cán bộ quản lý của nhà trường đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Căn cứ vào quy hoạch cán bộ quản lý của Trường đến năm 2023 (**3.13.02** – Quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2021 - 2026) và danh sách cán bộ quản lý, nhân viên làm việc tại các đơn vị trong trường (**3.13.03** – Danh sách cán bộ, nhà giáo, nhân viên toàn trường) cho thấy cán bộ được quy hoạch có chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với vị trí quy hoạch, đồng thời đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên được quy hoạch đảm bảo có sự kế thừa về kinh nghiệm, công tác chuyên môn, độ tuổi. (**3.3.06** – Phiếu nhận xét, đánh giá phân loại viên chức năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; **3.13.04** - Biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng, Bằng khen, giấy khen trường, phó phòng khoa, trung tâm trong các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; **3.13.05** - Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của các phòng, khoa, trung tâm năm và phương hướng năm các năm, Phiếu nhận xét, đánh giá viên chức là CBQL năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, Trường đã xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Trong nội dung chiến lược có nội dung về kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, luôn quan tâm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho sự nghiệp đào tạo của Trường, đáp ứng mục tiêu, chiến lược phát triển Trường, đồng thời hướng đến việc chuẩn bị đội ngũ cán bộ quản lý kế thừa, Ban Giám hiệu Trường luôn khuyến khích các cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý. Tất cả cán bộ quản lý đều đạt chuẩn chức danh theo quy định (**3.12.02** - Danh sách trích ngang cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc trường). (**3.13.01** - Hồ sơ cán bộ quản lý lưu tại phòng Tổ chức hành chính).

Trong những năm qua, tất cả cán bộ quản lý của Trường được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ (ít nhất 1 lần/1 người) chiếm 100% số lượng

cán bộ quản lý của trường. Năm 2023, nhà trường tổ chức lớp nghiệp vụ quản lý cấp phòng cho 47 viên chức quản lý, lớp nghiệp vụ soạn thảo văn bản cho 93 viên chức quản lý và viên chức hành chính. (3.14.01 - *Danh sách đội ngũ viên chức, người lao động được cử tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023*; 3.1.06 – *Các quyết định về việc cử cán bộ, giảng viên tham dự các lớp học tập, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023*).

Việc học tập, bồi dưỡng được cán bộ quản lý chú trọng, tham gia tích cực. Cuối mỗi khoá học, các cán bộ quản lý đều có báo cáo kết quả học tập bồi dưỡng lên Hiệu trưởng Nhà trường và phòng Tổ chức Hành chính để cập nhật hồ sơ cán bộ (3.8.03 - *Các văn bằng, chứng chỉ của đội ngũ viên chức, người lao động sau khóa học*; 3.14.02 – *Thông báo kết luận của Ban giám hiệu tại hội nghị giao ban về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý*; 3.14.03 - *Ý kiến của cán bộ quản lý về kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý*).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào cơ cấu nhân lực của Trường trong đề án vị trí việc làm thì đội ngũ viên chức, người lao động của Trường đủ về số lượng và cơ cấu chuyên môn, nghiệp vụ và có năng lực phù hợp với các vị trí làm việc tương ứng của Trường. Số lượng này về cơ bản đáp ứng được nhu cầu phục vụ cho nghiệp vụ hành chính, công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của nhà Trường. (3.13.04 - *Danh sách cán bộ, nhà giáo, nhân viên toàn trường*; 3.15.01 - *Danh sách trích ngang viên chức, người lao động trong trường*).

Báo cáo của các đơn vị, của Trường và kết quả bình xét lao động, thi đua hàng năm thì đội ngũ viên chức, người lao động của Nhà trường đều hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao (1.5.03 - *Các báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị trong trường*; 1.6.04 - *Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường*). Trong đó có nhiều người đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được khen thưởng.

Hàng năm, nhà Trường đều quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trên thông qua các lớp học tập nâng cao trình độ, tập huấn các lớp chuyên đề. Hiện nay, Trường có trên 90% viên chức, người lao động có trình độ đại học và sau đại học, phần lớn đã qua các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ. Viên chức, người lao động không ngừng học tập nâng cao trình độ, đồng thời tìm tòi nghiên cứu học hỏi qua sách vở, đồng nghiệp để công việc của mình thực hiện tốt hơn. Năm 2023, gần 100% viên chức, người lao động của Nhà trường được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng. (**3.14.01** - *Danh sách đội ngũ viên chức, người lao động được cử tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2020, 2021, 2022*).

Nhà trường luôn khuyến khích viên chức, người lao động học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ. Ngược lại, việc học tập, bồi dưỡng được cán bộ, viên chức chú trọng, tham gia tích cực, và sau mỗi khóa học đều có báo cáo Ban Giám hiệu kết quả mới thu được qua khóa tập huấn, đào tạo. (**3.8.03** - *Các văn bản, chứng chỉ của đội ngũ viên chức, người lao động sau khóa học; 3.8.09* – *Báo cáo kết quả của các khóa học, bồi dưỡng năm 2020, 2021, 2022; 3.1.06* - *Các quyết định cử đội ngũ viên chức, người lao động được cử tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm*).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 3: 1 điểm

4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu

Tất cả các chương trình được xây dựng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường cũng như nhu cầu thực tế trong sản xuất của các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết nhà trường với doanh nghiệp, với thị trường lao động.

Từ năm 2019, Phòng QL Đào tạo đã phối hợp với các khoa chuyên môn xây dựng chương trình giảng dạy theo khung chương trình của Bộ LĐTBXH, và xây dựng chương trình đào tạo cho từng ngành học, từng cấp độ và đã được Hiệu trưởng ký duyệt ban hành đào tạo. Chương trình đào tạo tại trường có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ mà sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt được và có tính liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo.

Hàng năm, chương trình đào tạo của trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với nền công nghệ mới cũng như đáp ứng nhu cầu thực tế của

các doanh nghiệp. Mỗi chương trình đào tạo có đủ mô - đun, môn học theo mẫu định dạng chung, được xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

*** Những điểm mạnh**

Trường có đầy đủ chương trình cho các ngành đào tạo. Các chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý, hàng năm được rà soát, điều chỉnh và cập nhật kiến thức mới dưới sự góp ý của các giảng viên, chuyên gia và các doanh nghiệp.

Các chương trình đào tạo của trường có mục tiêu được xác định rõ ràng, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp, hình thức đào tạo cho từng trình độ đối với mỗi mô - đun, mỗi môn học, mỗi ngành.

Giảng viên của trường có đủ giáo trình giảng dạy và được hiệu chỉnh, biên soạn mới hàng năm.

*** Những tồn tại**

Giáo trình biên soạn ở mức lưu hành nội bộ.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Lập kế hoạch biên soạn giáo trình, mời các độc giả góp ý, hiệu chỉnh để giáo trình của trường được phát hành rộng rãi, trở thành một tài liệu tham khảo cho tất cả sinh viên, giảng viên trên cả nước.

Lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, sinh viên đã tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1

Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hiện tại Trường đang đào tạo hệ Cao đẳng và Cao đẳng liên thông. Nhà trường có đầy đủ các chương trình đào tạo cho hệ cao đẳng và cao đẳng liên thông. Hiện tại không đào tạo hệ trung cấp tại trường. (1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp ; 2.1.01 – Bảng thống kê các ngành đào tạo của trường; 2.1.02 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường được Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho 28 Chương trình đào tạo. Hàng năm Trường có 25 chương trình đào tạo được tổ chức tuyển sinh cao đẳng chính quy, 03 chương trình đào tạo ngừng tuyển sinh do nhiều năm không tuyển đủ chỉ tiêu. (1.2.01 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp).

100% chương trình đào tạo của nhà trường được xây dựng, điều chỉnh theo đúng quy định của thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Để đảm bảo chất lượng và quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo Trường xây dựng và

triển khai các quy trình về xây dựng chương trình đào tạo, quy trình điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo. Tất cả các chương trình đào tạo đều được thực hiện qua các bước Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các ban biên soạn chương trình đào tạo tương ứng với mỗi nghề, nhóm nghề, ở các khoa chuyên môn (**4.2.01** - *Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/tổ biên soạn để lựa chọn chương trình đào tạo*; **2.1.02** - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành*; **4.2.02** - *Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo*; **4.2.03** - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo*, **4.2.04** - *Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo có mục tiêu được xác định rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và xác định rõ phương pháp, hình thức đào tạo. Các chương trình đào tạo được nghiệm thu trước khi đưa vào áp dụng, có quy định cụ thể các kiến thức, kỹ năng và thái độ sinh viên tốt nghiệp cần phải đạt được tương ứng với từng ngành đào tạo. (**2.1.03** - *Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo năm 2021, 2022, 2023*).

Chương trình đào tạo được xây dựng đúng cấu trúc quy định: Tên ngành, nghề đào tạo; Mã ngành, nghề; Trình độ đào tạo; Đối tượng tuyển sinh; Thời gian đào tạo; Mục tiêu đào tạo; Thời gian khóa học; Khối lượng kiến thức toàn khóa học; Danh mục và thời lượng các môn học, mô đun; Chương trình chi tiết các môn học, mô đun và Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo). Chương trình được biên soạn đúng đề cương chi tiết các môn học theo có yêu cầu và cách thức đánh giá kết quả học tập của người học, lập đầy đủ sơ đồ quan hệ và tiến trình đào tạo các môn học, đảm bảo phù hợp với trình tự của logic nhận thức, logic sư phạm (**4.2.02** - *Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo*). *Biên bản hội thảo Dacum, Biên bản họp bộ môn nghiệm thu cấp Khoa, Biên bản thẩm định CTĐT cấp trường, Biên bản giám sát chương trình đào tạo*. (**2.1.02** - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành*, **2.6.04** - *Chương trình đào tạo từng ngành*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc xây dựng chương trình đào tạo các ngành, nghề đã thực hiện đúng theo các quy định do Bộ LĐTB&XH ban hành. Mỗi chương trình đào tạo của trường khi xây dựng đều có hội đồng xây dựng chương trình, hội đồng thẩm định. Thành viên của từng Hội đồng có tối thiểu từ 5 các giảng viên có chuyên môn cao từ các khoa, 2 chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo từ các trường bạn, và có ít nhất 2 - 5 cán bộ kỹ thuật có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong các nhà máy, cơ sở sản xuất kinh doanh, và nhận góp ý của hơn 15 các doanh nghiệp tham gia đánh giá, phản biện về chương trình đào tạo.

(4.2.01 - Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/tổ biên soạn để lựa chọn chương trình đào tạo; 4.2.03 – Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo; 4.2.02 – Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo; 4.4.01 - Danh sách CB quản lý, GV tham gia xây dựng chương trình đào tạo; 4.4.02 - Danh sách giảng viên, tham gia biên soạn chương trình đào tạo; 4.4.03 - Danh sách Doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động tham gia góp ý kiến chương trình đào tạo; 2.5.09 - Phiếu góp ý kiến của CBQL và GV về chương trình đào tạo; 2.5.10 - Phiếu góp ý kiến của Doanh nghiệp về chương trình đào tạo; 4.4.04 - Kế hoạch về việc tổ chức hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo; 2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đề chương trình đào tạo luôn đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng được sự thay đổi của thị trường lao động, phù hợp với nhu cầu xã hội. Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức khảo sát, thu thập các ý kiến nhận xét đánh giá của người sử dụng lao động, cựu học sinh đã đi làm về chất lượng đào tạo tại trường, từ đó có kế hoạch điều chỉnh cho phù hợp. Qua các kết quả khảo sát, chương trình đào tạo được đánh giá là có tính thực tiễn, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động (2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành; 2.1.03 - Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo năm 2021, 2022, 2023; 4.5.01 - Báo cáo lấy ý kiến của doanh nghiệp và người học tốt nghiệp đã đi làm về chương trình đào tạo; 2.5.14 - Biên bản Hội thảo hiệu

chỉnh chương trình).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, Ban biên soạn cũng đã xây dựng chương trình theo hướng liên thông lên đại học theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Chương trình đào tạo của nhà Trường được xây dựng trên cơ sở đảm bảo tính liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học (**2.1.02 - Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng chính quy và Bộ chương trình đào tạo kèm theo năm 2021, 2023**).

Trường đã liên kết với các Trường đại học đóng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học đại học (**4.6.01 - Danh sách các Trường đại học liên kết đào tạo với Trường; 4.6.02- Hợp đồng liên kết đào tạo; 4.6.03 Chương trình đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học của Trường đại học**).

Các Trường đại học đã công nhận chương trình đào tạo cao đẳng của Trường và công nhận giá trị chuyên đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông (**4.6.04 - Văn bản công nhận chương trình đào tạo của Trường do các Trường đại học công nhận**).

Từ năm 2021 đến năm 2023, Trường đã mở được các lớp đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học (**4.6.05 - Thông báo tuyển sinh liên thông từ cao đẳng lên đại học; 4.6.06 – Danh sách sinh viên đã tốt nghiệp và đang theo học**).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đủ các chương trình đào tạo cho tất cả các ngành đang đào tạo tại trường. Các chương trình đào tạo đều được cập nhật, xây dựng và điều chỉnh bổ sung hàng năm và có sự tham gia tích cực của các giảng viên chuyên ngành có chuyên môn cao, các chuyên gia, và cán bộ kỹ thuật có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong các nhà máy, cơ sở sản xuất kinh doanh, (2.1.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành; 4.7.01 - Hệ thống các mục tiêu của chương trình đào tạo lần đầu; 4.5.01 - Báo cáo lấy ý kiến của doanh nghiệp và người học tốt nghiệp đã đi làm về chương trình đào tạo; 4.2.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình; 2.5.14 - Biên bản Hội thảo hiệu chỉnh chương trình; 4.2.02 - Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo; 4.7.02 - Các Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo đã được cập nhật và điều chỉnh.).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo được Nhà Trường xác định là nhiệm vụ quan trọng nhằm từng bước đưa chương trình đào tạo phù hợp thực tế của doanh nghiệp và cập nhật các tiến bộ khoa học công nghệ vào giảng dạy, chương trình đào tạo của Trường đã được định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu đào tạo.

Chương trình đào tạo luôn được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật những thành tựu khoa học tiên tiến. Các chương trình đào tạo đều được điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến đóng góp thông qua Hội đồng thẩm định, cải tiến chương trình đào tạo của nhà Trường đã được rà soát, bổ sung và điều chỉnh theo ý kiến đóng góp của các giáo viên giảng dạy, cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến để bổ sung, điều chỉnh kịp thời, đặc biệt có một số chương trình được sự tài trợ từ doanh nghiệp về trang thiết bị hiện đại, tiên tiến, đội ngũ giáo viên Trường được nghiên cứu tập huấn cập nhật kiến thức và trang thiết bị tiên tiến đưa vào chương trình đào tạo theo các biên bản họp hội đồng

Hàng năm, căn cứ các ý kiến góp ý từ các đợt khảo sát cũng như tham khảo chương trình đào tạo của các nước tiên tiến, Phòng Quản lý đào tạo và các khoa chịu trách nhiệm rà soát bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường nhằm phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Sau

khi điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, Nhà trường ra quyết định sử dụng chương trình đào tạo và chương trình sẽ được áp dụng cho năm học kế tiếp.

Trường cũng tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo các nghề đào tạo của Trường để lập kế hoạch và triển khai rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo (**2.16.08** – Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; **4.5.01** – Báo cáo kết quả thu thập ý kiến doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

(**4.8.01** - Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, biên soạn chương trình đào tạo các cấp trình độ; **4.8.02** - Phân công thành viên Hội đồng Khoa học và đào tạo họp rà soát, nghiệm thu chương trình đào tạo chương trình môn học của các đơn vị; **4.8.03** - Hướng dẫn các nội dung cần thực hiện về việc rà soát Chương trình môn học theo quy chế đào tạo; **4.7.01** - Các Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo lần đầu; **4.8.04** - Các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài; **4.8.05** - Danh mục và chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới; **4.2.02** – Phiếu nhận xét của phản biện về CTĐT, Biên bản của hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các nghề).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Mục tiêu của đào tạo liên thông là tạo điều kiện cho người học có cơ hội nâng cao trình độ chuyên môn trên nền tảng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy trước đây. Do đó khi thiết kế chương trình đào tạo liên thông ở trình độ cao đẳng, Trường phải luôn tính toán, cân nhắc để bảo đảm quyền lợi của người học. Định kỳ tối đa 3 năm các khoa đều tiến hành các buổi họp chuyên môn với sự tham gia của tất cả giáo viên chuyên môn và các chuyên gia, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhằm cập nhật chương trình đào tạo (**4.9.01** - Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo liên thông kèm theo).

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Nhà Trường đã xây dựng, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng

và cao đẳng liên thông cho các ngành (2.16.02 – Danh sách các chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ Cao đẳng; 2.16.03 - Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng của Trường và Bộ chương trình đào tạo kèm theo; 2.16.04 – Quyết định về việc điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng của Trường).

Hàng năm, Trường tổ chức rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học mà sinh viên không phải học, khi học chương trình liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng (4.9.02 – Kết quả rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học sinh viên được miễn giảm; 4.9.03 - Quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Xác định rõ chương trình đào tạo là xương sống cho mọi hoạt động của cơ sở giáo dục và đào tạo, Nhà trường đã chú trọng và thường xuyên rà soát các chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học để kịp thời cập nhật và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu chuyên môn, kỹ năng cho người học cũng như yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội. Nguồn giáo trình chính cho các môn học trong các năm qua có được từ công tác lựa chọn và biên soạn của giảng viên thông qua hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thẩm định và nghiệm thu. (1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN được cấp; 2.1.02 - Quyết định ban hành Chương trình đào tạo cao đẳng các ngành; 4.10.01 - Quyết định ban hành Chương trình chi tiết môn học; 4.10.02 – Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng).

Năm 2019, thời điểm nhà trường có số lượng ngành nghề được đào tạo cao nhất 25 ngành. Sau nhiều lần điều chỉnh ngưng đào tạo một số ngành không tuyển sinh được và mở một số ngành nghề mới khác phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất cũng như đội ngũ nhân sự nhà trường. Hiện nay trường có 22 chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng với tổng số 955 môn học. Các môn đều có đủ

giáo trình chính, được thẩm định và lựa chọn thông qua hội đồng khoa học trường. Văn bản quyết định sử dụng giáo trình được chọn phù hợp với chương trình đào tạo. (2.1.02 - *Quyết định ban hành Chương trình môn học cao đẳng các ngành*; 4.10.03 – *Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo*; 4.10.04 – *Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng*; 4.10.05 - *Bản in hoặc bản điện tử các giáo trình*).

Qua thống kê cho thấy, 100% các môn học/ mô đun đều có giáo trình đào tạo; giáo trình đã được lựa chọn, thẩm định và nghiệm thu cấp Trường; được Hiệu trưởng ra quyết định ban hành, đưa vào sử dụng và bổ sung đầy đủ tại Thư viện trường. (4.10.03 - *Danh mục thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo – kèm theo bản in các giáo trình đào tạo*).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đảm bảo có đủ giáo trình phục vụ trong công tác giảng dạy, học tập của nhà giáo và học sinh viên nhà Trường đã tổ chức biên soạn, xây dựng và lựa chọn giáo trình để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức, 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Công tác tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, phê duyệt giáo trình được thực hiện có nêu đầy đủ các bước công việc, phân công các bộ phận, giảng viên đăng ký đề tài biên soạn và trình đề cương giáo trình thông qua khoa/ tổ bộ môn, sau khi được duyệt đề cương, giảng viên tiến hành biên soạn và báo cáo kết quả trước khoa/ bộ môn trước khi thông qua Hội đồng nghiệm thu giáo trình của nhà Trường (4.11.01 - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu giáo trình đào tạo*; 4.11.02 - *Phiếu ghi ý kiến phản biện của các chuyên gia về giáo trình mô đun, môn học*; 4.11.03 - *Biên bản của Hội đồng nghiệm thu nhà Trường các giáo trình mô đun, môn học các nghề đào tạo*; 4.10.02 - *Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng*; 4.10.04 - *Danh sách thống kê giáo trình nội bộ cho từng môn học – kèm theo bản in các giáo trình đào tạo*).

100% giảng viên lên lớp có giáo trình giảng dạy. Hàng năm tài liệu giảng dạy đều được lựa chọn lại hoặc biên soạn lại cho phù hợp với thực tiễn. (4.11.04

- *Quyết định điều chỉnh chương trình đào tạo; 4.11.05 - Danh mục giáo trình có chỉnh sửa bổ sung; 4.11.06 - Danh mục giáo trình lựa chọn lại).*

Nhà trường sẽ tiếp tục cập nhật thêm nhiều sách chuyên môn mới cho thư viện trong những năm tới.

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình đào tạo của nhà Trường 100% được xây dựng hoặc lựa chọn theo đúng quy định trên cơ sở tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo đã xây dựng để làm tài liệu giảng dạy chính thức. Cấu trúc giáo trình thể hiện rõ thông tin chung của giáo trình đào tạo, mã môn học, mô đun, vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò, mục tiêu của giáo trình môn học, mô đun. Nội dung của giáo trình môn học, mô đun bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc, quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc, các bản vẽ, hình vẽ, bài tập, những điểm cần ghi nhớ và các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập khi kết thúc chương, bài và kết thúc môn học, mô đun trong chương trình đào tạo. (1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; 4.2.02 – Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo; 4.10.04 – Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô – đun, môn học của các chương trình đào tạo; 4.10.05 – Bản in hoặc bản điện tử các giáo trình; 2.1.02 - Quyết định ban hành Chương trình đào tạo cao đẳng các ngành).

Trường đã định kỳ lấy ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giảng viên, sinh viên về chất lượng đáp ứng các yêu cầu cụ thể hoá nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình đào tạo cũng như chương trình môn học và giáo trình giảng dạy. (2.5.09 – Phiếu góp ý kiến của CBQL và GV về chương trình đào tạo, chương trình môn học và giáo trình đào tạo; 4.12.01 - Phiếu góp ý kiến của người học về chương trình, môn học và giáo trình giảng dạy).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình được xây dựng, biên soạn hoặc lựa chọn trên cơ sở tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo đã xây dựng. Bảo đảm tính chính xác, tính hệ thống, tính sư phạm, bảo đảm sự cân đối, phù hợp giữa các nội dung chuyên môn và các hình vẽ, bản vẽ, sơ đồ minh họa. Nội dung kiến thức, kỹ năng phải đảm bảo mục tiêu của từng chương, bài trong mỗi môn học, mô đun. Mỗi chương, bài của giáo trình đào tạo phải có câu hỏi, bài tập, từng giáo trình phải có danh mục tài liệu tham khảo, tài liệu tham khảo phải có độ tin cậy và nguồn gốc rõ ràng. Trình bày ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, sử dụng thuật ngữ nghề nghiệp phổ biến, nhất quán, các hình vẽ, bản vẽ, sơ đồ minh họa phải làm sáng tỏ các kiến thức, kỹ năng. Đảm bảo phù hợp với các trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học khác tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Các môn học trong chương trình đào tạo các ngành của trường 100% có giáo trình giảng dạy. Các giáo trình giảng dạy đảm bảo đã được cụ thể hoá các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để giảng viên có điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Đồng thời, xem xét về cơ sở vật chất trang thiết bị, đồ dùng dạy học, các nội dung bài học nêu trong giáo trình có phù hợp với phương pháp dạy học tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV phát huy khả năng tự nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc nhóm. (4.10.04 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo; 4.10.05 - Bản in hoặc bản điện tử các giáo trình; 2.1.02 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành).

Hàng năm nhà Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo về giáo trình đào tạo của nhà Trường tạo điều kiện thực hiện phương pháp dạy học tích cực. (4.12.01 - Phiếu khảo sát ý kiến của người học về giáo trình; 4.13.01 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo về giáo trình).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã định kỳ lấy ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giảng viên, cán bộ khoa học kỹ thuật của các đơn vị sử dụng lao động về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu đặc thù của từng ngành (2.16.08 – Kế hoạch thu thập ý kiến đánh giá của nhà giáo, cán bộ, người học về giáo trình

đào tạo; **4.14.01** - Các đường link khảo sát trực tuyến).

Việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giảng viên, cán bộ khoa học kỹ thuật của các đơn vị sử dụng lao động về chất lượng giáo trình, về mức độ phù hợp của các giáo trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu đặc thù của từng ngành. Song số ý kiến chưa nhiều và chưa thực sự sâu sắc. (**4.14.02** – Báo cáo/văn bản thể hiện ý kiến, kết quả thu thập và tổng hợp ý kiến nhà giáo, CBQL về giáo trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, nhà trường tiến hành thu thập nhận xét đánh giá từ các giảng viên, chuyên gia, cán bộ khoa học từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh viên về chất lượng nội dung giáo trình đáp ứng yêu cầu đổi mới phù hợp với thực tế xã hội (**4.7.01** - Các Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo lần đầu; **4.7.02** - Các Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo đã được cập nhật và điều chỉnh; **4.15.01** - Chương trình đào tạo đã cải tiến; **4.15.02** - Hồ sơ điều chỉnh chương trình đào tạo; **4.10.05** - Bản in hoặc bản điện tử các giáo trình; **4.15.03** - Danh sách chương trình đào tạo có sự thay đổi).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 4: 1 điểm

5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mô tả

Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã trải qua 47 năm hình thành và phát triển, qua từng giai đoạn đổi tên trường và được nâng cấp phù hợp với mục tiêu đào tạo. Được sự quan tâm của Đảng, Bộ GD–ĐT, Bộ LĐTB–XH,.. ngoài việc đầu tư xây dựng chương trình giáo dục đào tạo, Trường còn được tiếp nhận và đưa vào khai thác sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại.

Về cơ sở vật chất như nhà xưởng, phòng thí nghiệm, các bãi tập, nhà điều hành, khu ký túc xá cũng như khuôn viên Nhà trường ngày càng khang trang hiện đại, đảm bảo ổn định theo chỉ tiêu và kế hoạch đào tạo cũng như cảnh quan môi trường sư phạm trong Nhà trường.

Về trang thiết bị, phương tiện máy móc đáp ứng được nhu cầu giáo dục đào tạo các ngành đang được đào tạo trong Trường.

*** Những điểm mạnh**

Trường có diện tích 33.646 m² với 1 tòa nhà 7 tầng (khu A), 1 tòa nhà 3 tầng (khu B), 1 tòa nhà 5 tầng (khu C), 1 tòa nhà 7 tầng (khu D); 229 giảng đường, phòng học lý thuyết hiện đại trang bị Projector; 137 xưởng, phòng thí nghiệm, phòng thực hành; Thư viện: 1000m², Internet không dây; Ký túc xá: 273 chỗ ở, sân bóng, khu thể thao và giải trí,... . Vị trí xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực dân cư và mạng lưới cơ sở đào tạo, giao thông thuận tiện.

Trường có hệ thống hạ tầng cơ sở được trang bị tương đối đầy đủ và hoạt động tốt, phù hợp với chương trình đào tạo của Nhà trường.

Các công trình bảo đảm đúng quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị. Có hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước chung, riêng cho các khu vực trong trường theo nhu cầu hoạt động học tập và sinh hoạt. Các công trình xây dựng đều được lắp đặt hệ thống thiết bị phòng chống cháy nổ đầy đủ và hiện đại.

Nhà trường có đầy đủ phương tiện, thiết bị và dụng cụ trong xưởng thực hành phong phú về số lượng, chủng loại và chất lượng. Đảm bảo các yêu cầu về sự phạm, mỹ thuật công nghiệp, an toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường. Hệ thống kho lưu giữ, bảo quản được thiết kế xây dựng ở những vị trí an toàn thuận tiện, đảm bảo các tiêu chuẩn như có mái che, hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống ẩm mốc, phòng chống cháy nổ.

*** Những tồn tại**

Còn một số ngành mới chuyển sang đào tạo theo chương trình mới nên một số thiết bị chưa đủ về số lượng trên đầu người học

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Trường sẽ đẩy mạnh việc xây dựng trường trên cơ sở qui hoạch tổng thể được Bộ phê duyệt để đáp ứng yêu cầu mở rộng qui mô và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Trường tiến hành trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành cho các ngành trọng điểm nhằm đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đồng thời mở rộng qui mô đào tạo cho một số ngành mới như ngành: Quản trị nhà hàng – khách sạn.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá
Tiêu chí 5	15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM gồm có hai cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là: 38.007 m² (**5.1.01**- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; **5.1.02** - Hình ảnh trường chụp từ google map, kết quả thống kê khảo sát; **5.1.03** - Bản đồ xác định vị trí trường; **5.1.04** – Bản đồ khảo sát mặt bằng).

Cơ sở chính của trường được xây dựng tại 20 Tăng Nhơn Phú – Phường Phước Long B – Thành phố Thủ Đức – TP.HCM (**1.3.01** - Quyết định số 5945/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 27/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II) với diện tích: 33.646 m². Trường được xây dựng trên mặt bằng thuận lợi cho việc thiết kế hạ tầng kỹ thuật và rất phù hợp với đặc thù các ngành đào tạo mũi nhọn của trường. Tất cả các công trình xây dựng đều được khảo sát và thiết kế đồng bộ, có quy hoạch cho hệ thống thoát nước tốt do đó tại cơ sở này trường không bao giờ bị úng ngập, đảm bảo giao thông bình thường thuận tiện cho quá trình làm việc và học tập tại trường của cán bộ, giảng viên, sinh viên (**5.1.05** - Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường; **5.1.06** - Bản vẽ thiết kế xây dựng trụ sở chính; **5.1.07** - Công văn của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận quy hoạch tổng thể mặt bằng Trường).

Về hệ thống điện tại cơ sở chính, trường có khảo sát và lắp đặt trạm biến áp 560 KVA. Do đó việc cung cấp điện phục vụ cho đào tạo, sản xuất và sinh hoạt trong trường rất ổn định. Về nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất, đào tạo trước đây nhà trường sử dụng nguồn nước ngầm qua hệ thống giếng khoan. Đến nay hệ thống nước sạch đã được cung cấp về trường đáp ứng đầy đủ nhu cầu nước sạch phục vụ sinh hoạt cho sinh viên và cán bộ, giảng viên của Nhà trường (**5.1.08** - Hóa đơn tiền nước; **5.1.09** - Hợp đồng cung cấp điện, hóa đơn tiền điện).

Trên địa bàn của Trường không có nhà máy xí nghiệp, xung quanh chỉ là khu dân cư, không sát đường quốc lộ, được xây dựng ở khu dân cư, do đó không có ảnh hưởng gì đến quá trình dạy và học.

Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo theo hệ thống đào tạo của Bộ LĐ.TB&XH và chủ quản là Bộ Công Thương đều nằm trong qui hoạch chung của mạng lưới đào tạo trên địa bàn và các tỉnh phía Nam (**5.1.03** - Bản đồ xác định vị trí trường; **1.1.02** - Quyết định số 418/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2009 về việc đổi tên trường; **5.1.10** - Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở hạ tầng của Trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường xây dựng trên cơ sở khuôn viên tổng thể mặt bằng theo quy hoạch đã được phê duyệt. Với đặc điểm diện tích rộng nên việc khảo sát, thiết kế và

xây dựng các cơ sở hạ tầng như giảng đường, nhà ăn, ký túc xá, khu tập thể CBCNV - GV, xưởng thực hành, bãi tập lái xe ô tô, bãi thực hành máy thi công, trạm xá, trạm điện, trạm bơm...được bố trí hợp lý, không gây ảnh hưởng lẫn nhau trong cùng một thời điểm hoạt động. Diện tích đất xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng chiếm khoảng 26,94%, các dải cây xanh và vườn trồng cây chiếm khoảng 35% tổng diện tích. (5.2.01 - Số liệu về diện tích cây xanh).

Giao thông nội bộ trong trường với hệ thống đường bê tông nhựa dài 7.169m, rộng 4m có sức chịu đựng cho xe tải 10-15 tấn (5.2.02 – Sơ đồ hệ thống giao thông nội bộ của trường). Trong khuôn viên được bố trí khoa học hợp lý, vườn hoa cây cảnh, thảm cỏ, vườn cây, hồ cá. Tất cả đã tôn lên một cảnh quan khang trang sạch đẹp của một môi trường đào tạo giàu tính sư phạm (5.2.03 - Hình ảnh khuôn viên nhà trường).

Khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý, phù hợp với yêu cầu hoạt động và khả năng phát triển trong tương lai (5.1.05 - Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường).

Trong những năm tới, Trường tiếp tục tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng quy mô đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội và phù hợp với chiến lược phát triển trường (5.2.04 - Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về quy hoạch tổng thể).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có các công trình, cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác đào tạo, bao gồm:

- Khu hành chính: Nhà điều hành tòa nhà 7 tầng (khu A), phòng làm việc của Hiệu trưởng, phòng làm việc của Hiệu phó và phòng QL Đào tạo, các phòng ban chức năng làm việc, 01 hội trường 500 chỗ.

- Khu học tập:

+ Phòng học và giảng đường: 229 giảng đường, phòng học lý thuyết hiện tại trang bị Projector, mỗi phòng được trang bị đầy đủ bàn ghế 45 – 100 chỗ ngồi, bảng từ, quạt trần và hệ thống chiếu sáng phòng học đủ tiêu chuẩn theo

quy định. 137 xưởng, phòng thí nghiệm, phòng thực hành; Thư viện: 1000 m², Internet không dây; Ký túc xá: 273 chỗ ở, sân bóng, khu thể thao và giải trí. Ngoài ra còn nhiều các thiết bị phụ trợ hiện đại khác phục vụ cho đào tạo.

+ Các phòng thí nghiệm: Gồm 5 phòng thí nghiệm và thử nghiệm.

+ Khu thực hành (xưởng): Gồm 132 nhà xưởng với diện tích 6.645m², trang bị đầy đủ thiết bị tiện nghi hiện đại cho sinh viên học thực hành các ngành cơ khí, cơ khí động lực, thí nghiệm vật liệu và thực tập.

+ Hệ thống thư viện với đầy đủ tài liệu phục vụ cho các chuyên ngành hiện đang đào tạo.

+ Nhà ăn tập thể học sinh: 1 tầng với diện tích 252m².

+ Ký túc xá: 273 chỗ ở, sân bóng, khu thể thao và giải trí

+ Khu trạm Y tế: Với diện tích 150m², cải tạo nâng cấp trang bị cơ sở vật chất có khả năng cấp cứu, điều trị các bệnh thông thường và làm công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ công nhân viên và sinh viên.

+ Khu sân trường lát bê tông và gạch với diện tích 3.480m²

+ Khu hoạt động thể dục thể thao: Gồm 01 sân bóng chuyên, 01 sân chơi bóng đá và các sân chơi cầu lông.

+ Có khuôn viên cây xanh, thảm cỏ và toàn bộ đường nội bộ được rải nhựa đảm bảo khuôn viên Nhà trường luôn khang trang, có môi trường xanh, sạch, đẹp.

+ Các gara để xe máy, xe đạp, ô tô cho sinh viên, cán bộ công nhân viên Nhà trường và khách đến làm việc rộng rãi an toàn.

Các khối công trình, kiến trúc chính phục vụ nhu cầu đào tạo trên đây được thể hiện qua bộ hồ sơ hoàn công và bản thống kê tổng hợp về diện tích xây dựng các công trình (**5.1.05 - Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường**).

Trường có đầy đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu giáo dục đào tạo và các hoạt động khác (**5.3.01 - Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về khu học tập, thực hành, rèn luyện thể chất, phục vụ sinh hoạt**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải, thông gió, phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt, được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có hệ thống đường giao thông nội bộ dài 7.169m rộng 4m chịu được tải trọng từ 10 -15 tấn, hai bên đường được trồng cây xanh để có bóng mát và tạo cảnh quan môi trường. Hệ thống giao thông nội bộ đảm bảo an toàn hợp lý trong việc vận chuyển đi lại (**5.2.02 - Sơ đồ hệ thống giao thông nội bộ của trường**). Hệ thống điện với các trạm biến áp có công suất 560KVA đảm bảo việc phân phối, truyền tải và tiêu thụ điện năng ổn định. Ngoài ra còn được trang bị hai máy phát điện có công suất đủ lớn sẵn sàng hoạt động để cung cấp điện khi có sự cố mất điện lưới xảy ra. Các vị trí được cấp điện đều được trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn và bố trí hợp lý tránh được tổn thất và lãng phí điện năng (**5.4.01 – Hồ sơ thiết kế bản vẽ hệ thống điện**). Hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt cho toàn trường với hệ thống giếng khoan, bơm công suất lớn, có tháp nước cao hơn 50m và bể chứa 250m³. Đặc biệt đến nay hệ thống nước sạch được cung cấp từ nhà máy nước Thủ Đức đã đảm bảo nhu cầu nước sinh hoạt trong toàn trường (**5.1.09 – Hợp đồng cung cấp điện, hóa đơn tiền điện**). Cùng với hệ thống cấp nước là hệ thống thoát nước được quy hoạch và đảm bảo vệ sinh môi trường và không có úng ngập xảy ra. Các phòng học, nhà xưởng, kho đều có hệ thống thông gió và được trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ theo qui định an toàn PCCC, khu xưởng C và các xưởng xung quanh được trang bị các thiết bị chữa cháy tại chỗ như các bình CO₂, hệ thống bơm và vòi rồng có công suất lớn. (**5.4.02 - Quyết định ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy tại Trường; 5.4.03 - Thống kê dụng cụ phòng cháy chữa cháy; 5.4.04 - Quyết định thành lập Đội PCCC năm 2020, 2021, 2022; 5.4.05 - Hồ sơ thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; 5.4.06 - Biên bản kiểm tra an toàn về Phòng cháy chữa cháy của Đội Cảnh sát PCCC năm 2020, 2021, 2022**).

Trường có đầy đủ các quy định về quản lý, bảo dưỡng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật (**5.4.07 - Các quy định về chế độ duy tu định kỳ - bảo dưỡng thường xuyên**). Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được phân công quản lý rõ ràng theo từng đơn vị, phòng, ban, khoa, trung tâm quản lý. Các công trình xây dựng, các thiết bị tài sản thường xuyên được kiểm tra bảo dưỡng sửa chữa hoặc nâng cấp nhằm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ công tác đào tạo và các hoạt động khác trong nhà trường (**5.4.08 - Hồ sơ bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo hệ thống điện; 5.4.09 – Hệ thống cấp nước chung cho khu học tập và sinh hoạt; 5.4.10 – Báo cáo tổng kết của trường về PCCC nhà trường năm 2020, 2021, 2022 (kết luận họp giao ban của BGH); 5.4.11 - Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hạ tầng kỹ thuật của Trường**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện

hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường hiện có 64 phòng học lý thuyết, diện tích mỗi phòng 64m², 02 phòng hội thảo sử dụng đầy đủ các trang thiết bị nghe nhìn hiện đại, 02 phòng học công nghệ thông tin, 01 phòng học ngoại ngữ được trang bị 36 ca bin đảm bảo các kỹ năng nghe nói đọc viết, 05 phòng học đa năng sử dụng công nghệ thông tin và nhiều phòng học chuyên môn khác theo ngành đào tạo (5.5.01 - *Bảng thống kê diện tích sử dụng các phòng lý thuyết – thực hành - giảng đường phục vụ đào tạo*; 5.5.02 - *Bộ hồ sơ hoàn công*).

Khu thực hành: Gồm 05 nhà xưởng với diện tích 6.645m² với trang thiết bị đầy đủ hiện đại đảm bảo điều kiện thực hành tốt cho các ngành cơ khí sửa chữa ô tô, ngành điện công nghiệp, điện dân dụng, nghề hàn, thí nghiệm vật liệu (5.5.03 – *Sổ theo dõi tài sản ở các đơn vị*).

Các công trình được thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế, các công trình được lắp đặt đầy đủ hệ thống điện, nước đảm bảo tiêu chuẩn về chiếu sáng, với hệ thống quạt thông gió đảm bảo điều kiện thoáng mát, đã có nhiều phòng được trang bị máy điều hoà đảm bảo phục vụ tốt việc học tập và giảng dạy (5.5.04 – *Hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo hành thiết bị của nhà sản xuất*).

Theo nhiệm vụ chức năng của từng đơn vị trong trường mà các công trình được xây dựng và khai thác sử dụng đúng công năng. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm trước đơn vị về công tác quản lý khai thác sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các công trình hoặc thiết bị được giao. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban giám hiệu về các công trình, thiết bị, tài sản mà đơn vị mình quản lý (5.5.03 - *Sổ theo dõi tài sản ở các đơn vị*).

Trong các xưởng thực tập từng vị trí, phòng học thực hành đều có nội quy quy định việc thực hiện, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, nhật ký làm việc của trang thiết bị (5.5.04 - *Hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo hành thiết bị của nhà sản xuất*; 5.5.05 - *Ý kiến của nhà giáo về phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành đảm bảo tiêu chuẩn*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các thiết bị đều có danh mục đào tạo, có hồ sơ xuất xứ, năm sản xuất, nơi sản xuất, nhà sản xuất rất rõ ràng, thể hiện trong các biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng (5.6.01 - *Danh mục thiết bị đào tạo của nhà trường hàng năm*;

5.6.02 – *Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng tài sản nhà nước*). Tất cả máy móc, thiết bị của Trường được trang bị, Nhà trường đều có sổ sách theo dõi, có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng cho từng loại máy móc, thiết bị; máy móc, thiết bị đều có nhật trình và giao cho từng cá nhân, đơn vị quản lý khai thác sử dụng, hàng ngày máy móc đưa vào khai thác sử dụng đều được bảo dưỡng, đối với thiết bị thì bảo dưỡng theo định kỳ; Nhà trường thành lập Ban kiểm tra máy móc, thiết bị do đồng chí phó hiệu trưởng phụ trách công tác Đào tạo làm trưởng ban, hàng quý Nhà trường đều kiểm tra một lần, nhằm đánh giá việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng của tất cả các đơn vị thuộc Trường được giao quản lý (**5.6.03** – *Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa năm 2020, 2021, 2022*; **5.6.04** - *Biên bản thực hiện duy tu định kỳ và sổ bảo dưỡng thường xuyên*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo nhiệm vụ chức năng của từng đơn vị trong Trường mà các công trình được xây dựng và khai thác sử dụng đúng công năng. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm trước thủ trưởng đơn vị về công tác quản lý khai thác sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các công trình hoặc thiết bị được giao. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban giám hiệu về các công trình, thiết bị, tài sản mà đơn vị mình quản lý (**5.5.03** - *Sổ theo dõi tài sản ở các đơn vị*).

Trong các xưởng thực tập từng vị trí, phòng học thực hành đều có nội quy quy định việc thực hiện, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, nhật ký làm việc của trang thiết bị (**5.6.02** - *Quy định của trường về quản lý, sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành*; **5.7.01** - *Ý kiến của nhà giáo về phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành được sử dụng theo quy định hiện hành*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các thiết bị đào tạo của Trường có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng (5.8.01 – *Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị*).

Trong chương trình đào tạo của Trường theo từng môn học, các danh mục thiết bị đào tạo được trang bị tương đối đầy đủ, tuy những trang thiết bị đã được Nhà trường trang bị so với khu vực và trên thế giới chưa xứng tầm; Trường dựa vào danh mục thiết bị tối thiểu của Bộ LĐ – TB&XH để làm cơ sở so sánh và đề xuất được trang bị thêm các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo (5.6.01 - *Danh mục thiết bị đào tạo của nhà trường hàng năm*; 5.8.04 – *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành*; 5.8.05 – *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo*).

Phòng Quản trị thiết bị được giao nhiệm vụ quản lý toàn bộ cơ sở vật chất của Trường, điều chuyển tài sản cho phù hợp với từng phòng, khoa, trung tâm nhằm khai thác tối đa tài sản mà Trường hiện có, giảm bớt lãng phí. Hàng ngày phòng QTTB thường xuyên kiểm tra theo dõi tất cả nhà xưởng, cơ sở vật chất, kiến trúc toàn Trường, các trang thiết bị, cảnh quan Nhà trường đặc biệt là trước mỗi mùa mưa bão, tổ chức cắt tỉa cành cây gần các công trình nhằm phòng chống bão lũ có thể xảy ra và làm đẹp thêm cảnh quan môi trường sư phạm. Hàng năm tiến hành kiểm kê tài sản toàn Trường, báo cáo Hội đồng kiểm kê Nhà trường về công tác quản lý theo dõi tài sản cố định (5.8.02 – *Bản kiểm kê danh mục thiết bị tài sản tại các phòng, khoa, xưởng thực hành năm 2020, 2021, 2022*).

Có sổ thống kê đầy đủ số lượng người học của chương trình đào tạo hàng năm (5.8.03 – *Thống kê số lượng người học lý thuyết và thực hành của các mô – đun/môn học của trường năm 2020, 2021, 2022*).

Có sổ sách thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các môn học trong chương trình đào tạo (5.8.03 – *Thống kê số lượng người học lý thuyết và thực hành của các mô – đun/môn học của trường năm 2020, 2021, 2022*).

Có thời khóa biểu cho cả năm học và thời khóa biểu cho từng tuần thể hiện việc bố trí xưởng, phòng học theo thời khóa biểu của Trường; thời khóa biểu gửi tới các phòng, khoa, trung tâm và thông báo tại bảng thông tin tiền sảnh nhà học chính (2.5.02 - *Thời khoá biểu các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; 5.8.06 – *Kế hoạch lên lớp hoặc thời khóa biểu trong đó có thể hiện việc bố trí*

xưởng, phòng học theo thời khóa biểu của trường; 5.8.07 - Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về thiết bị đào tạo nhà trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các phương tiện máy móc và các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ thực hành được bố trí hợp lý từng khu vực theo từng ngành đào tạo, từng nội dung đào tạo.

Vị trí bố trí, lắp đặt phương tiện, thiết bị đảm bảo an toàn, thuận tiện cho vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành theo lớp, theo nhóm và theo từng cá nhân.

Các phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ được vận hành sử dụng, bảo quản và bảo dưỡng, theo đúng qui trình kỹ thuật và thực hiện đúng nội quy quy định (5.9.01 - Nội quy xưởng thực hành; 5.9.02 - Sơ đồ bố trí xưởng; 5.9.03 - Hình ảnh các xưởng thực hành).

Các xưởng thực hành trong đó có các phòng học thực hành, được thiết kế, lắp đặt đã đảm bảo các tiêu chuẩn qui định về mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và sư phạm; an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Hàng năm đều có đoàn kiểm tra môi trường cấp trên về kiểm tra đánh giá (5.9.04 - Kết quả kiểm tra của cơ quan y tế có thẩm quyền về y tế trường học).

Trong vận hành, khai thác sử dụng và bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ đều có nội qui xưởng thực hành cụ thể (5.6.02 - Nội qui, qui định về quản lý sử dụng cơ sở vật chất của trường; 5.8.07 - Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo nhà trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả máy móc, thiết bị của Trường đều có sổ sách theo dõi, có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng cho từng loại máy móc, thiết bị; máy móc, thiết bị đều có nhật trình và giao cho từng cá nhân, đơn vị quản lý khai thác sử dụng, hàng ngày máy móc đưa vào khai thác sử dụng đều được bảo

dưỡng, đối với thiết bị thì bảo dưỡng theo định kỳ (5.6.03 – Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa hàng năm; 5.6.02 – Văn bản của trường quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo; 5.10.01 – Quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo (5.11.01 – Hồ sơ duy tu - bảo dưỡng tài sản, trang thiết bị) của các bộ phận gồm có: quy định chế độ duy tu định kỳ - bảo dưỡng thường xuyên, sổ thực hiện bảo dưỡng thường xuyên, biên bản thực hiện duy tu định kỳ.

Nhà trường có đầy đủ các thiết bị đào tạo cho các ngành mà HSSV theo học (5.6.01 – Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường).

Hàng năm, tất cả các thiết bị phục vụ công tác giáo dục đào tạo của Trường đều được rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ và sản xuất kinh doanh (5.11.02 – Kế hoạch kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023; 5.6.03 – Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư 14/2017/TT – BLĐT BXH ngày 25/05/2017, Nhà trường đã xây dựng quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo. (5.12.01 – Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo; 1.3.04 - Quy chế chi tiêu

nội bộ hàng năm).

Việc thẩm định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và quy định về quản lý việc cấp phát, thu nhận vật tư trang thiết bị hàng hoá được thực hiện đúng nguyên tắc theo một qui trình chặt chẽ từ Ban giám hiệu, phòng ban, tổ đến các cá nhân quản lý thực hiện.

Các kho chung được quản lý bởi Phòng Quản trị thiết bị và trực tiếp là Tổ Vật tư (**5.12.02** – *Danh sách nhân viên phòng QTTB*) gồm Tổ trưởng kiêm tiếp liệu cung ứng vật tư, thống kê vật tư, có trách nhiệm theo dõi quản lý các dữ liệu, tài sản vật tư của kho qua hệ thống máy vi tính và sổ sách, nhập, xuất hàng hoá vật tư theo nhu cầu. Thủ kho có trách nhiệm trực tiếp giữ gìn bảo quản, giao nhận cấp phát vật tư theo đúng thủ tục quản lý, tổ chức thực hiện cấp phát theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng (**5.12.03** - *Báo cáo tổng hợp nhập, xuất vật tư, hàng hoá và hàng hóa tồn kho*).

Việc cấp phát, thu nhận vật tư hàng hoá được quản lý thông qua các thẻ kho, chứng từ xuất, nhập vật tư thiết bị hàng hóa với đầy đủ chữ ký của các thành phần liên quan. Các chứng từ xuất, nhập được lưu giữ đầy đủ ở các phòng ban liên quan như Phòng TCKT, Phòng QTTB và đơn vị, cá nhân xuất, nhập vật tư hàng hoá (**5.12.04** - *Sổ theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo*).

Kho chung được bố trí xây dựng hợp lý về vị trí đảm bảo an toàn và tiện lợi:

Kho giữ gìn và bảo quản các loại vật tư hàng hoá văn phòng phẩm ...vv, kho được xây dựng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật với diện tích 258m² (**5.12.05** - *Sơ đồ bố trí kho lưu trữ vật tư phục vụ đào tạo*; **5.12.06** - *Hình ảnh kho chung của trường*).

Hàng năm, các đơn vị trong trường đều có đề xuất nhu cầu vật tư của đơn vị mình (**5.12.07** – *Đề nghị cung cấp vật tư thực hành của các đơn vị*; **5.12.08** - *Kế hoạch mua phụ liệu thực hành phòng QTTB*). Qua đó, mỗi đơn vị được cấp vật tư phục vụ cho đào tạo theo từng năm học. Việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư của nhà trường được thể hiện trên các sổ sách vật tư. (**2.8.06** – *Tập Sổ lên lớp các lớp các ngành đang đào tạo*; **5.12.09** - *Ý kiến của nhà giáo, người học về bảo quản, sử dụng vật tư*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 5 bản in.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tổng diện tích thư viện của trường là 700m². Phân bố như sau:

- Cơ sở chính:

+ Phòng đọc dành cho cán bộ, giảng viên: 60m².

+ Phòng đọc dành cho sinh viên: 282 m².

Thư viện là trái tim của nhà trường, là nơi lưu trữ truyền thống cũng như những thành tựu phát triển của hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên qua nhiều thế hệ. Chính vì thế, Thư viện trường luôn luôn nhận được sự đầu tư và tài trợ tương đối đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị và thông tin tư liệu như: có kế hoạch cải tạo mở rộng diện tích phòng đọc, đầu tư máy tính tra cứu, màn hình tương tác, kết nối Internet tốc độ cao phủ sóng toàn trường nhằm tăng cường các hình thức phục vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Trang bị phần mềm quản lý và vận hành thư viện giúp quản lý một cách tự động, tra cứu, tìm kiếm và đặt mượn tài liệu trực tuyến từ nguồn kinh phí của Nhà trường. (**5.13.01** - Quyết định đổi tên Phòng Thông tin thư viện thành Thư viện; **5.13.02** - Nội quy thư viện; **5.13.03** - Sơ đồ tổ chức thư viện; **5.13.04** - Hợp đồng bảo trì bảo hành phần mềm quản lý thư viện).

Việc đầu tư bổ sung nguồn lực thông tin tư liệu cho thư viện đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động giảng dạy, học tập và hoạt động nghiên cứu khoa học nhà trường. Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch bổ sung giáo trình, sách tham khảo và các loại tạp chí chuyên ngành mới cũng bổ sung thêm về số lượng để phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Số lượng và loại hình của giáo trình, tài liệu chuyên môn, tạp chí chuyên ngành phù hợp với các ngành đào tạo của nhà trường gồm có hơn 8.000 đầu sách /73.321 bản sách (sách in truyền thống) và khoảng 1.500 sách số hóa (sách điện tử). (**5.13.05** - Danh mục giáo trình đã được phê duyệt Trình độ Trung cấp và Cao đẳng (có đủ và mỗi loại giáo trình có 5 bản in); **5.13.06** - Thống kê số lượng, chủng loại, tài liệu, sách chuyên ngành, sách điện tử, báo, tạp chí chuyên ngành phù hợp với ngành đào tạo; **5.13.07** - Danh mục loại đầu sách, tài liệu giảng dạy, báo tạp chí chuyên ngành; **5.13.08** - Danh mục giáo trình tham khảo chính; **5.13.09** - Thông báo bổ sung tài liệu và hợp đồng mua sắm; **5.13.10** - Danh mục giới thiệu sách mới).

Ngoài ra, việc tìm kiếm và chia sẻ nguồn lực thông tin mới trong nước cũng như ngoài nước để hỗ trợ giảng viên cập nhật kiến thức là công việc quan trọng mà thư viện nhà trường thường xuyên thực hiện; Hệ thống giáo trình nội bộ và các đề tài nghiên cứu khoa học, luận án, luận văn là thành tựu mà đội ngũ nhà giáo Nhà trường đạt được đã được biên tập và số hóa đăng tải trên hệ thống thư viện số nhà trường (5.13.11 - Biên bản ghi nhớ hợp tác liên kết thư viện; 5.13.12 - Tờ trình về việc đặt báo, tạp chí chuyên ngành năm 2021, 2022, 2023, 5.13.13 - Tờ trình đặt mua sách và hợp đồng mua sách; 5.13.10 - Danh mục giới thiệu sách mới; 5.13.14 - Bài viết chia sẻ nguồn tài nguyên số chuyên ngành trên website và fanpage; 5.13.15 - Trang thư viện số; 5.13.16 - Danh mục giáo trình nội bộ).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Diện tích của thư viện tại cơ sở chính của trường là 700 m², hoạt động xuyên suốt từ 7 giờ sáng đến 16 giờ 30 chiều, tất cả các ngày trong tuần nhằm phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên. Mặc dù diện tích thư viện trường tương đối khiêm tốn nhưng việc bố trí không gian hợp lý, đa dạng hình thức phục vụ và nhu cầu sử dụng; hệ thống điều hòa được lắp đặt và cây xanh luôn được chăm sóc góp phần tạo nên một không gian học tập lý tưởng, thoáng mát và sạch sẽ. Bên cạnh đó, thái độ phục vụ chuyên nghiệp và nhiệt tình của đội ngũ cán bộ thư viện luôn được sinh viên đánh giá cao thể hiện qua các phiếu khảo sát hằng năm. (5.14.01 – Văn bản quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa thư viện; 5.14.02 - Danh sách nhân sự và trình độ đội ngũ nhân sự).

Bên cạnh không gian thư viện chính, nhà trường cũng tận dụng khuôn viên sân trường rộng và mát mẻ nhờ nhiều cây xanh để tạo ra các không gian học tập ngoài trời cho sinh viên như là đầu tư wifi phủ sóng toàn bộ sân trường, đặt bàn ghế dưới các mái che, dưới bóng cây nhằm tạo thêm không gian tự học, học nhóm bên cạnh việc học trong thư viện. (5.14.03 - Hợp đồng wifi; 5.14.04 - Hợp đồng mua bàn ghế đá...).

Hình thức phục vụ của thư viện cũng rất đa dạng và quy trình thường xuyên được cập nhật: mượn đọc tại chỗ, mượn về nhà, đọc tài liệu số, đặt mượn trực tuyến, gia hạn tài liệu, dịch vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu, dịch vụ cung cấp giáo trình, đặt phòng học nhóm, thuyết trình, đặt mượn tài liệu liên kết... (5.14.05 - Bộ quy trình phục vụ trong thư viện, 5.14.06 – Sổ mượn trả

sách, tài liệu, giáo trình của giảng viên và sinh viên năm 2021, 2022, 2023; **5.14.07** - Thống kê mượn sách hằng năm; **5.14.08** - Thống kê đặt phòng đa phương tiện; **5.14.09** - Thống kê dịch vụ phát hành giáo trình nội bộ).

Công tác tư vấn và giới thiệu sử dụng dịch vụ thư viện và nguồn lực thông tin thư viện được cán bộ phụ trách thư viện thực hiện thường xuyên, thông tin tới bạn đọc bằng nhiều hình thức, đã được thể hiện trong báo cáo hoạt động công tác thư viện hàng năm, các bài viết, các video và các hoạt động tuyên truyền giới thiệu thư viện đầu năm học, tuyên truyền giới thiệu ngày văn hóa đọc Việt Nam; Giới thiệu sách hay đến bạn đọc. (**5.14.10** - Kế hoạch công tác hoạt động thư viện năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; **5.14.11** - Ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Thư viện điện tử phủ sóng toàn bộ khuôn viên trường.

Thư viện điện tử đã số hóa hơn 1500 tài liệu theo chuyên ngành với hệ thống máy tính gồm 10 máy tính tại nhà học chính của trường, 08 máy tính tại thư viện sinh viên, 2 máy tính tại cơ sở Quảng Ngãi (**5.15.01** - Danh mục trang thiết bị máy móc thư viện hàng năm).

Năm 2012, Thư viện nhà trường được đầu tư hơn 200 triệu đồng cho phần mềm thư viện điện tử và các trang thiết bị hiện đại của thư viện số (**5.15.02** - Hồ sơ mạng LAN, Internet). Như vậy, hiện nay thư viện của Trường có 2 phần mềm thư viện điện tử và cơ sở dữ liệu bao gồm hơn 1500 đầu tài liệu phục vụ đầy đủ nhu cầu giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường. (**5.15.03** – Danh mục giáo trình của trường được số hóa; **5.15.04** – Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa; **5.15.05** – Văn bản thể hiện việc phục vụ cho hoạt động đào tạo của thư viện). Bên cạnh đó, một giá trị thiết thực với việc đưa vào sử dụng phần mềm quản lý thư viện, phần mềm thư viện điện tử mang lại cho người sử dụng, đó là về mặt thời gian và không gian. Người sử dụng không cần phải đến thư viện mà vẫn có thể nghiên cứu kho dữ liệu mà thư viện đã xây dựng (**5.15.06** - Ý kiến của nhà giáo và người học về thư viện điện tử của nhà trường).

Một điểm đáng lưu ý của hoạt động thư viện trường là đã tổ chức được hệ thống thư viện điện tử giáo trình nội bộ và các công trình nghiên cứu khoa học

của nhà trường. Đây là nguồn tài liệu xám ghi nhận sự phát triển và thành tựu mà hoạt động giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học của tập thể cán bộ, viên chức nhà trường đạt được. (5.15.07 - Website thư viện số HITC; 5.15.08 - Danh mục giáo trình nội bộ, công trình nghiên cứu khoa học, nội san nhà trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 5: 1 điểm

6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu

Để chất lượng giáo dục đào tạo ngày một nâng cao, Nhà trường không ngừng khuyến khích và có nhiều chính sách ưu đãi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên nghiên cứu khoa học và đã đạt được một số kết quả nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Chất lượng giáo dục đào tạo của Trường ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ sản xuất, từng bước tiếp cận với sự phát triển của khu vực, sinh viên của Trường đào tạo ra đáp ứng tốt yêu cầu của các đơn vị sử dụng trong nước và xuất khẩu lao động đi nước ngoài.

TT	Năm học	Đề tài NCKH do giảng viên thực hiện	Đề tài NCKH do sinh viên thực hiện
1	2020-2021	02	01
2	2021-2022	02	05
3	2022-2023	05	05
4	2023-2024	02	02

*** Những điểm mạnh**

- Trong những năm gần đây, Nhà trường đã chú trọng mở rộng giao lưu, tham gia các hội thảo quốc tế về phương pháp dạy và học, đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng.

- Công tác NCKH đã được xác định là một trong những nhiệm vụ chính trị của Trường nên luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, của Hội đồng khoa học và Đào tạo của trường và các khoa, của cơ quan quản lý trực tiếp cấp trên là Bộ Công Thương.

- Đội ngũ giảng viên, cơ bản hoàn thành công tác học tập bồi dưỡng nâng cao, có đủ năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, năng động, nhiệt tình say mê nghiên cứu khoa học.

* Những tồn tại

Bên cạnh thuận lợi nêu trên, Nhà trường gặp không ít những khó khăn, thách thức như:

- Kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp, khó có thể triển khai các đề tài đòi hỏi nhiều công sức nghiên cứu, phạm vi rộng, chi phí lớn. Thời gian giải ngân kinh phí để thực hiện các đề tài cấp bộ còn chậm dẫn đến tiến độ bị ảnh hưởng.

- Một số ít cán bộ, giảng viên chưa nhận thức đúng đắn về hoạt động nghiên cứu khoa học, thiếu quyết tâm, thiếu mạnh dạn trong việc đăng ký các đề tài từ cấp Bộ trở lên, thiếu nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ này.

- Vẫn còn một số lượng ít cán bộ, giảng viên còn hạn chế về kỹ năng và phương pháp nghiên cứu khoa học, trình bày một đề tài nghiên cứu khoa học dẫn đến chất lượng đề tài còn chưa cao.

- Việc tham gia các dự án nghiên cứu và chuyển giao công nghệ do các tổ chức quốc tế triển khai và liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài, các tổ chức quốc tế để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giáo viên của trường còn chưa nhiều.

* Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong thời gian tới Trường sẽ thực hiện các công việc sau:

- Mở rộng tìm kiếm thêm đối tác mới hơn nữa đồng thời duy trì đối với các đối tác đã có hợp tác từ trước.

- Tiếp tục chú trọng đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, trình độ, năng lực nghiên cứu khoa học và chuyên môn của đội ngũ cán bộ giáo viên đáp ứng nhu cầu hội nhập.

- Bổ sung, điều chỉnh cơ chế tài chính và chính sách phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật công nghệ của Nhà trường trong giai đoạn tới:

+ Đổi mới công tác tài chính cho hoạt động NCKH, tăng cường đầu tư kinh phí để thực hiện nhiệm vụ NCKH từ nguồn kinh phí từ ngân sách. Đầu tư hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu.

+ Xây dựng chính sách khen thưởng và vinh danh các nhà khoa học có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH.

+ Tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên đi tham quan học tập thực tế để cập nhật kiến thức, nâng cao hiệu quả việc tìm kiếm tham khảo tài liệu, tích lũy kinh nghiệm và kiến thức thực tế vận dụng vào công tác NCKH.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá
Tiêu chí 6	5
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1

Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc tổ chức cho cán bộ, giảng viên nghiên cứu khoa học được Nhà trường quan tâm chỉ đạo. Nhà trường đã thành lập Hội đồng khoa học. Hội đồng Khoa học hàng năm được bổ sung và kiện toàn gồm trưởng các đơn vị trực thuộc, một số giảng viên có kinh nghiệm đã từng đạt giải cấp quốc gia và thành phố, một số giảng viên là thạc sĩ chuyên ngành. Hội đồng Khoa học hàng năm đưa ra định hướng nghiên cứu, ký hợp đồng các đề tài, thẩm định các đề tài đã đăng ký, công nhận các đề tài khoa học đã hoàn thành (**6.1.01 - Quyết định thành lập Hội đồng khoa học.**).

Nhà trường có chính sách khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học. Quyết định về khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học được quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường (**6.1.02 - Thông báo triển khai thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 1.3.04 - Quy chế chi tiêu nội bộ các năm từ 2022, 2023, 2024**), cụ thể:

- Được giảm giờ tiêu chuẩn (quy đổi ra giờ chuẩn theo quy định của trường)

- Được cấp kinh phí cho tổ chức thực hiện khi đề tài được Hội đồng khoa học Nhà trường thông qua.

- Các đề tài từ cấp trường trở lên được ứng dụng trong sản xuất, giảng dạy và học tập, đem lại hiệu quả kinh tế cao sẽ được đề nghị khen thưởng kịp thời.

- Được cấp kinh phí khi tham gia các lớp Cao học; lớp NCS...

Công tác NCKH là một trong những nhiệm vụ quan trọng của giảng viên, do đó tập thể cán bộ, giảng viên Nhà trường đã rất quan tâm đến công tác nghiên cứu, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

Từ năm 2019 đến nay, Nhà trường đã hoàn thành nhiều đề tài cấp Bộ và nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường. Các đề tài đều có tính ứng dụng thực tiễn cao và đã được đưa vào phục vụ công tác giảng dạy và học tập ở nhà trường (**6.1.03** - *Bảng tổng hợp khối lượng thực hiện nghiên cứu khoa học các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; **6.1.04** - *Ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên về chính sách và thực hiện chính sách nghiên cứu khoa học*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (*ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng*).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2019 đến nay, Nhà trường đã hoàn thành nhiều đề tài cấp Bộ và nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường. Các đề tài đều có tính ứng dụng thực tiễn cao và đã được đưa vào phục vụ công tác giảng dạy và học tập ở Nhà trường (**6.2.01** - *Danh sách đăng ký đề tài NCKH*; **6.2.02** - *Bộ hồ sơ thuyết minh đề tài NCKH*; **6.2.03** - *Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo*; **6.2.04** - *Giấy chứng nhận, thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm*).

Sáng kiến kinh nghiệm (từ năm 2019 đến 2023)

TT	TÊN SÁNG KIẾN	TÁC GIẢ - ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ NGHIÊN M THU
----	---------------	------------------	----------------------

<i>Năm học 2019 - 2020</i>			
1	Phân nhóm công việc để theo dõi, thực hiện công việc hoàn thành, kịp tiến độ	Đinh Thị Thu Sương, Phòng Tổ chức hành chính	Đạt
2	Công tác y tế học đường cho sinh viên trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM	Nguyễn Thị Bích Nga, Phòng tổ chức hành chính	Đạt
3	Một số kinh nghiệm để quản lý, lưu trữ và bảo quản tốt Công văn đi - Công văn đến của trường	Trần Anh Sơn, Phòng Tổ chức hành chính	Đạt
4	Đề xuất và thiết kế phiếu khảo sát chuyển ngành học cho sinh viên có nguyện vọng chuyển ngành học	Hoàng Mạnh Hùng, Phòng Quản lý đào tạo	Đạt
5	Cấp phát văn bằng, không tổ chức lễ tốt nghiệp	Nguyễn Thị Hải Yến, Phòng Quản lý đào tạo	Đạt
6	Sử dụng ổ đĩa mạng trong việc lưu trữ bài thi thực hành của sinh viên; Sắp xếp và bố trí các máy tính cùng cấu hình vào trong cùng một phòng thực hành	Đặng Thanh Vũ, Phòng Quản trị thiết bị	Đạt
7	Sắp xếp công việc trên ứng dụng điện thoại thông minh	Phạm Thị Tình, Phòng Quản trị thiết bị	Đạt
8	Hộp nối tích hợp dây HDMI và VGA cho phòng học	Trần Đình Toàn, Phòng Quản trị thiết bị	Đạt
9	Cải tiến quy trình tiếp nhận hồ sơ thanh toán	Đinh Thị Tú Khuyên, Phòng Kế toán tài chính	Đạt
10	Đặt mượn tài liệu online	Ngô Kiến Đức, Thư viện	Đạt
11	Cải tiến phương thức làm việc khi sửa chữa	Lê Doãn Thúy, P. Quản lý ký túc xá	Đạt

12	Thu thập và quản lý lưu trữ minh chứng	Nguyễn Thúy Hạnh, Trung tâm khảo thí và đảm bảo chất lượng	Đạt
<i>Năm học 2020 - 2021</i>			
1	Thiết kế tủ điều khiển biến tần cho trạm bơm khu C và điều khiển phao chống tràn bể khu A, D	Đào Thanh Tâm, Khoa Điện - Điện tử	Đạt
2	Chuyển đổi vị trí đường truyền internet và hỗ trợ nhu yếu phẩm, xét nghiệm, tiêm chủng vắc xin cho sinh viên	Nguyễn Văn Phiên, Phòng Quản lý Ký túc xá	Đạt
3	Tổ chức bếp ăn phục vụ chống dịch Covid-19	Lê Thị Băng Tâm, Khoa Cơ khí động lực	Đạt
4	Ứng dụng google form và excel online để thu thập dữ liệu thông tin cá nhân của học sinh sinh viên trong việc đăng ký bảo hiểm y tế	Nguyễn Thị Hoài, Phòng Tổ chức hành chính	Đạt
5	Xây dựng và thực hiện quy trình trung dụng phòng đột xuất (đáp ứng yêu cầu cấp bách trong công tác phòng chống dịch Covid-19)	Vũ Thị Phương Giang, Phòng Quản lý ký túc xá	Đạt
6	Ứng dụng phần mềm Moodle trong việc quản lý và giảng dạy trực tuyến	Nguyễn Bá Lưu, Hoàng Mạnh Hùng, Phòng quản lý đào tạo	Đạt
7	Chạy quảng cáo facebook, zalo. Thành lập Zalo OA	Nguyễn Hải Nam, Phòng Quản lý đào tạo	Đạt
8	Ứng dụng bộ công cụ google trong việc thu thập và thống kê thông tin của giảng viên, sinh viên	Trần Thị Xim, Khoa Công nghệ thông tin	Đạt
9	Lưu giữ, trộn ngân hàng câu hỏi thi kết thúc môn học trên phần mềm ứng dụng	Nguyễn Thị Hồng Nguyễn, Trung tâm khảo thí và đảm bảo chất	Đạt

		lượng	
10	Ứng dụng minh chứng số trong công tác thu thập và quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định chất lượng	Nguyễn Thúy Hạnh, Trung tâm khảo thí và đảm bảo chất lượng	Đạt
11	Xây dựng chức năng đặt phòng trực tuyến tích hợp trên website thư viện	Nguyễn Hữu Định, Thư viện	Đạt
12	Ứng dụng Google Forms trong quá trình phục vụ tài liệu trực tuyến	Lê Minh Thanh, Thư viện	Đạt
13	Sử dụng công nghệ cloud google để đồng bộ dữ liệu từ ổ cứng máy tính lên google drive	Đặng Thanh Vũ, Phòng Quản trị thiết bị	Đạt
<i>Năm học 2021 - 2022</i>			
1	Rập cải tiến may túi mở một viên	Huỳnh Thị Thu Ba, Khoa Công nghệ Thời trang	Đạt
2	Ứng dụng phần mềm ASANA trong quản lý công việc của Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Đỗ Thu Thủy, Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Đạt
<i>Năm học 2022 – 2023</i>			
1	Sử dụng công cụ điện tử trong công tác thu và quản lý hồ sơ xét tốt nghiệp tại Khoa QTKD	Bùi Thị Thanh Phượng, Khoa quản trị kinh doanh	Đạt
2	CTG – Cho phép sinh viên tự tạo bài kiểm tra theo nhóm	Nguyễn Thanh Loan, Khoa Ngoại ngữ	Đạt
3	Tổ chức hoạt động tham quan bảo tàng góp phần giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ	Nguyễn Thị Mai Hương, Khoa Lý luận chính trị	Đạt

4	Giải pháp tiết kiệm chi phí in ấn đề thi cho một số môn thi thực hành trên máy tính của Khoa Công nghệ thông tin	Trần Thị Xim, Khoa Công nghệ thông tin Đặng Thanh Vũ, Phòng Quản trị thiết bị	Đạt
5	Ứng dụng phần mềm Mc-Mix Pro kết hợp với Module trắc nghiệm của công ty ASC để quản lý và trích xuất đề thi từ ngân hàng câu hỏi thi kết thúc môn học	Phạm Thị Hiền, Trung tâm khảo thí và đảm bảo chất lượng	Đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

TT	Nội dung	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Bài báo đăng trên tạp chí trong nước	15	24	21	10
2	Bài báo đăng trên hội nghị, hội thảo ngành hoặc tương đương	06	08	08	01
3	Bài báo đăng trên hội nghị, hội thảo cao đẳng- đại học	-	05	02	05
4	Bài báo đăng trên hội nghị và hội thảo quốc tế trong nước	-	14	17	06
5	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế	11	13	03	-
6	Bài báo đăng trên hội nghị và hội thảo quốc tế nước ngoài	-	14	06	10
7	Nội san trường	18	16	18	-

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm các công trình nghiên cứu khoa học của nhà trường được đăng tải lên trang web của nhà trường: <http://hitu.edu.vn/>

Từ năm 2019 đến nay, mỗi năm nhà trường có một số bài báo của các cán bộ - giáo viên nhà trường được đăng trên tạp chí các báo, tạp chí, các ấn phẩm khoa học quốc tế, trung ương và địa phương (**6.3.01** - *Danh sách các bài báo khoa học được đăng các năm 2021, 2022, 2023*). Tất cả các bài báo đều đăng tải các kết quả nghiên cứu chuyên sâu trong các lĩnh vực: công nghệ ô tô, cơ khí, điện – điện tử... đã và đang được triển khai ứng dụng vào để nâng cao chất lượng đào tạo của Trường CĐ Công Thương Tp.HCM.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác NCKH đã được thực hiện tốt trong toàn trường từ nhiều năm qua, cán bộ quản lý, giảng viên của Nhà trường tham gia vào các đề tài NCKH, dự án cấp bộ (**6.4.01** - *Quyết định công nhận hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2021, 2022, 2023*; **6.4.02** - *Danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường năm 2021, 2022, 2023*; **6.2.03** - *Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*; **6.2.04** - *Giấy chứng nhận, thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm*), các đề tài đã nghiệm thu đều được ứng dụng hiệu quả trong hoạt động giảng dạy và học tập tại nhà trường.

TT	Tên nhiệm vụ KHCN cấp bộ	Chủ nhiệm	Hoàn thành	Ghi chú
1	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy phun thuốc chống mốc sản phẩm hàng may mặc	Nguyễn Anh Tuấn	2018	
2	Hoàn thiện công nghệ và thiết kế chế tạo dây chuyền thiết bị chế biến nầm	Bùi Mạnh Tuấn	2019	Dự án sản xuất thử nghiệm

3	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo mô hình thí nghiệm đo lường và điều khiển trên thiết bị di động để phục vụ đào tạo	Nguyễn Minh Quang	2019	
4	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo mô hình robot vượt địa hình dò tìm khoáng sản và thu thập dữ liệu phục vụ công tác đào tạo	Trần Hữu Toàn	2019	
5	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị sấy củ dọt liệu theo nguyên lý sấy bơm nhiệt kết hợp hồng ngoại	Bùi Mạnh Tuấn	2020	
6	Thiết kế, chế tạo thiết bị và thử nghiệm công nghệ diệt men trà ô long bằng vi sóng	Bùi Mạnh Tuấn	2024	Đang thực hiện, dự kiến hoàn thành 4/2024

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với mục tiêu của hoạt động hợp tác quốc tế là góp phần nâng cao năng lực giảng dạy, NCKH, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, trong những năm qua Nhà trường đã tham gia các hội thảo giáo dục quốc tế (**6.5.01 – Kế hoạch tiếp đón và làm việc với các tổ chức và trường nước ngoài; 6.5.02 – Dự án “ Phát triển năng lực nhà giáo Việt Nam hướng đến giáo dục 4.0”;** **6.5.03 – Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam, hợp tác giữa Việt Nam và Đan Mạch giai đoạn 2; 6.5.04 – Các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản ghi nhớ, hình ảnh, tài liệu...thể hiện việc liên kết đào tạo, triển khai hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; 6.5.05 – Văn bản thể hiện kết quả liên kết**

đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế.)

Chương trình giao lưu sinh viên giữa Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh và Viện Giáo dục kỹ thuật Singapore (ITE): Giai đoạn 01 từ 04-17/12/2022 tại Singapore; Giai đoạn 02 từ 16-29/03/2023 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Chương trình giao lưu sinh viên giữa Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh và sinh viên Singapore do công ty Skilio giới thiệu, vào 13/06/2023 và 21/06/2023.

Chương trình giao lưu sinh viên giữa Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh và sinh viên ITE chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, từ 18/09/2023 đến 22/09/2023 tại Tp. Hồ Chí Minh.

6.5.02 - Dự án “Phát triển năng lực nhà giáo Việt Nam hướng đến giáo dục 4.0 (EMVITET)”

Tập huấn sử dụng hệ thống LMS VNPT tại trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM ngày 12/03/2020 hình thức trực tuyến.

Hội thảo trực tuyến chủ đề “Discuss about the questions in collective reply for impact evaluation” ngày 23/04/2020.

Hội thảo trực tuyến “Workshop on creating virtual learning environment and learning from partners” ngày 20/05/2020.

Hội thảo trực tuyến “Engaging assessment with ePortfolios” ngày 03/06/2020.

Hội thảo trực tuyến “Workshop about building new curriculum for food technology major with the collaboration between HITC, Industry, local government and local vocational skills council” ngày 24/06/2020.

Hội thảo trực tuyến “Workshop on Education 4.0: Online assessment” ngày 25/11/2020.

Hội thảo trực tuyến “Essential skills for Education 4.0” ngày 15/12/2020.

Hội thảo “Apply ePortfolio for assessment and competency development of students” tại trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM ngày 19/01/2021.

Hội thảo trực tuyến “Learning ecosystems and industry/ business collaboration” ngày 17/03/2021.

Hội thảo “Effective education – industry collaboration” tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM ngày 08-09/04/2021.

Hội thảo trực tuyến “Design factory workshop: students’ perspective in

learning ecosystem” ngày 03/06/2021.

Hội thảo trực tuyến “Organizing examinations during Corona lockdown – KU Leuven experience” ngày 18/06/2021.

Hội thảo trực tuyến “Students’ and work life perspectives in learning ecosystem” ngày 15/09/2021.

Hội thảo trực tuyến “Erasmus Day” ngày 12/10/2021.

Đào tạo trực tuyến “How to develop and sustain digital and pedagogical competencies in educational institutions?” ngày 03/12/2021.

Đào tạo trực tuyến “Organizational guidelines for Education 4.0” ngày 19/01/2022.

Hội thảo “Workshop on ingraining new learning ecosystem for education 4.0” tại trường Đại học Sư phạm kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng, Tp. Đà Nẵng ngày 21-25/02/2022.

Hội thảo “EMVITET Study Visit Belgian perspectives on Ingraining Edu 4.0” tại trường đại học Xây dựng Miền Trung, Phú Yên ngày 28/3/2022-01/4/2022.

Hội thảo kết thúc dự án EMVITET tại trường Sư phạm kỹ thuật TP. HCM ngày 09-11/05/2022.

6.5.03 - Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam, hợp tác giữa Việt Nam và Đan Mạch giai đoạn 2

Hội thảo nâng cao năng lực đào tạo nghề cho giáo viên tổ chức ngày 15-16/08/2022 tại Vũng Tàu.

Hội thảo tập huấn về phương pháp đào tạo ngành thực phẩm cho các giảng viên và cán bộ đào tạo tham gia dự án, tổ chức vào ngày 17-18/11/2022 tại trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày hội việc làm ngành Công nghệ thực phẩm năm 2022 và năm 2023 tổ chức tại trường Cao đẳng Công Thương Tp.HCM, nhằm giao lưu với doanh nghiệp và cung cấp thông tin việc làm, tuyển dụng cho sinh viên.

Tập huấn Xanh hóa vào ngày 03-04/4/2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội nghị Đối thoại chính sách cho các giảng viên và đại diện doanh nghiệp và Sơ kết giữa kỳ dự án tổ chức vào ngày 29/03/2023 tại Hà Nội.

Tập huấn Đảm bảo chất lượng ngày 11-12/09/2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tham gia chương trình trao đổi giảng viên tại Đan Mạch vào tháng

10/2023.

Tổng kết Giai đoạn 2 tháng 12/2023, tại Hà Nội.

Cử 02 giảng viên tham dự tập huấn 03 tuần về lĩnh vực quản lý cho viên chức lãnh đạo cấp trung và cấp cao tại Đan Mạch (tháng 3/2024 và tháng 5/2024).

6.5.04 - *Các chương trình liên kết đào tạo, triển khai hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế*

Hợp đồng giữa Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM và Công ty ASSIST INC., mục tiêu là ASSIST và trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM hợp tác để triển khai dự án nâng cao năng lực “Trung tâm xuất sắc” (CoE) được đề cập trong hợp đồng ký kết giữa ASSIST và Schneider Foundation vào tháng 7/ 2022.

Tham dự khóa đào tạo PLC M221 do công ty Schneider tổ chức ngày 22/06/2023 tại Tp.HCM.

Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM và trường Cao đẳng Algonquin, Canada, trong tuyển sinh sinh viên học tại trường Cao đẳng Algonquin, Canada, ký ngày 22/3/2023.

Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM và trường Đại học Phụ Anh, Đài Loan, ký kết ngày 03/3/2023.

Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM và trường Đại học Kiện Hành, Đài Loan, ký kết ngày 29/6/2023.

Cử 03 giảng viên tham gia chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý Giáo dục đào tạo nghề toàn cầu tại Hàn Quốc, từ 3/2020 – 3/2021.

Chương trình cử giảng viên đi giảng dạy tại trường Jeonju (Hàn Quốc) cho 01 giảng viên Khoa Quản trị Kinh doanh, từ 8/2020-8/2021.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 6: 1 điểm

7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu

Quản lý tài chính là một khâu quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các mục tiêu, các kế hoạch đã đề ra của Trường. Việc quản lý, sử dụng nguồn tài chính của Trường được quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ và nghiêm túc từ khâu lập dự toán đến khâu chấp hành, kiểm soát dự toán và khâu quyết

toán nhằm hạn chế, ngăn ngừa các sai sót trong khai thác và sử dụng nguồn lực tài chính đồng thời nâng cao hiệu quả việc sử dụng các nguồn tài chính.

Công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính của nhà Trường thực hiện trên cơ sở các văn bản được Bộ tài chính ban hành gồm: Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022 – 2023; Thông báo số 300/TB-VPCP ngày 31 tháng 7 năm 2023, Về việc kết luận của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại cuộc họp về dự thảo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Thông tư số 05/2023/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 06 năm 2023, Ban hành danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng theo quy định và được công bố công khai, minh bạch trong Hội nghị viên chức và người lao động. Việc phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, đã mang lại hiệu quả đào tạo rất thiết thực cho các đơn vị và các hoạt động của Trường góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giảng viên và nhân viên. Nguồn kinh phí của Trường được sử dụng đúng theo quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ. Ngoài ra hàng năm, Trường còn trích ra một phần kinh phí khuyến khích viên chức và người lao động học tập nâng cao trình độ giảng dạy và phục vụ, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên...), tổ chức cho cán bộ - viên chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức cho cán bộ, giảng viên, nhân viên đi tham quan nghỉ dưỡng, chi trả học bổng, các khoản phụ cấp cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên và các khoản chi khác phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế của Nhà trường đúng theo quy định. Các chính sách tài chính của Trường được phổ biến rộng rãi cho viên chức và người lao động tham gia đóng góp ý kiến và được nhất trí thông qua trong Hội nghị viên chức và người lao động. Trong 3 năm qua, công tác quản lý tài chính của Trường đều có sự kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được đánh giá tốt, thực hiện đúng quy định.

Nguồn tài chính của trường chủ yếu được tạo ra từ nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu sự nghiệp. Nguồn kinh phí ngân sách cấp chỉ đảm bảo nhiệm vụ chi hoạt động thường xuyên cho trường từ 5 – 7%, phần còn lại chi từ nguồn thu sự nghiệp. Để có nguồn chi cho mọi hoạt động có hiệu quả nhà trường đã chủ động khai thác các nguồn thu như: học phí, lệ phí, phí ở ký túc xá, liên kết đào tạo và các hoạt động dịch vụ khác. Các nguồn kinh phí của nhà trường đều được sử dụng đúng mục đích quy định của nhà nước, ưu tiên cho nâng cao đời sống cán bộ viên chức và người lao động, công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và trang bị cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập ngày càng được tốt hơn.

Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh đã xây dựng và triển khai có hiệu quả những kế hoạch, giải pháp nhằm từng bước đa dạng các nguồn thu và tiến đến tự chủ hoàn toàn về tài chính. Bên cạnh đó, Nhà Trường còn có một hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ phù hợp với các quy định của Nhà nước, thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

** Những điểm mạnh:*

- Có quy chế chi tiêu nội bộ, quy trình, hướng dẫn của phòng Kế toán, quy chế được xây dựng đảm bảo theo quy định hiện hành, nội dung của quy chế thể hiện chi tiết, cụ thể, đầy đủ và dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm luôn được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ.

- Việc quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính của đơn vị đều được thực hiện trên cơ sở chế độ tài chính của các cơ quan tài chính và có đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định.

- Công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, thực hiện kiểm toán theo quy định, hàng năm có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của Trường, có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường.

- Các nguồn tài chính được khai thác hợp pháp, được sử dụng đúng mục đích, được quản lý tập trung và được hạch toán vào các tài khoản theo đúng quy định của Nhà nước.

- Phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính của trường đã góp phần nâng cao đời sống viên chức và người lao động, đổi mới trang thiết bị giảng dạy, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, sinh viên.

** Những tồn tại*

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng theo kế hoạch hoạt động của Trường trong năm tới, do tình hình kinh tế xã hội không ngừng biến động, giá cả thị trường liên tục thay đổi nên việc lập kế hoạch tài chính, dự toán về thu, chi tài chính chưa sát với thực tế và giá cả của thị trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

- Xây dựng chính sách tài chính hợp lý, phù hợp với quy định nhà nước nhằm bảo đảm cho các hoạt động của nhà trường.

- Chủ động thực hiện đa dạng hóa nguồn tài chính tiến dần đến việc quản lý tài chính theo cơ chế tự chủ. Trường có nguồn thu ổn định từ học phí và đảm bảo chi phí.

- Hướng dẫn các bộ phận phòng, khoa và trung tâm trong đơn vị có kế hoạch cho nhu cầu chi tiêu cụ thể hơn từ đầu năm học, từ đó tập hợp thành kế hoạch của Trường được thực tế và chính xác.

- Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa.

- Duy trì việc đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn cho nhân viên phòng tài chính kế toán để làm tốt công tác quản lý tài chính của đơn vị, tổ chức tốt công tác sắp xếp hồ sơ chứng từ.

- Tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá công tác tài chính kế toán của Trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Công tác quản lý tài chính và sử dụng kinh phí của nhà Trường được thực hiện theo đúng mục đích, đúng quy định của nhà nước theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

Trên cơ sở những quy định về công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính. Nhà Trường còn ban hành một số các quy định được thể hiện bằng các quy trình tạm ứng, thanh toán, xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm trong đó quy định các nội dung thu, chi trong phạm vi chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định của Nhà nước và có đầy đủ các nội dung chi mang tính chất đặc thù riêng của Trường, đồng thời quy chế chi tiêu nội bộ cũng quy định cụ thể về những chứng từ hồ sơ thanh quyết toán về tài chính. Quy chế chi tiêu nội bộ được Trường gửi Bộ Công Thương để báo cáo và gửi Kho bạc nơi giao dịch để kiểm soát thu, chi và gửi công khai đến các đơn vị trong trường được biết để thực hiện. (**1.3.04** – Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, **7.1.01** - Bảng đối chiếu kinh phí kho bạc năm 2021, 2022, 2023; **7.1.02** – Quy trình tạm ứng – thanh toán trong nội bộ Trường ban hành theo QĐ số 946/QĐ-CDCT ngày 17/12/2019).

Trước khi điều chỉnh các quy chế hàng năm, Trường tổ chức lấy ý kiến đóng góp của viên chức và người lao động tại Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm (**1.4.04** – Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm, **1.3.11** - Tổng hợp các ý kiến đóng góp cho quy chế dân chủ và quy chế chi tiêu nội bộ tại các đơn vị hàng năm).

Trường đã thực hiện công khai nội dung quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính tại các cuộc họp giao ban hàng tháng, Hội nghị viên chức và người lao động, bảng tin nội bộ của Trường hàng năm. Nội dung thông tin về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính đã công khai được thể hiện trên các văn bản (**7.1.03** – Công khai tài chính ở bảng tin nội bộ năm 2021, 2022, 2023; **7.1.04** – Báo cáo công khai ngân sách năm 2021, 2022, 2023; **7.1.05** - Thông báo công khai dự toán thu – chi hàng năm 2021, 2022, 2023; **7.1.06** - Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021, 2022, 2023; **7.1.07** - Bảng dự toán và thuyết minh dự toán kinh phí năm 2021, 2022, 2023; **7.1.08** - Báo cáo tổng hợp các nguồn thu năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp công lập vì vậy hệ thống sổ sách kế toán, báo cáo tài chính được thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

Công tác quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất, kinh doanh của nhà Trường được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 quy định về chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022 – 2023; Thông báo số 300/TB-VPCP ngày 31 tháng 7 năm 2023, Về việc kết luận của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại cuộc họp về dự thảo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Công tác quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh, dịch vụ của nhà Trường đảm bảo theo quy định. Các khoản thu, chi từ hoạt động dịch vụ đào tạo, sản xuất kinh doanh, dịch vụ được phản ánh đầy đủ vào sổ sách kế toán của Nhà trường. (7.2.01 - Danh mục nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, sản xuất, kinh doanh năm 2021, 2022, 2023; 7.2.02 - Báo cáo kết quả thu, chi từ nguồn NSNN cấp và nguồn thu của Trường 2021, 2022, 2023).

Nhà trường quản lý, sử dụng chặt chẽ các nguồn thu đồng thời thực hiện và lưu trữ đầy đủ các hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo đúng quy định. (7.2.03 – Hệ thống sổ sách kế toán năm 2021, 2022, 2023; 7.2.04 - Các hợp đồng liên kết đào tạo; khai thác căn tin; khai thác bãi giữ xe 2 bánh hàng năm, 1.3.04 - Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm).

Cơ quan quản lý tài chính cấp trên đánh giá Trường quản lý và phân bổ chi tiêu các nguồn tài chính đúng mục đích, đúng quy định, không vi phạm và thực hiện đầy đủ các báo cáo tài chính hàng năm theo quy định. (7.1.06 - Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021, 2022, 2023; 7.2.05 - Báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nguồn kinh phí của Nhà trường được phân bổ cho các hoạt động theo đúng định mức, đúng quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Nhà trường dựa vào kế hoạch, dự trù thực tế của các phòng, khoa trung tâm chức năng để làm cơ sở phân bổ tài chính hợp lý và sử dụng nguồn kinh phí hoạt động cho phép để chi tiêu theo nhu cầu thực tế hàng năm.

Hàng năm, Trường căn cứ vào số lượng sinh viên bình quân, chỉ tiêu tuyển sinh, biên chế, các văn bản quy định về cải cách tiền lương, mức lạm phát và tình hình biến động của giá cả thị Trường.... để lập dự toán thu - chi ngân sách nhằm đảm bảo được mức chi theo quy định của nhà nước. (7.3.01 - Quyết định giao dự toán NSNN năm 2021, 2022, 2023; 7.1.07- Dự toán thu, chi ngân sách và kế hoạch tài chính ngân sách năm 2021, 2022, 2023)

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ban hành ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2020 – 2021; Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; quy định mức trần học phí đối với trình độ trung cấp, cao đẳng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022 – 2023; Thông báo số 300/TB-VPCP ngày 31 tháng 7 năm 2023, Về việc kết luận của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại cuộc họp về dự thảo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Trên cơ sở đó, Trường tổ chức công tác thu học phí, lệ phí, liên kết đào tạo, sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo đúng quy định và sử dụng một cách có hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường (7.3.02 – Quyết định về việc quy định mức thu học phí năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 – 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh; 7.3.03 - Các thông báo của Trường về mức thu học phí năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 – 2024).

Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp có thu tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động vì vậy nhà Trường phải tăng cường các nguồn lực tài chính để bổ sung kinh phí hoạt động, ngoài nguồn thu từ học phí; Nhà Trường đã liên kết đào tạo, hoạt động sản xuất, dịch vụ, các hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo theo đơn đặt hàng... (1.12.02 – Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023; 7.2.03 – Hệ thống sổ sách kế toán năm 2021, 2022, 2023; 7.2.04 – Các hợp đồng liên kết đào tạo; khai thác căn tin; khai thác bãi giữ xe 2 bánh hàng năm).

Từ các nguồn tài chính hiện có của Trường, so với nhu cầu thực tế hiện nay, Trường có nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ cho các hoạt động giáo dục đào tạo của Nhà trường. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập vì vậy hệ thống sổ sách kế toán, báo cáo tài chính được thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Hệ thống quản lý tài chính của Trường được kiểm soát rất chặt chẽ và đảm bảo tính chính xác. Phòng Tài chính - Kế toán lập báo cáo tài chính theo năm và ghi chép đầy đủ vào sổ sách kế toán, đảm bảo tính chính xác và kịp thời nhằm đáp ứng tốt cho công tác quản lý tài chính của đơn vị. Việc quản lý và sử dụng các nguồn thu đúng mục đích, đúng quy định của Nhà nước (7.2.05 - Báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023; 7.1.06 - Biên bản xét duyệt quyết toán, thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Phòng Tài chính kế toán thực hiện đầy đủ công tác lập dự toán, quyết toán, báo cáo tài chính theo đúng quy định, rõ ràng, lưu trữ tốt, hợp lý.

Công tác quản lý tài chính và sử dụng kinh phí của nhà Trường được thực

hiện theo đúng mục đích, đúng quy định của nhà nước theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

Nhà Trường còn thực hiện công tác quản lý và sử dụng tài chính theo quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm tại đơn vị.

Bộ phận tài chính của Trường thực hiện thu chi, quyết toán, báo cáo tài chính đúng qui định, có hồ sơ lưu trữ chứng từ theo chế độ kế toán – tài chính của Nhà nước. Hằng năm phòng Kế toán – Tài chính lập báo cáo tài chính và tất cả các báo cáo tài chính từng năm đều được Vụ Kế hoạch - Tài chính Bộ Công Thương thẩm tra và quyết toán. (*1.12.02 – Báo cáo tài chính hàng năm; 7.2.06 - Báo cáo quyết toán hàng năm; 7.1.02 – Quy trình tạm ứng – thanh toán trong nội bộ Trường ban hành theo QĐ số 946/QĐ-CĐCT ngày 17/12/2019; 7.1.06 - Biên bản xét duyệt quyết toán, thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm*).

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ lưu trữ chứng từ kế toán từng năm, biên bản thanh tra, kiểm toán công tác tài chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thể hiện trường thực hiện thu chi, quyết toán, báo cáo tài chính đúng quy định; có hồ sơ lưu trữ chứng từ theo chế độ kế toán – tài chính của Nhà nước (*1.3.04 – Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm; 7.2.03 – Hệ thống sổ sách kế toán hàng năm; 7.2.05 - Báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Công tác quản lý tài chính đảm bảo minh bạch, công khai, hợp lý và đảm bảo nguyên tắc thống nhất trong Trường, khoa. Các khoản chi phí được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và đáp ứng nhu cầu đào tạo, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chung của Nhà trường.

Nhà Trường có hệ thống chỉ tiêu đánh giá hàng năm về hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính như các báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thu, chi ngân sách nhà nước theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC, ngày 9/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghị định trên, Định kỳ, nhà Trường thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính. Phòng kế toán thường xuyên tự kiểm tra chứng từ, lập báo cáo tài chính, biên bản kiểm quỹ... biên bản kiểm tra của Ban thanh tra nhân dân,...

Công tác quản lý tài chính, quản lý đào tạo của Trường đã sử dụng phần mềm chuyên ngành. Nguồn tài chính được sử dụng đúng mục đích và theo đúng các quy định của Nhà nước. Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng theo quy định về việc xây dựng kế hoạch tài chính và công khai tài chính.

Quá trình quản lý và sử dụng tài chính của đơn vị định kỳ được báo cáo công khai hàng tháng trong cuộc họp giao ban, báo cáo tài chính trong Hội nghị viên chức của Trường.

Căn cứ Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính về việc ban hành “Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước” Nhà trường đã xây dựng Quy định về tự kiểm tra tài chính, kế toán trong đó đã quy định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung kiểm tra, thời điểm kiểm tra, đơn vị được kiểm tra, phương pháp kiểm tra và trách nhiệm của cá nhân, đơn vị có liên quan. Qua đó, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch và thành lập Ban tự kiểm tra tài chính, kế toán (7.5.01 - *Xây dựng Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính nội bộ năm 2021, 2022, 2023*; 7.5.06 – *Báo cáo kết quả tự kiểm tra tài chính kế toán đối với trường năm 2021, 2022, 2023*). Hàng năm, Ban Thanh tra nhân dân Nhà trường đều có kế hoạch và tự kiểm tra công tác tài chính của nhà trường (7.5.02 - *Báo cáo của ban thanh tra nhân dân về việc kiểm tra công tác tài chính của trường năm 2021, 2022, 2023*; 7.5.06 – *Báo cáo kết quả công tác tự kiểm tra tài chính kế toán đối với trường năm 2021, 2022, 2023*).

Công tác kiểm kê tài sản theo định kỳ hoặc đột xuất của trường được thực hiện nghiêm túc và theo đúng quy định của Bộ Tài chính (7.5.04 - *Báo cáo kiểm kê, biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2021, 2022, 2023*).

Hàng năm, Trường đều nộp các báo cáo kiểm toán của cơ quan chủ quản và cơ quan kiểm toán (7.2.05 - *Thông báo kết quả kiểm toán hàng năm*).

Sau khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền, Trường đã xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính (7.5.05 - *Biên bản khắc phục theo yêu cầu của kiểm toán nhà nước năm 2021, 2022, 2023*).

Hàng năm, khi cần điều chỉnh các quy chế, Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến đóng góp của viên chức người lao động tại Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm (1.4.03 – *Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức năm 2021, 2022, 2023*; 1.3.08 - *Tổng hợp các ý kiến đóng góp cho quy chế dân chủ và quy chế chi tiêu nội bộ tại các đơn vị năm 2021, 2022, 2023*).

Bên cạnh đó, hàng năm trường đã thực hiện công khai tài chính theo thông tư 61/2017/TTBTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai

ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ ở Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động và bảng tin nội bộ của trường. **(7.1.03 – Công khai tài chính ở bảng tin nội bộ hàng năm).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường đều kiểm tra công tác tài chính nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí qua đó xây dựng biện pháp phức tạp, là cơ sở để xây dựng kế hoạch tài chính và dự toán kinh phí cho năm tiếp theo. Trường thường xuyên duy trì việc đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của Trường và có báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính, trong đó phản ánh các chỉ tiêu cụ thể về các nguồn thu- chi trong năm, thu nhập của viên chức và người lao động, việc sử dụng kinh phí của đơn vị, tình hình sử dụng vật tư, nguyên vật liệu và công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Căn cứ vào số lượng sinh viên đào tạo bình quân trong năm, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, căn cứ biến động của thị trường từ đó so sánh với mức thu – chi của năm trước nhằm điều chỉnh mức thu, chi cho phù hợp với hoạt động, chương trình đào tạo **(7.6.01 – Bảng đối chiếu tình hình sử dụng ngân sách, Các quyết định điều chỉnh, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, 2022, 2023 và được thể hiện trên thuyết minh báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hàng năm).**

Việc tăng cường huy động nguồn thu và tiết kiệm các khoản chi phí nhằm nâng cao hiệu quả công tác tài chính là mục tiêu hàng đầu của đơn vị. Do đó, nhà Trường thường xuyên rà soát, đánh giá lại công tác thu, chi của đơn vị theo từng tháng, tổng hợp theo quý, năm và đánh giá tình hình sử dụng nguồn tài chính của Trường. Qua quá trình phân tích cho thấy nguồn thu từ học phí của đơn vị luôn được duy trì ổn định trong điều kiện áp lực cạnh tranh rất lớn trong công tác tuyển sinh. Có được kết quả như trên là do công tác tuyển sinh của Trường hiệu quả, trong nhiều năm liền Nhà Trường luôn đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh được giao. Tuy nhiên, nguồn thu sự nghiệp không được ổn định và có sự giảm so với những năm trước đây là do ảnh hưởng nặng của dịch covid 19.

Trên cơ sở căn cứ vào bảng cân đối kế toán, báo cáo tài chính hàng năm; phân tích mục đích sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách được cấp, nguồn thu thực tế của Nhà trường, kết quả đào tạo, Nhà trường đều có đánh giá hiệu quả công tác tài chính. Bên cạnh đó, Bộ Công thương khi kiểm tra, xét duyệt quyết toán báo cáo tài chính của trường cũng đã có những đánh giá tích cực về công tác tài

chính của Nhà trường. Ngoài việc đảm bảo đủ kinh phí phục vụ cho hoạt động đào tạo của Nhà trường thì Nhà trường cũng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN, đảm bảo thu nhập tăng thêm cho người lao động theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, ngày 25/4/2006 của Chính phủ trích lập quỹ phát triển sự nghiệp, quỹ phúc lợi khen thưởng, quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm. Đối với các hoạt động dịch vụ đều được Nhà trường tính đúng, tính đủ khấu hao (7.2.03 – Hệ thống sổ sách kế toán năm 2021, 2022, 2023; 1.12.02 – Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023; 7.6.01 – Bảng đối chiếu tình hình sử dụng ngân sách năm 2021, 2022, 2023; 7.2.05 - Báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023; 7.1.06 - Biên bản xét duyệt quyết toán, thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021, 2022, 2023; 7.6.02 – Báo cáo kết quả thu-chi từ nguồn NSNN cấp và nguồn thu của Trường 2021, 2022, 2023; 7.6.03 – Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023; 7.6.04 - Báo cáo thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2016-2021, năm 2022, năm 2023; 1.3.04 - Quy chế chi tiêu nội bộ 2021, 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 1 điểm

8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Mở đầu

Sinh viên là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu của Trường, vì vậy, Nhà trường đã tạo mọi điều kiện để đảm bảo chỗ ăn, chỗ ở và các tiện nghi học tập sinh hoạt nghỉ ngơi khác cho sinh viên.

Công tác kiểm tra, đôn đốc giáo dục, nhắc nhở và xử lý vi phạm thường xuyên được các bộ phận phòng ban chức năng phối hợp thực hiện.

Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác học sinh sinh viên, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp là bộ phận tham mưu giúp việc đặc lực có nhiều khả năng và kinh nghiệm khai thác, cập nhật thông tin và thường xuyên cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và giới thiệu việc làm cho sinh viên tốt nghiệp ra trường.

*** Những điểm mạnh**

Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin thông qua các buổi tư vấn nghề nghiệp, qua trang web của Trường, quảng cáo trên các phương tiện truyền thông đại chúng, tờ rơi, sổ tay sinh viên..., qua đó nhà trường giới thiệu đến sinh viên những ngành đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo

và những thông tin cần thiết về Nhà trường, đồng thời cử các cán bộ có năng lực tư vấn trực tiếp cho sinh viên.

Nhà trường có nhà ăn, căn tin phục vụ ăn uống cho giảng viên và sinh viên luôn đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Khu nội trú được trang bị đầy đủ đèn điện, nước sạch sinh hoạt, nhà vệ sinh, đảm bảo an ninh trật tự và các phương tiện sinh hoạt khác có thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu sinh viên muốn ở nội trú và thường xuyên được tu bổ, sửa chữa nâng cấp các thiết bị sử dụng. Sinh viên được đảm bảo an ninh và an toàn trường học, có môi trường giải trí lành mạnh sau giờ học, ký túc xá có xây dựng sân bóng đá cỏ nhân tạo, khu công viên được bố trí các hàng ghế đá và trồng nhiều cây xanh.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho sinh viên được quan tâm đặc biệt, nhà trường thường xuyên phối hợp với Bệnh viện Quân dân Miền Đông, Bệnh viện Lê Văn Việt... để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên trong thời gian học tập và khi có trường hợp cấp cứu xảy ra.

Nhà trường tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm, thực hiện khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp ra trường, các doanh nghiệp để nắm bắt được nhu cầu của thị trường lao động, từ đó có chính sách giáo dục đào tạo tốt hơn, sát với thực tế nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, thị trường lao động trong và ngoài nước.

* Những tồn tại

Dự án đầu tư mở rộng cơ sở vật chất của Nhà trường (trong đó có dự án xây dựng nhà thi đấu đa năng, khu dịch vụ cho sinh viên) còn triển khai chậm.

Các dịch vụ như chăm sóc sức khỏe, khu vui chơi giải trí cho sinh viên tuy được đầu tư nhưng chưa đáp ứng theo yêu cầu.

Các buổi tư vấn việc làm cho sinh viên được tổ chức nhưng chưa thường xuyên, việc khảo sát sinh viên ra trường tìm được việc làm còn gặp nhiều khó khăn vì không đủ nhân lực.

* Kế hoạch nâng cao chất lượng

Xây dựng hoàn thiện và đưa vào khai thác các công trình phục vụ cho sinh viên nhà dịch vụ theo đề án trường chất lượng cao đến năm 2025.

Tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp để đưa sinh viên đi học tập thực tế tại xưởng, nhà máy và liên tục tổ chức giới thiệu việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	9
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Bộ phận Tuyển sinh tư vấn và cung cấp thông tin về các ngành đào tạo, chỉ tiêu, yêu cầu đối với sinh viên. Thông tin này được đăng tải rộng rãi trên website của Trường, thông tin bằng văn bản tại các đơn vị liên kết đào tạo, bảng tin của Nhà trường. Sau khi thông báo cho những sinh viên đạt yêu cầu tuyển sinh, được trúng tuyển và nhập học, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa để phổ biến đầy đủ cho sinh viên các nội quy, quy chế, quy định và chương trình kế hoạch đào tạo của Nhà trường. Ngoài ra, nhà trường còn biên soạn sổ tay sinh viên, trong đó có đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. (8.1.01 - Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu năm năm 2021, 2022, 2023; 2.12.01 - Quy chế công tác người học). Ngoài ra, các nội quy, quy chế, quy định của Trường được niêm yết công khai tại những nơi dễ nhìn, dễ đọc trong trường và các kênh khác như: thông tin qua loa, truyền tin vào các buổi chiều, tại bảng tin trong Trường, tại các xưởng thực hành, phòng học, phòng thực hành, thông tin qua Đoàn TNCSHCM, sinh hoạt lớp (8.1.02 – Hình ảnh các vị trí đặt nội quy của Trường).

Trong suốt quá trình học tập tại Trường, sinh viên được phổ biến, cung cấp đầy đủ, chi tiết các văn bản quy định về kiểm tra đánh giá học phần, thi, xét tốt nghiệp và các chế độ miễn giảm học phí, các quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên (**8.1.03** – Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; **8.1.04** - Ý kiến của người học, nhà giáo về việc cung cấp thông tin khi nhập học và trong quá trình học).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với sinh viên theo đúng quy định của Nhà nước như miễn giảm học phí, chính sách nội trú, hỗ trợ chi phí học tập, xác nhận cho sinh viên vay vốn ưu đãi và các chế độ ưu đãi khác theo quy định. Ngay từ đầu năm học, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác học sinh sinh viên, các khoa chuyên ngành, Ban Cố vấn học tập đã phổ biến các chế độ, chính sách đến toàn thể sinh viên của Nhà trường. Các chế độ chính sách được Nhà trường tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, công khai đến sinh viên các quyền lợi, chế độ đãi ngộ của Đảng và Nhà nước cũng như của Nhà trường. (**8.2.01** – Quyết định thành lập hội đồng miễn, giảm học phí năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023; **8.2.02** - Danh sách những người học thuộc đối tượng ưu tiên năm học 2020 -2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023; **8.2.03** - Danh sách học sinh được miễn, giảm học phí năm học 2020 -2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023.).

Phòng Công tác học sinh, sinh viên căn cứ các văn bản hướng dẫn thông báo, nhận hồ sơ và lập danh sách sinh viên được hưởng các chế độ chính sách ưu tiên, ưu đãi, miễn giảm học phí, xét trợ cấp cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vượt khó trong học tập, xét duyệt cấp học bổng khuyến khích học tập...(**8.2.04** – Thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác mà trường đã và đang áp dụng; **8.2.05** – Danh sách những người học thuộc đối tượng ưu tiên được hỗ trợ).

Hàng năm, Nhà trường đều tổng kết, báo cáo đánh giá tình hình công tác thực hiện các chế độ chính sách đối với sinh viên trong bảng báo cáo tổng kết năm học, qua đó phát huy những điểm mạnh, đồng thời đề ra các biện pháp khắc phục những điểm còn hạn chế. (**1.6.04** - Báo cáo hằng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngoài các chính sách theo quy định của Nhà nước, Nhà trường còn có chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với sinh viên đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, hoặc khen thưởng đột xuất cho những tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc trong học tập và các hoạt động phong trào. Căn cứ trên đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên theo học kỳ và cuối năm học, Hội đồng thi đua Nhà trường ra các quyết định khen thưởng và có các suất học bổng khuyến khích với sinh viên đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Đây cũng là động lực thúc đẩy sinh viên ra sức phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ học tập và tham gia các hoạt động của Nhà trường một cách có hiệu quả. Nhà trường đã ban hành Quy định hướng dẫn khen thưởng, Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên và phổ biến kịp thời đến sinh viên ngay trong tuần đầu tiên của năm học. Việc thực hiện khen thưởng, cấp học bổng khuyến khích sinh viên học tập luôn đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đúng quy định. (8.3.01 - Quy định hướng dẫn khen thưởng sinh viên; 8.3.05 - Thống kê các chính sách hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng chính sách năm học 2020 -2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023.).

Trong từng học kỳ, Nhà trường căn cứ vào quy định, tiêu chí xét khen thưởng, cấp học bổng cho sinh viên có thành tích học tập và rèn luyện tốt hoặc có hoàn cảnh khó khăn để xét và công bố công khai danh sách sinh viên được hưởng học bổng, khen thưởng nhằm khuyến khích sinh viên vượt qua khó khăn phấn đấu học tập. (8.3.02 - Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2020 -2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023; 8.3.03 - Quyết định khen thưởng sinh viên năm học 2020 -2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023; 8.3.04 - Danh sách HSSV nhận học bổng năm học 2020 -2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023; 8.3.08 – Danh sách sinh viên thuộc đối tượng chính sách năm học 2020 -2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023.).

Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên trong suốt quá trình học tập tại trường như là hỗ trợ một phần học phí, miễn giảm lệ phí ký túc xá. Đối với các trường hợp sinh viên vì điều kiện khách quan không thể tiếp tục theo học tại trường trong thời gian quy định, Nhà trường hướng dẫn sinh viên làm hồ sơ bảo lưu kết quả theo quy định bảo lưu kết quả học tập do Nhà trường xây dựng theo quy chế. (8.3.06 – Quyết định ban hành bảo lưu kết quả học tập; 8.3.07 – Quy định bảo lưu kết quả học tập).

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện tổng kết năm học qua đó phát huy những mặt đã làm được và hạn chế những mặt chưa làm được. (1.6.03 – Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường; 8.3.09 - Ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm về chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tuyển sinh tất cả các sinh viên, không phân biệt nam nữ đối với từng ngành cụ thể. Tất cả các sinh viên của Trường đều được tôn trọng và được đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Nội dung trong các quy định, kế hoạch của Nhà trường đều thể hiện sự không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. (2.2.04 – Kế hoạch tuyển sinh hàng năm; 8.4.02 - Nội qui trường lớp, ký túc xá, Nội quy phòng thực hành công nghệ thực phẩm, điện tử (chụp hình)...).

Khu ký túc xá hiện tại có 04 khu, bố trí khu riêng biệt dành cho nam và nữ, tính đến tháng 8 năm 2023 với các nội quy, quy định đều không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân đối với các sinh viên. (8.4.01 – Kế hoạch của Phòng Công tác HSSV năm học 2020 -2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023).

Ngoài ra, khi xét các chế độ khen thưởng, khuyến khích học tập, các hoạt động phong trào, các chế độ chính sách ...Nhà trường cũng không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. (8.3.02 - Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập hàng năm; 8.3.03 - Quyết định khen thưởng sinh viên hàng năm; 8.3.04 - Danh sách HSSV nhận học bổng hàng năm, 2022; 8.3.08 – Danh sách sinh viên thuộc đối tượng chính sách hàng năm.).

Trong các báo cáo tổng kết hàng năm đều thể hiện nội dung không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân của sinh viên.

Ý kiến của cán bộ, giảng viên, sinh viên được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân được thể hiện qua các buổi sinh hoạt hàng năm (8.4.03 - Ý kiến của người học về sự tôn trọng và đối xử bình đẳng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của gần 1700 Sinh viên.

Hiện nay, Nhà trường có ký túc xá bao gồm 04 khu nhà A, B, C, D, gồm 276 phòng, tổng diện tích hơn 12.930 m² đáp ứng được gần 1700 chỗ ở trong cùng một thời điểm. Trong đó khu nhà D là khu chất lượng cao dành riêng cho nữ. (8.5.01 - Thông tin về ký túc xá: diện tích, chỗ ở, điện, nước, vệ sinh).

- Thông tin về diện tích, chỗ ở, điện, nước, vệ sinh:

1. Về diện tích phòng ở:

+ Khu A, B, C: 32m²/Phòng/08 sinh viên

+ Khu D: 28m²/Phòng/05 sinh viên

2. Về khu vực vệ sinh:

Ký túc xá có 02 nhà vệ sinh công cộng.

Trong tất cả các phòng ở đều có buồng tắm, buồng vệ sinh riêng, trang bị đầy đủ thiết bị vệ sinh.

3. Về trang thiết bị phòng ở:

Trong phòng ở của sinh viên mỗi em được trang bị 01 giường nằm, 01 tủ đựng đồ dùng cá nhân, 01 bàn học, modum wifi. Hệ thống điện, nước đầy đủ, đảm bảo cho sinh hoạt và học tập của sinh viên.

4. Về môi trường sinh hoạt:

Tất cả ký túc xá trong trường đều đảm bảo tốt các điều kiện sinh hoạt và học tập cho sinh viên nhà trường, được cung cấp điện, nước đầy đủ, lắp camera an ninh, được trang bị wifi miễn phí, đáp ứng tốt các điều kiện sinh hoạt, học tập và giải trí cho sinh viên. Có nội qui quy định, đặt ở nơi dễ nhìn thuận tiện giúp cho phòng Quản lý và sinh viên thực hiện tốt nội qui. Công tác an ninh trật tự luôn được đảm bảo, phòng Quản lý ký túc xá có kế hoạch, phân công trực ký túc xá để tiếp nhận và giải quyết các vấn đề thắc mắc của sinh viên. Để đảm bảo sinh viên có môi trường giải trí lành mạnh sau giờ học, tại khuôn viên ký túc xá có sân bóng đá mi ni, sân bóng chuyền, sân cầu lông. Khu công viên được bố trí các hàng ghế đá và trồng nhiều cây xanh, khu tập thể dục đa năng để sinh viên tham gia tập luyện nhằm đảm bảo sức khỏe cho việc học tập. 8.5.02 – Sơ đồ mạng hệ thống KTX; 8.5.03 – Hình ảnh ký túc xá của Trường

Hằng năm, bên cạnh việc thường xuyên tự kiểm tra cơ sở vật chất ký túc xá của Nhà trường, để từ đó có kế hoạch sửa chữa, duy tu nâng cấp các thiết bị sử dụng nhằm đảm bảo đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt, học tập và giải trí của sinh viên,

Về công tác an ninh trật tự luôn đảm bảo an toàn trong ký túc xá. Không để xảy ra các vụ việc vi phạm nghiêm trọng. Kiểm tra giám sát việc sinh hoạt, học tập của sinh viên, phổ biến công tác phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên thông báo, treo bano áp phích về các tệ nạn xã hội, các chiêu thức lừa đảo để sinh viên cảnh giác, phòng tránh.

Hàng năm ký túc xá phối hợp với các đơn vị, thực hiện công tác hỗ trợ sinh viên, như miễn giảm tiền nội trú, hỗ trợ các phần quà dịp lễ, tết cho các sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Xử lý kịp thời, hiệu quả những thắc mắc, kiến nghị của Sinh viên. Động viên, nhắc nhở SV thực hiện tốt nội qui của ký túc xá.

Cảnh quan môi trường sạch sẽ, khuôn viên KTX, hành lang phòng ở được vệ sinh hàng ngày. Chăm sóc chỉnh trang cây xanh tạo môi trường cảnh quan luôn sạch đẹp. (5.4.07 - Các quy định về chế độ duy tu định kỳ - bảo dưỡng thường xuyên; 5.4.06 - Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC của Đội Cảnh sát PCCC hàng năm; 5.4.10 – Báo cáo tổng kết hằng năm của trường về PCCC nhà trường (kết luận họp giao ban của BGH; 8.5.04 - Ý kiến của người học về khu nhà ở Ký túc xá).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Mô tả, phân tích, nhận định

Tổ y tế của Trường trực thuộc phòng Tổ chức hành chính với tổng số 02 nhân viên với đầy đủ bằng cấp quy định của nhân viên y tế trường học (8.6.01 - Hồ sơ chứng nhận cán bộ y tế đã qua đào tạo). Ngoài ra, nhà trường còn có hợp đồng với 01 bác sỹ của trạm y tế phường Phước Long B để tăng cường hỗ trợ khi cần thiết (8.6.02 - Hợp đồng với Trạm y tế Phường). Khu vực y tế của Trường được đặt gần khu ký túc xá đảm bảo tốt các điều kiện sơ cấp cứu cho sinh viên khi có yêu cầu (8.6.03 – Hình ảnh khu y tế của Trường) Các phòng y tế đều có đầy đủ nội quy, các hướng dẫn về công tác y tế học đường, BHYT (8.6.04 – Nội quy bộ phận y tế), đầy đủ các thiết bị y tế tối thiểu cần thiết, thuốc điều trị.. phục vụ công tác khám, sơ cấp cứu, cấp phát thuốc chữa bệnh cho cán bộ, công nhân viên, giảng viên và sinh viên trong trường (8.6.05 – Danh mục thiết bị y tế). Hàng năm, bộ phận y tế đều phối hợp với các cơ sở y tế phường, quận để tổ chức triển khai phòng chống dịch bệnh, sơ cấp cứu, triển khai BHYT, khám sức khỏe đầu vào cho sinh viên... (8.6.06 - Báo cáo hàng năm của trạm y tế năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 ; 8.6.07 – Hợp đồng khám sức

khỏe cho người học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Hướng dẫn số 51/HD-CDCT ngày 01/03/2022 của trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM về việc hướng dẫn kiểm soát dịch Covid-19 tại trường CD Công Thương Tp. HCM, Kế hoạch số 108/KH-CDCT ngày 26/4/2023 của trường Cao đẳng Công Thương về tăng cường phòng, chống dịch Covid-19 và các bệnh truyền nhiễm

(8.6.08 - Sổ theo dõi cấp phát thuốc năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 8.6.09 - Báo cáo về công tác Y tế Nhà trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Nhà trường có căn tin ở các cơ sở đào tạo phục vụ cho cán bộ, giáo viên và người học của trường. Khu nhà ăn căn - tin, diện tích sử dụng 1.500m², có khu chế biến thực phẩm riêng biệt, hệ thống điện, nước sạch, PCCC, thoát nước hoàn chỉnh, sử dụng ổn định, có thể phục vụ cho 300 người cùng một lúc. Căn tin trường chấp hành nghiêm chỉnh quy định của ngành y tế, quản lý môi trường về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhà trường phân công rõ bộ phận quản lý phối hợp nhân viên y tế thường xuyên thanh kiểm tra chất lượng phục vụ nhà ăn về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng bữa ăn, hình thức phục vụ, vệ sinh môi trường.. để kịp thời báo cáo nhằm tránh xảy ra sự cố. *(8.6.10 - Hồ sơ thiết kế nhà ăn; 8.6.11 - Hợp đồng nhà ăn phục vụ học sinh, sinh viên; 8.6.12 - Giấy chứng nhận căn tin nhà trường đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm hàng năm).*

Dịch vụ nhà ăn hiện nay được sinh viên, cán bộ, giảng viên và nhân viên trong trường đánh giá tốt. Trong những năm gần đây, tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường, cảnh quan khu nhà ăn, căn - tin luôn được đảm bảo *(8.6.13 – Báo cáo đánh giá công tác phục vụ của nhà ăn; 8.6.14 – Thông báo kết luận của BGH tại Hội nghị giao ban về bộ phận y tế, căn tin của nhà trường năm 2021, 2022, 2023; 8.6.15 - Ý kiến của người học, nhà giáo có liên quan dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường; 1.4.04 - Biên bản Hội nghị cán bộ cán bộ, viên chức năm 2021, 2022, 2023).*

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có khu hoạt động thể dục thể thao: Gồm 03 sân bóng chuyên, 02 sân bóng đá cỏ nhân tạo, 02 sân cầu lông trải thảm và khu tập thể dục đa năng, với tổng diện tích sân chơi thể thao khoảng 7.500m². Có khuôn viên cây xanh, thảm cỏ, toàn bộ đường nội bộ được rải nhựa đảm bảo khuôn viên Nhà trường luôn khang trang, có môi trường xanh, sạch, đẹp tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên có môi trường hoạt động, tập luyện lành mạnh (8.7.01 - *Thống kê diện tích sân thể dục thể thao*).

Hàng năm, Phòng Công tác Sinh viên phối hợp với Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên thường xuyên tổ chức các cuộc thi, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3; ngày hội học sinh, sinh viên 9/1 và các sự kiện quan trọng khác của Nhà trường. (8.7.02 - *Kế hoạch tổ chức hội diễn văn nghệ của đoàn trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*). Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để tất cả sinh viên của Trường được tham gia các hoạt động xã hội như hiến máu nhân đạo, chiến dịch mùa hè xanh... (8.7.03 - *Kế hoạch tổ chức chiến dịch Tình nguyện Hè, Kế hoạch Hiến máu nhân đạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Căn cứ vào văn bản hướng dẫn của các cơ quan chức năng, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ huy quân sự, đội Tự vệ cơ quan, đội PCCC. (8.7.04 - *Báo cáo công tác bảo vệ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*). Mỗi năm, các đội sẽ xây dựng kế hoạch, phối hợp với các cơ quan liên quan để tổ chức tập huấn cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên của trường về công tác an ninh trật tự, PCCC. Đội Tự vệ, tổ bảo vệ đóng vai trò nòng cốt trong việc giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường. Tổ bảo vệ đảm bảo ca trực 24/24, luôn tuần tra canh gác nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời để không xảy ra các sự cố tạo môi trường an toàn trường học (8.7.05 - *Kế hoạch; các buổi tập huấn; bảng phân công của tổ bảo vệ*).

Công tác an ninh trật tự, PCCC được kiểm tra theo định kỳ và theo kế hoạch của Nhà trường. Mỗi năm, Nhà trường đều có báo cáo về công tác an ninh trật tự, PCCC để đánh giá những thuận lợi, khó khăn, phát huy điểm mạnh, khắc phục những khó khăn. (5.4.10 - *Báo cáo tổng kết hàng năm của trường về PCCC*).

Định kỳ, Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên về các hoạt động của Nhà trường để điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế. (8.7.06 - *Ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm về các hoạt động của Nhà trường*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Bên cạnh việc đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường còn chú trọng đến việc tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi ra trường, bên cạnh thị trường lao động trong nước, thị trường lao động ngoài nước cũng được nhà trường hết sức quan tâm. Nhà Trường đã chỉ đạo Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp thường xuyên tìm kiếm kết nối, cũng như truyền thông, đăng tải và cung cấp đầy đủ thông tin tuyển dụng, điều kiện phát triển của các thị trường như Nhật Bản, Đài Loan, Đức. Ngoài ra, Trung tâm còn tham mưu với nhà trường ký kết hợp tác với các doanh nghiệp cung ứng lao động có uy tín, chất lượng (như Nhật Huy Khang International, ILINK, Công ty TNHH Giày Apache Việt Nam v.v...) mở các lớp học tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Đức và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sinh viên tham gia tuyển dụng đạt kết quả cao nhất. Cho đến nay đã có nhiều sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp đã đi làm việc tại Nhật bản, Đức v.v. (8.8.01 - Thông báo tuyển dụng lao động đi làm việc tại Nhật Bản năm 2021, 2022, 2023).

Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp là cầu nối giữa Nhà trường với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân uy tín chất lượng để tư vấn, hỗ trợ sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm phù hợp với sở trường và năng lực chuyên môn. Trường đã ký kết hợp tác với các doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo và giới thiệu việc làm cho sinh viên. Trong thời gian thực tập tại các doanh nghiệp, việc liên kết nhà trường với doanh nghiệp tạo cơ hội cho sinh viên làm việc và doanh nghiệp hiểu được khả năng kiến thức – kỹ năng của sinh viên thực tập. Giữa Nhà trường, sinh viên và doanh nghiệp dễ dàng tìm thấy một hợp tác chung là tạo việc làm sau khi tốt nghiệp cho sinh viên. Nhà trường thường xuyên cung cấp thông tin về nghề nghiệp, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp cho sinh viên được niêm yết tại bảng tin của Nhà trường, tại bản tin văn phòng Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, ký túc xá, điện thoại trực tiếp, thông qua zalo, facebook... (8.8.02 - Công văn doanh nghiệp tuyển dụng năm 2021, 2022, 2023).

Thực tế một số ngành hiện nay ngay trong thời gian thực tập đã có nhiều sinh viên được các đơn vị doanh nghiệp tạo điều kiện tiếp nhận sau tốt nghiệp hoặc tổ chức đào tạo nâng cao trình độ tay nghề nhằm đáp ứng nhu cầu vị trí tuyển dụng: Cơ khí chế tạo máy - 100%, Điện công nghiệp - 100%; Hàn -100%; Cơ khí sửa chữa - 100%, Công nghệ ô tô - 100%, Công nghệ Thực phẩm - 100%...

Bên cạnh việc xây dựng kế hoạch để kết nối với các doanh nghiệp hỗ trợ sinh viên tìm việc làm, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp phối hợp cùng Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Công tác Sinh viên. Khảo sát đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực đối với ngành, nghề mà nhà trường đào tạo và thông tin phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động về chất lượng, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc SV sau tốt nghiệp. Thực hiện khảo sát và thống kê số lượng sinh viên đã tốt nghiệp có việc làm, để từ đó tham mưu với nhà trường định hướng điều chỉnh chương trình giáo dục đào tạo các ngành để phù hợp với thực tế, đồng thời hỗ trợ giới thiệu việc làm cho sinh viên chưa có việc làm (**8.8.03** - *Ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm về tư vấn việc làm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thông tin về thị trường lao động và tiếp xúc với các nhà tuyển dụng cho sinh viên là một trong những hoạt động quan trọng, có tác động đến tâm lý của sinh viên, có ảnh hưởng đến động cơ, thái độ học tập của sinh viên. Hàng năm, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp thường xuyên có kế hoạch phối hợp với các doanh nghiệp có quy mô, nhu cầu tuyển dụng số lượng lớn tổ chức hoạt động Ngày tuyển dụng, Open Day, Career Day v.v... theo từng chuyên ngành cụ thể hướng nghiệp cho sinh viên nhằm tạo sự tập trung, tăng cường sự cạnh tranh lành mạnh giữa các nhà tuyển dụng. Thông tin thường xuyên cho sinh viên về thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp và các yêu cầu tuyển dụng giúp sinh viên có những bước chuẩn bị cần thiết để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động khi ra trường. (**8.9.01** – *Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Trong 3 năm gần đây, trường đã chỉ đạo Trung tâm tổ chức một số Ngày tuyển dụng, Open Day, Career Day v.v... tạo hiệu quả tích cực, chất lượng được các doanh nghiệp đánh giá cao (**8.9.02** – *Báo cáo kết quả tổ chức hội chợ việc làm năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023*; **8.9.03** – *Một số hình ảnh ngày hội việc làm*).

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ, hỗ trợ sinh viên cũng như các doanh nghiệp là đối tác chiến lược, có kết nối lâu dài với Nhà trường. Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã thực hiện khảo sát ý kiến của giảng viên, sinh viên, các doanh nghiệp, để từ đó phối hợp với các doanh nghiệp điều chỉnh kế hoạch và chương trình đào tạo phù hợp với thực tế, thu hút nhiều

sinh viên đến tham gia ngày tuyển dụng, open day, career day v.v... và tìm được việc làm phù hợp đúng chuyên ngành (8.9.04 - Ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm, cán bộ có liên quan tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 8: 1 điểm

9. Tiêu chí 9: giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9:

Mở đầu

Trường Cao đẳng Công Thương được chuyển từ Bộ Giáo dục và Đào tạo sang Bộ Lao động Thương binh Xã hội quản lý. Công tác giám sát, đánh giá chất lượng là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của Trường. Hàng năm, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng với chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng quản lý và tổ chức thực hiện công tác kiểm định chất lượng đào tạo của Trường, Trung tâm xây dựng và trình Ban Giám hiệu kế hoạch đảm bảo chất lượng của Trường. Nội dung kế hoạch luôn nêu rõ những công việc cần thực hiện để duy trì và phát triển công tác đảm bảo chất lượng của Trường xuyên suốt năm công tác.

Đặc biệt, trong hai năm 2016 và 2017, Trường được tham gia chương trình hợp tác với Hội đồng Anh về xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng tại một số trường cao đẳng được đầu tư thành trường chất lượng cao. Trong khuôn khổ chương trình hợp tác với Trường Coleg y Cymoedd – Vương quốc Anh và các trường trong cụm trường số 3 của Việt Nam, các công cụ đảm bảo chất lượng của Trường tập trung chủ yếu vào phát triển các bộ công cụ khảo sát và đánh giá chất lượng đào tạo. Đối tượng thu thập ý kiến bao gồm: sinh viên mới nhập học, sinh viên đang học, cựu sinh viên, cán bộ giảng viên và doanh nghiệp... Bộ công cụ khảo sát góp phần đảm bảo lợi ích cho người học, tạo điều kiện để các đối tượng được hỏi ý kiến phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các điều kiện hỗ trợ khác đi kèm. Việc ghi nhận các ý kiến, xem xét và có phản hồi kịp thời sẽ giúp sinh viên nhận thấy ý kiến của mình được tiếp thu và tôn trọng.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng đào tạo, tự kiểm định của Trường được thực hiện một cách thường xuyên từ các đơn vị đào tạo đến Hội đồng kiểm định Nhà trường theo đúng quy định.

*** Những điểm mạnh**

- Công tác thu thập ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

- Hoạt động tự kiểm định của các đơn vị trong trường và của toàn trường được thực hiện đúng theo quy định.

- Cán bộ, nhân viên của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng được Nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về kiểm định chất lượng.

*** Những tồn tại**

Do Nhà trường đang hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng, không có nhân sự chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng ở các phòng, ban, khoa, trung tâm. Công tác tuyên truyền, vận động mọi người có liên quan cùng tham gia các hoạt động bảo đảm chất lượng còn chưa nhiều.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng, đồng thời xây dựng thêm các bộ công cụ, quy trình mới nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường theo xu thế mới, đáp ứng các tiêu chí của trường chất lượng cao.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm do TT Khảo thí & Bảo đảm chất lượng xây dựng nhằm khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các Doanh nghiệp đối với sinh viên được nhà trường đào tạo để làm cơ sở cho việc đánh giá, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội. (2.16.08 – Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 9.1.01 – Danh sách các doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đã phối hợp cùng các khoa tiến hành thu thập ý kiến bằng cách sử dụng google drive khảo sát trực tuyến các Doanh nghiệp đã và đang tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp nhà trường đã và đang làm việc (9.1.02 – Các đường link khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).” Kết quả thu thập ý kiến của nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đều được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Nhà trường và là một kênh thông tin để Nhà trường xem xét, điều chỉnh các hoạt động phù hợp, cải tiến chương trình đào tạo ngày càng chất lượng đáp ứng nhu cầu của Doanh nghiệp (9.1.03 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 1.6.03 - Các văn bản thể hiện việc điều chỉnh cải tiến của Nhà trường về chất lượng sinh viên tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 1.6.04 - Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 (Các văn bản thể hiện việc điều chỉnh cải tiến của Nhà trường về chất lượng sinh viên tốt nghiệp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Thông tư số 15/2017/TT – BLĐT BXH, ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, theo chỉ đạo của Hiệu trưởng, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch và tiến hành thu thập ý kiến cán bộ, giảng viên và người lao động về các hoạt động của Trường, trong đó có các chính sách liên quan đến dạy

và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Thông qua việc thu thập ý kiến cán bộ, giảng viên và người lao động trong nhà trường đã thể hiện tính dân chủ trong trường, đồng thời giúp Trường cải tiến chất lượng giáo dục đào tạo, có những chính sách phù hợp thu hút nhiều nguồn nhân lực về trường. (2.16.08 – Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học hàng năm; 9.2.01 - Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 9.2.02 – Các đường link khảo sát của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Hàng năm, TTKT & BĐCL đều có báo cáo và tổng hợp kết quả thu thập ý kiến và đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng từ kết quả thu thập ý kiến về Ban Giám hiệu, để kịp thời điều chỉnh những mặt hạn chế và từ đó xây dựng phương hướng phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục đào tạo tại trường Cao đẳng Công Thương T. Hồ Chí Minh. (9.2.03 - Tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý; 9.2.04 - Thông báo, hướng dẫn về việc góp ý văn kiện Hội nghị CBCC năm 2021, 2022, 2023; 9.2.05 - Biên bản và bảng tổng hợp góp ý các quy định trong Văn kiện cán bộ công chức các đơn vị năm 2021, 2022, 2023; 9.2.06 - Bảng tổng hợp góp ý các quy định của nhà trường năm 2021, 2022, 2023; 1.4.04 - Biên bản Hội nghị CBCC năm 2021, 2022, 2023).

So sánh, đối chiếu với các điều kiện, yêu cầu của tiêu chuẩn, Trường tự đánh giá đã thực hiện đạt yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để hoàn thành nhiệm vụ giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và củng cố niềm tin của phụ huynh, sinh viên đối với trường, Hiệu trưởng trường đã chỉ đạo Trung tâm KT&BĐCL phối hợp với các khoa chủ động thực hiện thu thập ý kiến 50% sinh viên đại diện các ngành đang theo học trong trường trong mỗi học kỳ của năm học. (2.16.08 – Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy

và học hàng năm; **9.3.01** - Danh sách người học được thu thập ý kiến năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 (sử dụng phần mềm); **9.3.02** - Danh sách người học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 (sử dụng phần mềm)).

Trung tâm KT&ĐBCL tiến hành thu thập ý kiến sinh viên được thực hiện trên google drive (**9.3.03** - Các đường link khảo sát trực tuyến về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường).

Kết quả thu thập ý kiến đều được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Nhà trường và là một kênh thông tin để Nhà trường xem xét, điều chỉnh những mặt hạn chế, đồng thời định hướng phát triển nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo cho Trường. Mỗi năm, Nhà trường đều có điều chỉnh mẫu phiếu khảo sát cho phù hợp với nhu cầu thực tế. (**9.3.04** – Điều chỉnh mẫu phiếu khảo sát về hoạt động tổ chức và quá trình đào tạo của nhà trường hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch và hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (trước đây là Tổng cục dạy nghề), Nhà trường đều thực hiện các hoạt động tự đánh giá chất lượng theo quy định. Năm 2022 trường Cao đẳng Công Thương thực hiện công tác tự kiểm định theo Thông tư số 28/2017/TT – BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ LĐTBXH. Trường đã thành lập:

Hội đồng tự đánh giá nhà trường với đầy đủ các thành phần theo quy định. (**1.7.12** - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022, 2023, 2024; **9.4.01** - Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá năm 2022, 2023, 2024; **9.4.02** - Quyết định về việc thành lập Ban thu thập minh chứng Tự đánh giá năm 2024; **9.4.03** - Quyết định thành lập Ban soạn thảo Báo cáo tự đánh giá năm 2024).

Các đơn vị thực hiện tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá đơn vị (**9.4.04** - Thông báo về việc rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh Báo cáo tự đánh giá trường; báo cáo tự đánh giá; **9.4.05** - Thông báo công khai và lấy ý kiến của CB- GV- NV toàn trường; **9.4.06** - Kế hoạch cải tiến chất lượng đề ra trong Báo cáo Tự đánh giá của trường.).

Hội đồng đánh giá viết báo cáo tự đánh giá trường, công khai báo cáo trên website nhà trường (**1.7.13** – Báo cáo tự đánh giá của trường (Ảnh chụp website Trường) năm 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo nhằm khắc phục những hạn chế.

Hàng năm, Trung tâm KT&BDCL đều xây dựng và trình Ban Giám hiệu kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm của Trường. Nội dung kế hoạch đều nêu rõ những công việc cần thực hiện để duy trì và phát triển công tác đảm bảo chất lượng của Trường xuyên suốt năm công tác (**9.5.01 – Kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống công cụ ĐBCL năm 2022, 2023, 2024.**). Căn cứ vào nội dung kế hoạch, các đơn vị và cá nhân có liên quan chủ động thực hiện công việc được giao và có báo cáo kết quả thực hiện với lãnh đạo Nhà trường (**1.7.12 – Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022, 2023, 2024.**).

Qua kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022, nhà trường cũng đã thấy rõ những điểm mạnh, nhận ra những hạn chế trên tất cả các lĩnh vực công tác, từ đó xây dựng hệ thống các giải pháp để tiếp tục phát triển các điểm mạnh và từng bước khắc phục các hạn chế. Kết quả này phản ánh trung thực và khách quan những nỗ lực của tập thể CB, GV, NV nhà trường trong các năm qua, trong bối cảnh ĐBCL và KĐCL vẫn đang còn là một lĩnh vực khá mới mẻ. Kết quả tự đánh giá lần này còn là cơ sở để nhà trường đăng ký đánh giá ngoài chính thức, đồng thời thể hiện đúng cam kết của Ngành với xã hội và người học về chất lượng đào tạo phù hợp với Sứ mệnh, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi mà Trường đã công bố (**1.6.04 - Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 1.5.06 - Báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị trong nhà trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023.**).

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo nhằm khắc phục những hạn chế.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, TT Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với các khoa tiến hành điều tra việc làm đối với 100% SV đã tốt nghiệp của Trường (**2.14.10** – *Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.16.08* – *Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học hàng năm*). Việc thu thập thông tin SVTN về tình hình việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện bằng cách sử dụng google drive khảo sát trực tuyến (**9.6.01** – *Các đường link khảo sát về SV tốt nghiệp nhà trường để thu thập thông tin về việc làm năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Kết quả tổng hợp khảo sát SVTN về tình hình việc làm hàng năm (**9.6.02** – *Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*). Qua kết quả tổng hợp khảo sát cựu sinh viên hàng năm, tỉ lệ cựu sinh viên sau tốt nghiệp có phản hồi về việc làm trên tổng số sinh viên tốt nghiệp đạt từ 80% - 85%. Trong số cựu sinh viên phản hồi hàng năm đều có trên 80% HSSV có việc làm phù hợp hoặc đang đi học tiếp. Đối với các ngành trọng điểm của Trường như Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử, Quản trị nhà hàng, dịch vụ ăn uống, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ Da giày và Công nghệ Dệt may thì tỉ lệ có việc làm phù hợp đạt trên 85%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9: 1 điểm

PHẦN III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Qua hoạt động tự đánh giá, Trường đã thấy rõ những điểm mạnh, nhận ra những hạn chế trên tất cả các lĩnh vực công tác, từ đó xây dựng hệ thống các giải pháp để tiếp tục phát triển các điểm mạnh và từng bước khắc phục các hạn chế. Kết quả này phản ánh trung thực và khách quan những nỗ lực của tập thể CB, GV, NV Trường Cao đẳng Công Thương Tp.HCM trong 03 năm qua, trong bối cảnh ĐBCL và KĐCL vẫn đang còn là một lĩnh vực khá mới mẻ. Kết quả tự đánh giá lần này còn là cơ sở để Trường đăng ký đánh giá ngoài chính thức, đồng thời thể hiện đúng cam kết của Trường với xã hội và người học về chất lượng đào tạo phù hợp với Sứ mệnh, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi mà Trường đã công bố, và trong các năm học tới Trường tiếp tục thực hiện một số công việc với mục đích nâng cao chất lượng, cụ thể:

1. Về công tác nhân sự

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ chung và nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm, quyền hạn, quan hệ làm việc giữa các đơn vị để tăng cường hiệu quả công việc.

- Thực hiện nghiêm túc quy hoạch cán bộ đã xây dựng, khuyến khích giảng viên đi học nâng cao trình độ trong nước và ngoài nước.

- Trường tiếp tục chỉ đạo các Khoa, Bộ môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ kế cận, và tuyển dụng giảng viên phù hợp với yêu cầu của ngành và chuyên ngành đào tạo theo nhu cầu xã hội.

2. Về công tác quản lý đào tạo

- Trường sẽ xây dựng kế hoạch mở rộng quy mô, loại hình đào tạo một cách hợp lý đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ mới.

- Trường sẽ mở kênh thông tin trực tuyến trao đổi, góp ý về chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần.

- Trường sẽ lên kế hoạch tăng cường chất lượng công tác cố vấn học tập, đồng thời qui định cho cố vấn học tập phải thường xuyên tiếp cận với lớp, động viên hướng dẫn phương pháp học tập, tạo khả năng tiếp cận, với tinh thần tự giác học tập, tự nghiên cứu, hiểu rõ quy chế đào tạo và hoạch định kế hoạch học tập cho cá nhân.

- Thường xuyên tổ chức các hội thảo chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học mỗi năm một lần. Website của trường cần mở diễn đàn về đổi mới phương pháp giảng dạy.

3. Về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

- Tăng cường triển khai công tác dự giờ của các đơn vị .
- Trường tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh ngân hàng câu hỏi thi cho tất cả các học phần thuộc các chương trình đào tạo.

- Tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên về công tác đào tạo, đồng thời khảo sát tình hình việc làm sinh viên sau tốt nghiệp, nắm bắt nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội và nhu cầu của sinh viên để có cơ sở dữ liệu cung cấp thông tin cho các đơn vị liên quan nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và giảng dạy.

4. Về công tác quản trị thiết bị vật tư

- Phòng tài chính kế toán, Phòng quản trị thiết bị và các khoa lập dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

5. Về công tác nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế:

- Các Khoa tăng số lượng và chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Kết hợp với doanh nghiệp để phát triển các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao trong thực tiễn doanh nghiệp, nông nghiệp và phục vụ công tác dạy và học trong trường.

- Đối với hoạt động hợp tác quốc tế: mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế với các nước trong việc đào tạo, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy cho giảng viên, cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện, khuyến khích giảng viên đi học tập nâng cao trình độ tại nước ngoài. Mở rộng hợp tác quốc tế trong việc đào tạo sinh viên cho các chương trình 2+1 hoặc 1+2. Tạo cơ chế thu hút sinh viên quốc tế tới trường học tập.

6. Các công tác khác

- Bổ sung thêm những đầu sách tham khảo tương ứng với số lượng sinh viên của từng ngành.

- Tìm kiếm thêm nhiều nguồn tài trợ học bổng cho sinh viên. Thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước đối với sinh viên. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Quỹ học bổng do các doanh nghiệp và các cựu sinh viên, các nhà mạnh thường quân tài trợ.

- Từng Khoa tự liên hệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong việc nhận sinh viên thực tập và nhận các đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp. Tìm kiếm và hợp tác thêm nhiều doanh nghiệp để tăng thêm cơ hội việc làm cho sinh viên.

- Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương quản lý sinh viên ngoại trú.

Phần IV

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một quá trình xem xét và đánh giá dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCLDN do Bộ LĐTB-XH ban hành là một yếu tố không thể thiếu được trong hoạt động quản lý Nhà nước về đào tạo và hoạt động của các trường Cao đẳng.

Để công tác đảm bảo chất lượng có tính bền vững, đúng trình tự của một môi trường giáo dục nghề nghiệp lành mạnh, phù hợp, phát triển, rất cần thiết phải đưa các hoạt động đảm bảo chất lượng của nhà trường đi vào nề nếp và chuẩn hoá. Vì vậy, trong thời gian qua căn cứ vào Bộ tiêu chí KĐCLDN, căn cứ vào thực tế, Nhà trường xác định mục tiêu, chủ trương, biện pháp, xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hướng tới phát huy những mặt mạnh đã đạt được, khắc phục những tồn tại, đảm bảo đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng đào tạo.

Đối với công tác tự kiểm định trường Cao đẳng Công Thương Tp.HCM xác định là một nhiệm vụ thường xuyên. Từ đó hàng năm nhà trường căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đã và chưa đạt để rà soát hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường, qua đó phát huy những mặt mạnh, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế. Vì KĐCLDN được tiến hành thường xuyên nên việc thông qua công tác tự kiểm định nhà trường có hướng phấn đấu hướng tới việc tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Hội đồng Tự đánh giá của Trường đã thống nhất đánh giá là trường đạt chuẩn theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

2. Kiến nghị

Quá trình nghiên cứu, thực hiện tự đánh giá chất lượng, nhà trường thấy rằng các văn bản quy phạm pháp luật về tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp: hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình kiểm định khoa học và phù hợp với việc đánh giá và cải tiến.

Tp. HCM, ngày 21 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Mạnh Tuấn

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng)
2. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
3. Bảng mã minh chứng³

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2024

SỐ: *141* /QĐ-CDCT

QUYẾT ĐỊNH

*Về việc thành lập Hội đồng tự Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp,
Ban thu thập minh chứng và Ban biên soạn Báo cáo tự đánh giá chất lượng
cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2024*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-BCT, ngày 06 tháng 03 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống đảm bảo chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 909/TCGDNN-KDCL ngày 30/5/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019;

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KDCL của Tổng cục GDNN ngày 25/3/2019 về Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với Trường CD, TC;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Ban thu thập minh chứng và Ban biên soạn Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2024 của Trường Cao đẳng Công thương Tp. Hồ Chí Minh gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Trưởng các đơn vị trong Trường và các nhân viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Chữ*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TIKT&ĐBCL

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Mạnh Tuấn

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Theo quyết định số 141/QĐ-CDCT, ngày 15/03/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Chức vụ trong Hội đồng
1.	Bùi Mạnh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Đặng Công Quốc	Phó Hiệu trưởng, phụ trách khoa CNHH & TP, TT Truyền thông & Tuyển sinh	Phó Chủ tịch thường trực
3.	Nguyễn Anh Tuấn	Phó Hiệu trưởng, phụ trách khoa Cơ khí động lực	Phó Chủ tịch
4.	Trần Vũ Vượng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
5.	Trần Minh Nhật	GD. TT Khảo thí & KĐCL	Thư ký
6.	Trần Anh Sơn	Phụ trách văn phòng Đảng ủy	Ủy viên
7.	Đặng Minh Tuấn	Bí thư Đoàn Thanh niên CSHCM	Ủy viên
8.	Đỗ Thanh Vân	Chuyên gia, TS khoa học giáo dục, Phó GD Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP. HCM	Ủy viên
9.	Phạm Đức Thanh	GD công ty cổ phần dệt Trần Hiệp Thành	Ủy viên
10.	Vũ Cao Cường	PGĐ Công ty TNHH Cơ điện lạnh Bình Minh Ấn	Ủy viên
11.	Hồ Hoài Nam	Trưởng phòng QLKHCN & HTQT	Ủy viên
12.	Hoàng Mạnh Khiêm	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Ủy viên
13.	Nguyễn Mạnh Thắng	Phó phòng Quản trị thiết bị	Ủy viên
14.	Vũ Nhật Tân	Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
15.	Hoàng Mạnh Tùng	Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Ủy viên

HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Chức vụ trong Hội đồng
16.	Nguyễn Thị Thanh Giang	Trưởng phòng Thư viện	Ủy viên
17.	Lê Quang Vinh	Trưởng phòng Quản lý Sinh viên	Ủy viên
18.	Nguyễn Thị Minh	Trưởng phòng Đào tạo thường xuyên	Ủy viên
19.	Lê Thanh Hải	Phụ trách TT HTSV & QHDN	Ủy viên
20.	Võ Minh Sơn	Phụ trách khoa Quản trị kinh doanh	Ủy viên
21.	Nguyễn Thị Kim Thoa	Trưởng khoa Kinh tế – Tài chính	Ủy viên
22.	Lâm Quang Chuyên	Trưởng khoa Điện – Điện tử	Ủy viên
23.	Lê Thanh Vũ	Trưởng Khoa Cơ khí	Ủy viên
24.	Huỳnh Trọng Đức	Trưởng Khoa Công nghệ Thông tin	Ủy viên
25.	Võ Quỳnh Liên	Trưởng Khoa Công nghệ Thời trang	Ủy viên
26.	Đỗ Thị Thanh Thúy	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	Ủy viên
27.	Nguyễn Thị Lê	Trưởng khoa Khoa học Cơ bản	Ủy viên
28.	Lê Văn Chuyên	Trưởng Khoa Lý luận Chính trị	Ủy viên
29.	Nguyễn Trung Lục	Trưởng khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng	Ủy viên

Tổng cộng 29 thành viên.

DANH SÁCH BAN THU THẬP MINH CHỨNG

(Theo quyết định số 441/QĐ-CDCT, ngày 15/03/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Họ và Tên	Chức vụ/ Đơn vị	Nhiệm vụ
1.	Trần Minh Nhật	GD TT Khảo thí và ĐBCL	Trưởng ban
2.	Nguyễn Thúy Hạnh	CV TT Khảo thí và ĐBCL	Ủy viên
3.	Hồ Phước Lộc	CV TT Khảo thí và ĐBCL	Ủy viên
4.	Vũ Thị Lựu	Phòng Tổ chức Hành chính	Ủy viên
5.	Phạm Văn Trung	Phòng Quản lý Đào tạo	Ủy viên
6.	Lê Thị Chính	Phòng Đào tạo thường xuyên	Ủy viên
7.	Hoàng Mạnh Khiêm	Phòng Tài chính – Kế toán	Ủy viên
8.	Nguyễn Đặng Phú	Phòng Công tác HSSV	Ủy viên
9.	Trần Thị Hoàn	Phòng QLKH và HTQT	Ủy viên
10.	Ngô Quang Trung	Phòng Quản trị thiết bị	Ủy viên
11.	Nguyễn Hữu Định	Phòng Thư viện	Ủy viên
12.	Vũ Thị Phương Giang	Phòng Quản lý KTX	Ủy viên
13.	Trần Anh Sơn	Văn phòng Đảng ủy	Ủy viên
14.	Lê Thị Thu Trang	TT Hỗ trợ Sinh viên & QHDN	Ủy viên
15.	Đặng Minh Tuấn	Văn phòng Đoàn Thanh niên	Ủy viên
16.	Nguyễn Thị Mộng	Khoa Ngoại ngữ	Ủy viên
17.	Hoàng Thị Thủy Tiên	Khoa Quản trị kinh doanh	Ủy viên
18.	Dương Thị Nhân	Khoa Kinh tế - Tài chính	Ủy viên
19.	Đặng Phước Thịnh	Khoa Công nghệ Thời trang	Ủy viên
20.	Đặng Hồng Hiệp	Khoa Công nghệ Thông tin	Ủy viên
21.	Tô Thị Mỹ Hồng	Khoa Cơ khí	Ủy viên
22.	Nguyễn Lê Nhật Tuyên	Khoa Điện – Điện tử	Ủy viên

23.	Nguyễn Hương Thảo	Khoa GD Thể chất - Quốc phòng	
24.	Nguyễn Thị Nga	Khoa CN Hóa học & Thực phẩm	
25.	Lê Tiến Cường	Khoa Cơ khí động lực	

Tổng cộng 25 thành viên

DANH SÁCH BAN BIÊN SOẠN BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Theo quyết định số 144 /QĐ-CDCT, ngày 15/03/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương Tp.HCM)

TT	HỌ VÀ TÊN	TIÊU CHÍ PHỤ TRÁCH	TIÊU CHUẨN PHỤ TRÁCH
1.	Đặng Công Quốc	2	16
		4	6, 9
2.	Trần Minh Nhật	1	7, 8
		2	10, 11
		4	14
		9	1, 3, 4, 5, 6
3.	Vũ Nhật Tân	2	1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 12, 14, 15, 17
		3	5, 6
		4	1, 5, 7, 15
4.	Trần Anh Sơn	1	9
5.	Đặng Minh Tuấn	1	10
		8	7
6.	Hồ Hoài Nam	6	1, 2, 3, 4, 5
7.	Hoàng Mạnh Khiêm	7	1, 2, 3, 4, 5, 6
8.	Nguyễn Mạnh Thăng	5	1, 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11, 12
9.	Hoàng Mạnh Tùng	1	1, 2, 3, 4, 5, 6, 11, 12
		3	1, 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15
		8	6
		9	2
10.	Nguyễn Thị Thanh Giang	4	10, 11, 12, 13
		5	13, 14, 15
11.	Lê Quang Vinh	8	1, 2, 3, 4

TT	HỌ VÀ TÊN	TIÊU CHÍ PHỤ TRÁCH	TIÊU CHUẨN PHỤ TRÁCH
12.	Lê Thanh Hải	8	8, 9
13.	Nguyễn Trung Hiếu	8	5
14.	Võ Quỳnh Liên	2	7, 8, 13
		3	9
15.	Nguyễn Thị Kim Thoa	4	2, 3, 4, 8
		5	7, 8, 9

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh năm 2024

1. Mục tiêu tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp, cao đẳng;
- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng;
- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp, cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Hướng dẫn kèm theo Công văn số 453/TCGDNN-KDCL của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 25 tháng 3 năm 2019 về đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng.

3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương Binh và Xã Hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp về Cục kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

5. Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Trung tâm Khảo thí & Kiểm định chất lượng chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

b) Các nội dung tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm:

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Căn cứ vào Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Hướng dẫn kèm theo Công văn số 453/TCGDNN-KDCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

6. Phân bổ các đơn vị thuộc trường thực hiện thu thập minh chứng, cung cấp nội dung, số liệu theo tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan

STT	Tiêu chí/ tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp

I TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU, SỬ MẠNG, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ			
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổ chức - Hành chính	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Các khoa
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tổ chức - Hành chính	
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Tổ chức - Hành chính	
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tổ chức - Hành chính	
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Tổ chức - Hành chính	
7.	Tiêu chuẩn 7	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
8.	Tiêu chuẩn 8	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
9.	Tiêu chuẩn 9	Văn phòng Đảng ủy	
10.	Tiêu chuẩn 10	Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Phòng Tổ chức - Hành chính
11.	Tiêu chuẩn 11	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn phòng Đảng ủy
12.	Tiêu chuẩn 12	Phòng Tổ chức - Hành chính	
II TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO			
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý Đào tạo	
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản lý Đào tạo	
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý Đào tạo	
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Quản lý Đào tạo	
7.	Tiêu chuẩn 7	Các khoa	Phòng Quản lý Đào tạo
8.	Tiêu chuẩn 8	Các khoa	
9.	Tiêu chuẩn 9	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa
10.	Tiêu chuẩn 10	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
11.	Tiêu chuẩn 11	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	Các khoa
12.	Tiêu chuẩn 12	Phòng Quản lý Đào tạo	
13.	Tiêu chuẩn 13	Các khoa	
14.	Tiêu chuẩn 14	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa
15.	Tiêu chuẩn 15	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa
16.	Tiêu chuẩn 16	Phòng Đào tạo thường xuyên	
17.	Tiêu chuẩn 17	Phòng Quản lý Đào tạo	Phòng Quản lý SV
III TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG			

1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổ chức - Hành chính	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Các đơn vị trong trường
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tổ chức - Hành chính	Các khoa
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Tổ chức - Hành chính	Các đơn vị trong trường
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Quản lý đào tạo	Các khoa
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Tổ chức - Hành chính	
8.	Tiêu chuẩn 8	Phòng Tổ chức - Hành chính	Phòng Quản lý đào tạo
9.	Tiêu chuẩn 9	Các khoa	
10.	Tiêu chuẩn 10	Phòng Tổ chức - Hành chính	Phòng Quản lý đào tạo
11.	Tiêu chuẩn 11	Phòng Tổ chức - Hành chính	
12.	Tiêu chuẩn 12	Phòng Tổ chức - Hành chính	
13.	Tiêu chuẩn 13	Phòng Tổ chức - Hành chính	
14.	Tiêu chuẩn 14	Phòng Tổ chức - Hành chính	
15.	Tiêu chuẩn 15	Phòng Tổ chức - Hành chính	
IV	TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	
2.	Tiêu chuẩn 2	Các khoa	Phòng Quản lý Đào tạo
3.	Tiêu chuẩn 3	Các khoa	Phòng Quản lý Đào tạo
4.	Tiêu chuẩn 4	Các khoa	Phòng Quản lý Đào tạo
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý Đào tạo	Phòng Quản lý Đào tạo
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo thường xuyên	
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Quản lý Đào tạo	Các khoa
8.	Tiêu chuẩn 8	Các khoa	
9.	Tiêu chuẩn 9	Phòng Đào tạo thường xuyên	Phòng Đào tạo thường xuyên
10.	Tiêu chuẩn 10	Phòng Thư viện	Các khoa
11.	Tiêu chuẩn 11	Phòng Thư viện	
12.	Tiêu chuẩn 12	Phòng Thư viện	
13.	Tiêu chuẩn 13	Phòng Thư viện	
14.	Tiêu chuẩn 14	Trung tâm Khảo thí - KDCL	
15.	Tiêu chuẩn 15	Phòng Quản lý đào tạo	Phòng Thư viện
V	TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO & THƯ VIỆN		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản trị thiết bị	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản trị thiết bị	

3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản trị thiết bị	
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản trị thiết bị	
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa
7.	Tiêu chuẩn 7	Các khoa	Phòng Quản trị thiết bị
8.	Tiêu chuẩn 8	Các khoa	Phòng Quản trị thiết bị
9.	Tiêu chuẩn 9	Các khoa	Phòng Quản trị thiết bị
10.	Tiêu chuẩn 10	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa
11.	Tiêu chuẩn 11	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa
12.	Tiêu chuẩn 12	Phòng Quản trị thiết bị	Các khoa
13.	Tiêu chuẩn 13	Phòng Thư viện	
14.	Tiêu chuẩn 14	Phòng Thư viện	
15.	Tiêu chuẩn 15	Phòng Thư viện	
VI	TIÊU CHUẨN 6: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ & HỢP TÁC QUỐC TẾ		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng QLKHCN – HTQT	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng QLKHCN – HTQT	
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng QLKHCN – HTQT	
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng QLKHCN – HTQT	
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng QLKHCN – HTQT	
VII	TIÊU CHÍ 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tài chính - Kế toán	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tài chính - Kế toán	
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tài chính - Kế toán	
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Tài chính - Kế toán	
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tài chính - Kế toán	
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Tài chính - Kế toán	
VIII	TIÊU CHÍ 8: DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý SV	Phòng Quản lý Đào tạo
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý SV	
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản lý SV	
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản lý SV	
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý Ký túc xá	
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Tổ chức - Hành chính	Phòng Quản trị thiết bị

7.	Tiêu chuẩn 7	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
8.	Tiêu chuẩn 8	Trung tâm HTSV - QHDN	Các khoa
9.	Tiêu chuẩn 9	Trung tâm HTSV - QHDN	
IX	TIÊU CHÍ 9: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG		
1.	Tiêu chuẩn 1	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức – Hành chính	
3.	Tiêu chuẩn 3	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
4.	Tiêu chuẩn 4	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
5.	Tiêu chuẩn 5	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	
6.	Tiêu chuẩn 6	Trung tâm Khảo thí - KĐCL	Phòng Quản lý Đào tạo

5. Nội dung công việc - thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ ngày 20/3 đến 22/3/2024	Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trình Hiệu trưởng phê duyệt	Trung tâm Khảo thí – Kiểm định chất lượng
	Phân công thành viên Hội đồng tự đánh giá, các đơn vị phụ trách theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
Từ ngày 23/3 đến 21/4/2024	Thu thập minh chứng theo sự phân công của Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các thành viên Ban thu thập minh chứng
	Tập huấn cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trưởng các đơn vị trong trường về phân tích và xử lý thông tin, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Chuyên gia
	Tổng hợp, thống kê, sao lưu minh chứng theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và báo cáo Hội đồng tự đánh giá	Trung tâm Khảo thí – Kiểm định chất lượng

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
	chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
Từ ngày 22/4 đến 05/5/2024	Hoàn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Ban biên soạn Báo cáo & Trung tâm Khảo thí – Kiểm định chất lượng
	Tiếp tục bổ sung minh chứng (nếu có)	Các thành viên Ban thu thập minh chứng
Từ ngày 06/5 đến 13/5/2024	Góp ý, chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các thành viên Hội đồng
	Tổng hợp, thống kê, sao lưu minh chứng (nếu có)	Trung tâm Khảo thí – Kiểm định chất lượng
Từ ngày 14/5 đến 25/5/2024	Lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Trung tâm Khảo thí – Kiểm định chất lượng
Từ ngày 26/5 đến 30/5/2024	Tiến hành nghiên cứu, họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các thành viên Hội đồng
	Phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Hiệu trưởng
Từ ngày 01/6 đến 07/6/2024	Họp công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các thành viên Hội đồng; Trưởng các đơn vị; đại diện sinh viên; Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Chủ tịch Công đoàn
Từ ngày 08/6 đến 30/6/2024	Tổ chức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Trung tâm Khảo thí – Kiểm định chất lượng

6. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp chi từ nguồn dự toán chi ngân sách thường xuyên và nguồn thu hợp pháp của Nhà trường;

- Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường năm 2024, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các Phòng, Trung tâm, Khoa thuộc trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra. *MT*

Nơi nhận:

- Cục KDCL-TCGDNN;
- Sở LĐTBXH TPHCM;
- Ban giám hiệu;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, TTKT&KDCL



Bùi Mạnh Tuấn

Phụ lục 3: BẢNG MÃ MINH CHỨNG

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	<i>1.1.01</i>		Quyết định số 2043/QĐ-BCT, ngày 06/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM
2			<i>1.1.02</i>		Quyết định số 418/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên trường thành Trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh
3			<i>1.1.03</i>		Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường
4			<i>1.1.04</i>		Chiến lược phát triển của Trường Cao Đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh
5			<i>1.1.05</i>		Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh
6			<i>1.1.06</i>		Quyết định Thủ tướng phê duyệt tổng thể phát triển KTXH Thành phố Hồ Chí Minh
7			<i>1.1.07</i>		Bảng Thống kê của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
8			<i>1.1.08</i>		Công văn số 609/BC-TTDBNL dự báo nhu cầu nhân lực năm 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh
9			<i>1.1.09</i>		Địa chỉ website của trường
10			<i>1.1.10</i>		Các ấn phẩm tờ rơi giới thiệu về trường hàng năm, chứng nhận phát sóng, nội dung các bài báo
11			<i>1.1.11</i>		Ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường
12	1	2	<i>1.2.01</i>		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
13				<i>1.1.05</i>	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP. Hồ Chí Minh
14				<i>1.1.06</i>	Quyết định Thủ tướng phê duyệt tổng thể phát triển KTXH thành phố Hồ Chí Minh
15				<i>1.1.07</i>	Bảng Thống kê của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động thành phố Hồ Chí Minh
16			<i>1.2.02</i>		Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 50/2023/GCNNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/8/2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
17			1.2.03		Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 50/2023/GCNNĐKHĐBS-TCGDNN ngày 30/8/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
18			1.2.04		Biên bản họp cán bộ chủ chốt phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng lao động của thành phố Hồ Chí Minh
19			1.2.05		Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và nguồn nhân lực của thành phố Hồ Chí Minh
20	1	3	1.3.01		Quyết định số 5945/QĐ - BGD&ĐT-TCCB ngày 27/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II
21				1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường
22				1.1.01	Quyết định số 2043/QĐ - BCT, ngày 06/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM
23			1.3.02		Các quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường
24			1.3.03		Quy chế hoạt động và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng khoa

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
25			1.3.04		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024
26			1.3.05		Quy chế dân chủ cơ quan hàng năm
27			1.3.06		Quy định văn hóa công sở
28			1.3.07		Quy chế làm việc
29			1.3.08		Bảng xây dựng vị trí việc làm của các đơn vị thuộc trường hàng năm
30			1.3.09		Nghị định số 60/2021/NĐ-Cp ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập
31			1.3.10		Quyết định số 3335/QĐ-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực Giáo dục – Đào tạo và dạy nghề, Y tế - dân số và gia đình thuộc Bộ Công Thương giai đoạn 2023-2025
32			1.3.11		Tổng hợp các ý kiến đóng góp cho quy chế dân chủ và quy chế chi tiêu nội bộ tại các đơn vị năm 2020, 2021, 2022
33	1	4		1.3.02	Các quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
34				1.3.03	Quy chế hoạt động và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng khoa
35				1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
36				1.3.05	Quy chế dân chủ cơ quan hàng năm
37			1.4.01		Kế hoạch công tác pháp chế rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
38			1.4.02		Các quyết định thành lập, bổ nhiệm cán bộ, đơn vị mới
39			1.4.03		Quyết định số 768/QĐ-CDCT về việc Ban hành Quy định Bộ quy tắc ứng xử trong trường học, Quyết định số 337/QĐ-CDCT ngày 08/5/2023 về việc Ban hành quy định chế độ làm việc của giảng viên
40			1.4.04		Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
41				1.3.11	Tổng hợp các ý kiến đóng góp cho quy chế dân chủ và quy chế chi tiêu nội bộ tại các đơn vị hàng năm
42	1	5		1.1.01	Quyết định số 2043/QĐ - BCT, ngày 06/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
43				1.3.02	Quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường
44				1.3.03	Quy chế hoạt động và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng khoa
45			1.5.01		Thông báo số 34/TB-CĐCT ngày 13/02/2023 Thông báo phân công nhiệm vụ Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM
46			1.5.02		Sơ đồ tổ chức và quy trình làm việc của các đơn vị
47				1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
48			1.5.03		Bảng phân công nhiệm vụ Trường/Phó phòng, khoa
49			1.5.04		Quy định sự phối hợp giữa các phòng, khoa trực thuộc Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh
50			1.5.05		Biên bản họp giao ban hàng tháng năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
51			1.5.06		Các báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị trong trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
52	1	6	1.6.01		Quyết định thành lập Hội đồng Trường
53			1.6.02		Quyết định Số 3118/QĐ-BCT ngày 27/11/2020 của bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công nhận, bổ nhiệm chủ tịch Hội đồng trường Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020 - 2025
54			1.6.03		Các quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn
55				1.3.02	Các quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường
56				1.3.03	Quy chế hoạt động và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng khoa
57				1.5.06	Các báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị trong trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
58			1.6.04		Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
59			1.6.05		Các quyết định khen thưởng cho các đơn vị trong trường
60	1	7	1.7.01		Chính sách chất lượng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
61			1.7.02		Mục tiêu chất lượng
62			1.7.03		Sổ tay chất lượng
63			1.7.04		Hệ thống các quy trình biểu mẫu quản lý chất lượng
64			1.7.05		Quyết định công bố Sổ tay chất lượng, sứ mệnh, chiến lược, chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và Hệ thống ĐBCL của trường
65			1.7.06		Quyết định ban hành Quy định hệ thống ĐBCL của trường
66			1.7.07		Quyết định thành lập trung tâm Khảo thí và ĐBCL
67			1.7.08		Kế hoạch xây dựng, vận hành đánh giá, cải tiến hệ thống ĐBCL
68			1.7.09		Các hoạt động tập huấn xây dựng, phát triển hệ thống ĐBCL
69			1.7.10		Các hoạt động rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh và vận hành hệ thống ĐBCL

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
70			1.7.11		Hướng dẫn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp
71			1.7.12		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024
72			1.7.13		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024
73			1.7.14		Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng của trường hàng năm 2021, 2022, 2023
74				1.5.06	Các báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị trong trường
75			1.7.15		Phiếu khảo sát cán bộ, giáo viên hàng năm về hệ thống đảm bảo chất lượng
76	1	8		1.7.07	Quyết định thành lập trung tâm Khảo thí và ĐBCL
77				1.6.04	Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường
78			1.8.01		Các báo cáo tổng kết năm của trung tâm Khảo thí và ĐBCL năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
79				1.6.05	Các Quyết định khen thưởng cho các đơn vị trong trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
80	1	9	1.9.01		Quyết định công nhận Ban chấp hành Đảng bộ trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020 - 2025
81			1.9.02		Thông báo phân công nhiệm vụ của các Đảng ủy viên
82			1.9.03		Quy chế làm việc của Đảng bộ
83			1.9.04		Các nghị quyết của Đảng bộ Nhà trường
84			1.9.05		Kết luận kết quả họp Đảng ủy hàng tháng
85			1.9.06		Các Quyết định kết nạp đảng viên
86			1.9.07		Báo cáo công tác Đảng năm 2021, 2022, 2023
87			1.9.08		Báo cáo đánh giá chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng năm 2021, 2022, 2023
88				1.6.04	Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
89			1.9.09		Thông báo, quyết định của Đảng ủy Khối cơ sở bộ Công thương tại Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên
90			1.9.10		Quyết định Công nhận tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
91	1	10	1.10.01		Quyết định Ban chấp hành Công đoàn trường - Hồ sơ Đại hội Công đoàn Trường hàng năm
92			1.10.02		Chương trình hoạt động của Công đoàn năm 2021, 2022, 2023
93			1.10.03		Danh sách đoàn viên Đoàn thanh niên nhà trường
94			1.10.04		Kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên năm 2022, 2023, 2024
95			1.10.05		Chương trình hoạt động của Đoàn thanh niên năm 2022, 2023, 2024
96			1.10.06		Các khen thưởng của các tổ chức đoàn thể nhà trường năm 2021, 2022, 2023
97			1.10.07		Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
98			<i>1.10.08</i>		Ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động của Công đoàn
99	1	11	<i>1.11.01</i>		Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban thanh tra nhân dân năm 2021, 2022, 2023
100			<i>1.11.02</i>		Kế hoạch số 266/KH-CDCT ngày 11 tháng 9 năm 2023 về việc tự triển khai công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ
101			<i>1.11.03</i>		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của Ban thanh tra nhân dân năm 2021, 2022, 2023
102			<i>1.11.04</i>		Chương trình kiểm tra, giám sát của Đảng ủy năm 2021, 2022, 2023
103			<i>1.11.05</i>		Quyết định thành lập tổ kiểm tra của Đảng ủy trường - Thông báo kết luận của Đảng ủy
104			<i>1.11.06</i>		Báo cáo công tác kiểm tra Đảng năm 2021, 2022, 2023
105				<i>1.6.04</i>	Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường
106			<i>1.11.07</i>		Lịch phân công thanh tra giám sát nhiệm kỳ 2020 đến 2025

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
107				1.7.07	Quyết định thành lập trung tâm Khảo thí và ĐBCL
108			1.11.08		Ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường năm 2021, 2022, 2023
109	1	12	1.12.01		Các quyết định dành cho sinh viên thuộc diện ưu tiên
110			1.12.02		Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023
111			1.12.03		Thông tin tuyển sinh nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
112			1.12.04		Báo cáo danh sách tổng hợp kết quả báo cáo phân loại công chức, viên chức năm 2021, 2022, 2023
113			1.12.05		Danh sách hưởng phụ cấp ưu đãi nhà giáo năm 2021, 2022, 2023
114				1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024
115			1.12.06		Ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về quy định và thực hiện chế độ, chính sách bình đẳng giới

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
116	2	1		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
117			2.1.01		Danh sách thống kê các ngành đào tạo của trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
118			2.1.02		Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành
119			2.1.03		Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo năm 2021, 2022, 2023, 2024
120			2.1.04		Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về ngành đào tạo, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra
121	2	2	2.2.01		Quyết định ban hành quy chế tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024
122			2.2.02		Các quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024
123				1.1.09	Địa chỉ website của trường
124			2.2.03		Các quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024
125			2.2.04		Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
126			2.2.05		Biên bản họp xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
127			2.2.06		Biên bản thanh kiểm tra nội bộ công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
128			2.2.07		Báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
129	2	3		2.2.01	Quyết định ban hành quy chế tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024
130			2.3.01		Đề án tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024
131			2.3.02		Brochure tuyển sinh
132				2.2.02	Các quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh
133			2.3.03		Hồ sơ đăng ký xét tuyển
134				2.2.05	Biên bản họp xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
135			2.3.04		Quyết định phê duyệt và danh sách thí sinh trúng tuyển năm 2021, 2022, 2023
136			2.3.05		Thông báo điểm trúng tuyển cao đẳng chính quy năm 2021, 2022, 2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
137			2.3.06		Quyết định biên chế các lớp và QĐ thí sinh đã trúng tuyển năm 2021, 2022, 2023
138				2.2.07	Báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
139			2.3.07		Ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác tuyển sinh 2021, 2022, 2023
140	2	4		1.9.04	Các nghị quyết của Đảng bộ/Chi bộ Nhà trường
141				1.6.04	Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường
142			2.4.01		Quy định đào tạo bậc cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ
143			2.4.02		Kế hoạch học tập và giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
144			2.4.03		Danh sách người học cao đẳng theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
145				2.3.06	Quyết định biên chế các lớp theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ và danh sách các lớp, khóa học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
146				2.3.07	Ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác tuyển sinh
147	2	5		2.1.02	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp các ngành
148				2.3.06	Quyết định biên chế các lớp theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ và danh sách các lớp, khóa học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
149				2.4.02	Kế hoạch học tập và giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
150			2.5.01		Tiến độ đào tạo từng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
151			2.5.02		Thời khóa biểu từng học kỳ các khoa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
152			2.5.03		Kế hoạch tổ chức kỳ thi kết thúc môn học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
153			2.5.04		Kế hoạch giảng dạy, Sổ giáo án
154			2.5.05		Kế hoạch dạy và học của giảng viên từng học kỳ, năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
155			2.5.06		Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
156			2.5.07		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
157			2.5.08		Kế hoạch dự giờ và kiểm tra hoạt động giảng dạy của nhà giáo của các khoa năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
158				1.5.06	Các báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị trong trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
159			2.5.09		Phiếu góp ý kiến của CBQL và GV về chương trình đào tạo
160			2.5.10		Phiếu góp ý kiến của Doanh nghiệp về chương trình đào tạo
161			2.5.11		Phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp đã đi làm về chương trình đào tạo
162			2.5.12		Báo cáo lấy kiến của doanh nghiệp và người học tốt nghiệp đã đi làm về chương trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
163			2.5.13		Kết quả khảo sát lấy ý kiến của CBQL và GV hàng năm về chương trình đào tạo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
164			2.5.14		Biên bản Hội thảo hiệu chỉnh chương trình đào tạo
165	2	6		2.4.02	Kế hoạch học tập và giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
166				2.5.01	Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
167			2.6.01		Giáo án lý thuyết
168			2.6.02		Giáo án thực hành
169			2.6.03		Quyết định ban hành quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp
170			2.6.04		Chương trình đào tạo từng ngành
171				2.5.05	Kế hoạch dạy và học của giảng viên từng học kỳ, năm học
172				2.5.02	Thời khóa biểu từng học kỳ, năm học

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
173				2.5.04	Kế hoạch giảng dạy, Sổ giáo án
174				2.5.06	Kế hoạch thanh tra đào tạo hàng năm
175				2.5.07	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm
176				2.5.08	Kế hoạch dự giờ và kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV của các khoa
177	2	7		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
178				2.1.02	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp các ngành
179				2.1.01	Bảng thống kê các ngành đào tạo của trường
180				2.4.02	Kế hoạch học tập và giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
181				2.5.01	Tiến độ đào tạo từng năm học
182				2.5.06	Kế hoạch thanh tra đào tạo hàng năm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
183			2.7.01		Hợp đồng thỏa thuận với doanh nghiệp về việc cho SV thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp
184			2.7.02		QĐ về việc cử sinh viên đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
185			2.7.03		Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành tại doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
186			2.7.04		Đề cương thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
187			2.7.05		Báo cáo kết quả thực tập của SV tại doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
188			2.7.06		Tổng hợp Báo cáo kết quả thực tập của SV tại cơ sở doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
189			2.7.07		Phiếu đánh giá kết quả thực hành, thực tập SV của doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
190	2	8		1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
191				2.5.08	Kế hoạch dự giờ và kiểm tra hoạt động giảng dạy của nhà giáo của các khoa

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
192			2.8.01		Biên bản dự giờ và kiểm tra hoạt động giảng dạy của nhà giáo của các khoa năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
193			2.8.02		Phiếu đánh giá bài giảng của giáo viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
194			2.8.03		Kế hoạch khảo sát ý kiến của người học và nhà giáo về hoạt động giảng dạy của GV
195			2.8.04		Phiếu lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của nhà giáo
196			2.8.05		Phiếu lấy ý kiến của nhà giáo về hoạt động giảng dạy của nhà giáo
197			2.8.06		Tập Sổ lên lớp các lớp, các ngành đang đào tạo
198				2.5.04	Kế hoạch giảng dạy, Sổ giáo án
199			2.8.07		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của người học và nhà giáo về hoạt động giảng dạy của GV
200	2	9		1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
201			2.9.01		Bảng Thống kê cơ sở vật chất của nhà trường
202			2.9.02		Danh sách các phần mềm dạy học
203			2.9.03		Ứng dụng hệ thống xem điểm trực tuyến. Mạng tra cứu kết quả học tập của người học rõ ràng thông qua phần mềm ..., đầy đủ, chính xác, thuận lợi và an toàn
204			2.9.04		Ứng dụng hệ thống SMS thông báo tình hình chuyên cần và các hoạt động của nhà trường
205			2.9.05		Tài khoản cho HSSV truy cập và tra cứu được các thông tin về chương trình đào tạo, kết quả thi, kiểm tra...
206			2.9.06		Hình ảnh trang đầu các phần mềm
207			2.9.07		Hình ảnh phân quyền từ phần mềm
208			2.9.08		Giao diện đăng ký môn học online cho bậc Cao đẳng
209			2.9.09		Ứng dụng hệ thống website để quản lý thư viện
210			2.9.10		Ý kiến của người học, nhà giáo về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
211	2	10		1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường
212			2.10.01		Quyết định thành lập Tổ Thanh tra đào tạo
213			2.10.02		Quy định nội dung kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học
214			2.10.03		Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học
215			2.10.04		Kế hoạch năm học của TTKT&ĐBCL 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
216				2.5.07	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm
217	2	11		2.5.07	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm
218				1.8.01	Báo cáo tổng kết hoạt động năm học TTKT & ĐBCL
219			2.11.01		Ảnh chụp phiếu trả lời khảo sát người học, nhà giáo, CBQL về kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
220			2.11.02		Báo cáo phân tích kết quả khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học
221	2	12		2.6.03	Quyết định ban hành quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp
222			2.12.01		Quy định công tác HSSV
223			2.12.02		Quy định công tác Trung tâm Khảo thí & BĐCL
224			2.12.03		Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng
225	2	13		2.7.01	Hợp đồng thỏa thuận với doanh nghiệp về việc cho SV thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp
226				2.7.02	QĐ về việc cử sinh viên đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
227				2.7.04	Đề cương thực hành, thực tập tại doanh nghiệp
228				2.7.05	Báo cáo kết quả thực tập của SV tại doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
229				2.7.07	Phiếu đánh giá kết quả thực hành, thực tập SV của doanh nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
230			2.13.01		Danh sách các ngành đào tạo của trường
231			2.13.02		Danh sách đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả học tập của người học
232			2.13.03		Báo cáo kết quả công tác rà soát, đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động tổ chức đào tạo với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo năm 2021, 2022, 2023
233			2.13.04		Phiếu chấm kết quả học tập của SV có sự tham gia của đại diện đơn vị sử dụng lao động
234			2.13.05		Quyết định Hội đồng thi, Ban coi thi, Ban chấm thi năm 2021, 2022, 2023
235	2	14		2.4.02	Kế hoạch học tập và giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
236				2.5.01	Tiến độ đào tạo từng năm học
237				2.5.03	Kế hoạch thi kết thúc môn học

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
238			2.14.01		Quyết định thành lập Hội đồng thi
239			2.14.02		Quyết định ban thư ký/coi thi
240			2.14.03		Quyết định ban đề thi
241			2.14.04		Quyết định ban coi thi
242			2.14.05		Quyết định ban chấm thi
243			2.14.06		Biên bản coi thi, bài thi HSSV
244			2.14.07		Danh sách SV đủ điều kiện dự thi
245			2.14.08		Bảng điểm
246			2.14.09		Đơn xin phúc khảo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
247			2.14.10		Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp các khoa năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
248			2.14.11		Báo cáo của tổ Thanh tra đào tạo coi thi năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
249	2	15	2.15.01		Kế hoạch hàng năm về việc rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
250				2.13.03	Báo cáo việc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động tổ chức đào tạo với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo hàng năm
251			2.15.02		Báo cáo việc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
252			2.15.03		Báo cáo kết quả khảo sát, nhà giáo và cán bộ quản lý về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
253			2.15.04		Quy trình rà soát các quy định đào tạo
254	2	16		1.2.01	Giấy chứng nhận số 195/2017/GCNĐKHD-TCĐN ngày 28/06/2017 Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
255				1.2.02	Giấy chứng nhận Đăng ký số 50/2023/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 07/08/2023 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp thay thế Giấy chứng nhận số 195/2017/GCNĐKHD-TCĐN
256				1.2.03	Giấy chứng nhận số 50a/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 30/8/2023 Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
257			2.16.01		Quyết định số 521/QĐ-CDCT ngày 05/09/2019 Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp
258			2.16.02		Danh sách các chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ Cao đẳng
259			2.16.03		Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng của Trường và Bộ chương trình đào tạo kèm theo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
260			2.16.04		Quyết định về việc điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng của Trường
261			2.16.05		Thông báo tuyển sinh liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023-2024
262			2.16.06		Báo cáo kết quả đào tạo liên thông năm 2021, 2022, 2023
263			2.16.07		Danh sách sinh viên đã tốt nghiệp và đang theo học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng
264				2.8.03	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
265			2.16.09		Bộ phiếu khảo sát sinh viên của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
266			2.16.10		Danh sách sinh viên được khảo sát ý kiến năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 (phần mềm)
267			2.16.11		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
268			2.16.12		Bộ phiếu thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
269			2.16.13		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
270			2.16.14		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
271	2	17	2.17.01		Quy định về quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo
272			2.17.02		Quy định hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học trong đào tạo
273			2.17.03		Phần mềm quản lý đào tạo
274				2.8.03	Kế hoạch khảo sát ý kiến của người học về hoạt động đào tạo
275				2.16.11	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của người học về hoạt động đào tạo
276	3	1	3.1.01		Quy định 501 về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động
277			3.1.02		Quy trình tuyển dụng nhà giáo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
278			3.1.03		Quy trình tuyển dụng nhân viên
279			3.1.04		Quy định về đánh giá xếp loại giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động
280				1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường
281			3.1.05		Kế hoạch học tập bồi dưỡng của nhà giáo năm 2021, 2022, 2023
282			3.1.06		Danh sách, quyết định cử cán bộ - nhà giáo đi công tác, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.
283	3	2	3.2.01		Đề án vị trí việc làm của trường
284				3.1.02	Quy trình tuyển dụng giảng viên
285				3.1.03	Quy trình tuyển dụng nhân viên
286			3.2.02		Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2021, 2022, 2023, 2024
287			3.2.03		Thông báo kết quả xét tuyển viên chức năm 2021, 2022, 2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
288			3.2.04		Tờ trình về quy hoạch nguồn nhân sự cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, cán bộ công chức
289			3.2.05		Danh sách đề xuất bổ sung quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức
290			3.2.06		Kế hoạch tuyển dụng viên chức, thông báo tuyển dụng viên chức, thông báo kết quả xét tuyển viên chức, hình thức thông báo tuyển dụng
291			3.2.07		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức
292			3.2.08		Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026
293			3.2.09		Quyết định số 184/QĐ-CDCT ngày 25/3/2020 Về việc phê duyệt quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2021 và giai đoạn 2021-2026 - có danh sách kèm theo
294			3.2.10		Quy định chế độ chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên, nhân viên đi học tập bồi dưỡng
295			3.2.11		Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng và phương hướng công tác đào tạo bồi dưỡng của trường năm 2021, 2022, 2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
296			3.2.12		Báo cáo về việc hỗ trợ giáo viên, cán bộ viên chức học nâng cao trình độ năm 2021, 2022, 2023
297			3.2.13		Ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, đánh giá, phân loại
298	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
299			3.3.02		Hồ sơ quản lý nhà giáo
300			3.3.03		Thống kê giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
301			3.3.04		Tổng hợp giờ giảng của nhà giáo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
302			3.3.05		Báo cáo đánh giá, xếp loại nhà giáo GDNN theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
303			3.3.06		Phiếu đánh giá nhận xét, đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
304			3.3.07		Kế hoạch mở các lớp nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp, tin học ứng dụng
305	3	4		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo
306			3.4.01		Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động
307			3.4.02		Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Trường
308			3.4.03		Nội quy và quy định của trường về công tác thi đua, khen thưởng
309				3.3.06	Phiếu đánh giá nhận xét, đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động
310				1.6.04	Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường
311	3	5		2.4.02	Kế hoạch học tập và giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
312				2.5.01	Tiến độ đào tạo từng năm học

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
313				2.5.05	Kế hoạch giảng viên từng học kỳ, năm học
314				2.5.02	Thời khóa biểu từng học kỳ, năm học
315				3.3.04	Tổng hợp giờ giảng của nhà giáo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
316				2.3.06	Quyết định biên chế các lớp theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ và danh sách các lớp, khóa học hàng năm
317				3.3.01	Danh sách giáo viên các năm từ 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
318			3.5.01		Thông kê vượt giờ của cán bộ, giáo viên các năm từ 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
319			3.5.02		Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường
320			3.5.03		Kế hoạch phân công giảng dạy cho toàn khóa của chương trình
321			3.5.04		Danh sách người học từng lớp, danh sách thể hiện số người học học lý thuyết, học thực hành
322				3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
323			3.5.05		Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm 2021, 2022, 2023
324			3.5.06		Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khác của nhà giáo theo học kỳ, năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
325			3.5.07		Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo; Bảng tính người học quy đổi; Bảng tính nhà giáo quy đổi
326				2.10.03	Biên bản thanh, kiểm tra đối với đội ngũ nhà giáo
327	3	6		2.4.02	Kế hoạch học tập và giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
328				2.6.04	Chương trình đào tạo từng ngành
329				2.8.06	Tập Sổ lên lớp các lớp các ngành đang đào tạo
330			3.6.01		Sổ tay giáo viên
331				2.5.04	Kế hoạch giảng dạy, Sổ giáo án

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
332				2.5.08	Kế hoạch dự giờ và kiểm tra hoạt động giảng dạy của nhà giáo của các khoa
333				2.8.01	Biên bản dự giờ và kiểm tra hoạt động giảng dạy của nhà giáo của các khoa
334				3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo
335	3	7		3.7.01	Báo cáo kết quả học tập, bồi dưỡng của cán bộ quản lý, nhà giáo năm 2021, 2022, 2023
336				3.7.02	Văn bản của trường quy định chính sách khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy (Quy chế làm việc, Quy chế chi tiêu nội bộ)
337				3.7.03	Công văn đăng ký kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021, 2022, 2023
338				3.7.04	Công văn tham gia tổ chức lớp bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá kỹ năng thực hành cho nhà giáo
339				3.7.05	Công văn đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
340			3.7.06		Thông báo kết luận của Ban giám hiệu tại Hội nghị giao ban về bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy
341			3.7.07		Danh sách nhận tiền hỗ trợ học tập nâng cao trình độ sau đại học năm 2020 - 2021, 2021-2022, 2022-2023
342			3.7.08		Quyết định khen thưởng các nhóm tác giả đạt giải các Hội thi cấp cơ sở theo các đợt tổ chức
343			3.7.09		Quyết định về việc khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
344				3.3.07	Kế hoạch mở các lớp nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp, tin học ứng dụng
345			3.7.10		Thông báo đăng ký các lớp bồi dưỡng hàng năm
346	3	8		1.9.04	Các nghị quyết của Đảng bộ Nhà trường
347				3.7.03	Công văn và danh sách cử nhà giáo tham gia các khóa học
348				3.1.06	Danh sách, quyết định cử cán bộ - nhà giáo đi công tác, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
349			3.8.01		Hình chụp cán bộ, nhà giáo, nhân viên đang học bồi dưỡng
350			3.8.02		Các văn bằng, chứng chỉ của nhà giáo sau khóa học
351			3.8.03		Kế hoạch Tổ chức hội giảng hàng năm
352			3.8.04		Báo cáo hội giảng cấp đơn vị các năm từ 2021, 2022, 2023
353			3.8.05		Kết quả Hội giảng cấp Trường các năm từ 2021 đến 2023
354			3.8.06		Danh sách nhà giáo dạy giỏi cấp trường, cấp ngành, cấp thành phố, và quyết định khen thưởng nhà giáo dạy giỏi
355			3.8.07		Quyết định về cử nhà giáo tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng, trao đổi, nghiên cứu trong nước hoặc nước ngoài các năm 2021, 2022, 2023
356				3.7.01	Báo cáo kết quả học tập, bồi dưỡng của cán bộ quản lý, nhà giáo năm 2021, 2022, 2023
357	3	9	3.9.01		Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng có phân môn giảng dạy

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
358			3.9.02		Danh sách nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất năm 2021, 2022, 2023
359			3.9.03		Kế hoạch giảng viên đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
360			3.9.04		Văn bản/tài liệu/hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
361				3.7.01	Báo cáo kết quả học tập, bồi dưỡng của cán bộ quản lý, nhà giáo năm 2021, 2022, 2023
362				2.8.03	Kế hoạch thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý hàng năm
363			3.9.05		Bộ phiếu thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý hàng năm
364			3.9.06		Danh sách nhà giáo tham gia khảo sát hàng năm
365			3.9.07		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
366	3	10		3.2.11	Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng và phương hướng công tác đào tạo bồi dưỡng của trường hàng năm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
367				3.1.05	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo năm 2021, 2022, 2023
368				1.6.04	Báo cáo tổng kết năm học, phương hướng nhiệm vụ năm học
369	3	11		1.5.01	Thông báo số 09/TB-CDCT ngày 02/01/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM Phân công nhiệm vụ Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng
370			3.11.01		Danh sách trích ngang của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng
371				1.9.08	Kết quả phân loại đảng viên năm 2021, 2022, 2023
372			3.11.02		Báo cáo đánh giá cán bộ viên chức năm 2021, 2022, 2023
373				1.6.04	Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường
374	3	12	3.12.01		Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức, người lao động
375			3.12.02		Danh sách trích ngang cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
376			3.12.03		Các quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường
377			3.12.04		Kế hoạch, hướng dẫn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, rà soát quy hoạch cán bộ các năm
378	3	13		1.3.02	Các quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường
379				3.12.02	Danh sách trích ngang cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc trường
380			3.13.01		Hồ sơ cán bộ quản lý lưu tại phòng Tổ chức hành chính
381				1.6.04	Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường
382				1.5.06	Báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
383			3.13.02		Quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2022 - 2027
384				3.3.06	Phiếu nhận xét, đánh giá, phân loại của cán bộ quản lý năm 2021, 2022, 2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
385			3.13.03		Danh sách cán bộ, nhà giáo, nhân viên toàn trường
386			3.13.04		Biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng, Bằng khen, giấy khen trường, phó phòng khoa, trung tâm trong các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
387			3.13.05		Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của các phòng, khoa, trung tâm năm và phương hướng năm các năm, Phiếu nhận xét, đánh giá viên chức là CBQL năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
388	3	14		3.12.02	Danh sách trích ngang cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc trường
389				3.13.01	Hồ sơ cán bộ quản lý lưu tại phòng Tổ chức hành chính
390			3.14.01		Danh sách đội ngũ viên chức, người lao động được cử tham gia các khóa học nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ quản lý nhà nước năm 2021, 2022, 2023
391				3.8.03	Các văn bằng, chứng chỉ của đội ngũ viên chức, người lao động sau khóa học
392				3.1.06	Các quyết định về việc cử cán bộ, giảng viên tham dự các lớp học tập, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023 (Trong và ngoài nước)

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
393			3.14.02		Thông báo kết luận của Ban giám hiệu tại hội nghị giao ban về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý
394			3.14.03		Ý kiến của cán bộ quản lý về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý
395	3	15		3.13.04	Danh sách cán bộ, nhà giáo, nhân viên toàn trường
396			3.15.01		Danh sách trích ngang viên chức, người lao động trong trường
397				1.5.06	Các báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị trong trường
398				1.6.04	Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường
399				3.14.01	Danh sách đội ngũ viên chức, người lao động được cử tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng
400				3.8.03	Các văn bằng, chứng chỉ của đội ngũ viên chức, người lao động sau khóa học
401				3.8.09	Báo cáo kết quả của các khóa học, bồi dưỡng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
402				3.1.06	Các quyết định cử đội ngũ viên chức, người lao động được cử tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm
403	4	1		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
404				2.1.01	Bảng thống kê các ngành đào tạo của trường
405				2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành
406	4	2		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
407			4.2.01		Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/tổ biên soạn để lựa chọn chương trình đào tạo
408			4.2.02		Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo
409				2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành
410			4.2.03		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo
411			4.2.04		Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
412	4	3		2.1.03	Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo năm 2021, 2022, 2023
413				2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành
414				2.6.04	Chương trình đào tạo từng ngành
415				4.2.02	Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo
416	4	4		4.2.01	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/tổ biên soạn để lựa chọn chương trình đào tạo
417				4.2.02	Các biên bản trong quá trình biên soạn/ lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo
418				4.2.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo
419			4.4.01		Danh sách CB quản lý, GV tham gia xây dựng chương trình đào tạo
420			4.4.02		Danh sách giảng viên, tham gia biên soạn chương trình đào tạo
421			4.4.03		Danh sách doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động tham gia góp ý kiến chương trình đào tạo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
422				2.5.09	Phiếu góp ý kiến của CBQL và GV về chương trình đào tạo
423				2.5.10	Phiếu góp ý kiến của doanh nghiệp về chương trình đào tạo
424			4.4.04		Kế hoạch về việc tổ chức hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo
425				2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành
426	4	5		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành
427				2.1.03	Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo năm 2021, 2022, 2023
428			4.5.01		Báo cáo lấy ý kiến của doanh nghiệp và người học tốt nghiệp đã đi làm về chương trình đào tạo
429				2.5.14	Biên bản Hội thảo hiệu chỉnh chương trình
430	4	6		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành
431			4.6.01		Danh sách các Trường đại học liên kết đào tạo với Trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
432			4.6.02		Hợp đồng liên kết đào tạo
433			4.6.03		Chương trình đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học của Trường đại học
434			4.6.04		Văn bản công nhận chương trình đào tạo của Trường do các Trường đại học công nhận
435			4.6.05		Thông báo tuyển sinh liên thông từ cao đẳng lên đại học
436			4.6.06		Danh sách sinh viên đã tốt nghiệp và đang theo học
437	4	7		2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành
438			4.7.01		Các Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo lần đầu
439				4.5.01	Báo cáo lấy ý kiến của doanh nghiệp và người học tốt nghiệp đã đi làm về chương trình đào tạo
440				4.2.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình
441				2.5.14	Biên bản Hội thảo hiệu chỉnh chương trình

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
442				4.2.02	Các biên bản trong quá trình biên soạn/ lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo
443				4.7.02	Các Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo đã được cập nhật và điều chỉnh
444	4	8		2.8.03	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
445				4.5.01	Báo cáo lấy ý kiến của doanh nghiệp và người học tốt nghiệp đã đi làm về chương trình đào tạo
446				4.7.01	Các Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo lần đầu
447				4.8.01	Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, biên soạn chương trình đào tạo các cấp trình độ
448				4.8.02	Phân công thành viên Hội đồng Khoa học và đào tạo họp rà soát, nghiệm thu chương trình đào tạo chương trình môn học của các đơn vị
449				4.8.03	Hướng dẫn các nội dung cần thực hiện về việc rà soát Chương trình môn học theo quy chế đào tạo
450				4.8.04	Các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
451			4.8.05		Danh mục và chương trình tiên tiến trên thế giới
452				4.2.02	Phiếu nhận xét của phản biện về CTĐT, Biên bản của hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các nghề
453	4	9	4.9.01		Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo liên thông kèm theo
454				2.16.02	Danh sách các chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ Cao đẳng
455				2.16.03	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng của Trường và Bộ chương trình đào tạo kèm theo
456				2.16.04	Quyết định về việc điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng của Trường
457			4.9.02		Kết quả rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học sinh viên được miễn giảm
458			4.9.03		Quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông
459	4	10		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
460				2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành
461			4.10.01		Quyết định ban hành Chương trình chi tiết môn học
462			4.10.02		Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng
463			4.10.03		Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo
464			4.10.04		Danh sách thống kê giáo trình nội bộ cho từng môn học – kèm theo bản in các giáo trình đào tạo
465			4.10.05		Bản in hoặc bản điện tử các giáo trình
466			4.10.06		Danh mục thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo – kèm theo bản in các giáo trình đào tạo
467	4	11	4.11.01		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu giáo trình đào tạo
468			4.11.02		Phiếu ghi ý kiến phản biện của các chuyên gia về giáo trình mô đun, môn học
469			4.11.03		Biên bản của Hội đồng nghiệm thu nhà Trường các giáo trình mô đun, môn học các nghề đào tạo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
470				4.10.02	Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng
471				4.10.04	Danh sách thống kê giáo trình nội bộ cho từng môn học – kèm theo bản in các giáo trình đào tạo
472			4.11.04		Quyết định điều chỉnh chương trình đào tạo
473			4.11.05		Danh mục giáo trình có chỉnh sửa bổ sung
474			4.11.06		Danh mục giáo trình lựa chọn lại
475	4	12		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
476				4.10.04	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô – đun, môn học của các chương trình đào tạo
477				2.1.02	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo cao đẳng các ngành
478				4.10.05	Bản in hoặc bản điện tử các giáo trình

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
479				2.5.09	Phiếu góp ý kiến của CBQL và GV về chương trình đào tạo, chương trình môn học và giáo trình đào tạo
480			4.12.01		Phiếu góp ý kiến của người học về chương trình, môn học và giáo trình giảng dạy
481	4	13		4.10.04	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo
482				4.10.05	Bản in hoặc bản điện tử các giáo trình
483				2.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng các ngành
484				4.12.01	Phiếu khảo sát ý kiến của người học về giáo trình
485			4.13.01		Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo về giáo trình
486	4	14		2.8.03	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
487			4.14.01		Các đường link khảo sát trực tuyến

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
488			4.14.02		Báo cáo/văn bản thể hiện ý kiến, kết quả thu thập và tổng hợp ý kiến nhà giáo, CBQL về giáo trình đào tạo
489	4	15		4.7.01	Các Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo lần đầu
490				4.7.02	Các Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo đã được cập nhật và điều chỉnh
491			4.15.01		Chương trình đào tạo đã cải tiến
492			4.15.02		Hồ sơ điều chỉnh chương trình đào tạo
493				4.10.05	Bản in hoặc bản điện tử các giáo trình
494			4.15.03		Danh sách chương trình đào tạo có sự thay đổi
495	5	1	5.1.01		Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
496			5.1.02		Hình ảnh trường chụp từ google map, kết quả thống kê khảo sát

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
497			5.1.03		Bản đồ xác định vị trí trường
498			5.1.04		Bản đồ khảo sát mặt bằng
499				1.3.01	Quyết định số 5945/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 27/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II
500			5.1.05		Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường
501			5.1.06		Bản vẽ thiết kế xây dựng trụ sở chính
502			5.1.07		Công văn của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận quy hoạch tổng thể mặt bằng Trường
503			5.1.08		Hóa đơn tiền nước
504			5.1.09		Hợp đồng cung cấp điện, hóa đơn tiền điện
505				1.1.02	Quyết định số 418/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2009 về việc đổi tên trường
506			5.1.10		Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở hạ tầng của Trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
507	5	2	5.2.01		Số liệu về diện tích cây xanh
508			5.2.02		Sơ đồ hệ thống giao thông nội bộ của trường
509			5.2.03		Hình ảnh khuôn viên nhà trường
510				5.1.05	Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường
511			5.2.04		Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về quy hoạch tổng thể
512	5	3		5.1.05	Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường
513			5.3.01		Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về khu học tập, thực hành, rèn luyện thể chất, phục vụ sinh hoạt
514	5	4		5.2.02	Sơ đồ hệ thống giao thông nội bộ của trường
515			5.4.01		Hồ sơ thiết kế bản vẽ hệ thống điện
516				5.1.09	Hợp đồng cung cấp điện, hóa đơn tiền điện

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
517			5.4.02		Quyết định ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy tại Trường
518			5.4.03		Thông kê dụng cụ phòng cháy chữa cháy
519			5.4.04		Quyết định thành lập Đội PCCC năm 2020, 2021, 2022
520			5.4.05		Hồ sơ thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy
521			5.4.06		Biên bản kiểm tra an toàn về Phòng cháy chữa cháy của Đội Cảnh sát PCCC năm 2020, 2021, 2022
522			5.4.07		Các quy định về chế độ duy tu định kỳ - bảo dưỡng thường xuyên
523			5.4.08		Hồ sơ bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo hệ thống điện
524			5.4.09		Hệ thống cấp nước chung cho khu học tập và sinh hoạt
525			5.4.10		Báo cáo tổng kết hàng năm của trường về PCCC năm 2020, 2021, 2022
526			5.4.11		Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hạ tầng kỹ thuật của Trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
527	5	5	5.5.01		Bảng thống kê diện tích sử dụng các phòng lý thuyết – thực hành - giảng đường phục vụ đào tạo
528			5.5.02		Bộ hồ sơ hoàn công
529			5.5.03		Sổ theo dõi tài sản ở các đơn vị
530			5.5.04		Hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo hành thiết bị của nhà sản xuất
531			5.5.05		Ý kiến của nhà giáo về phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành đảm bảo tiêu chuẩn
532	5	6	5.6.01		Danh mục thiết bị đào tạo của nhà trường hàng năm
533			5.6.02		Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng tài sản nhà nước
534			5.6.03		Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa năm 2020, 2021, 2022
535			5.6.04		Biên bản thực hiện duy tu định kỳ và sổ bảo dưỡng thường xuyên
536	5	7		5.5.03	Sổ theo dõi tài sản ở các đơn vị

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
537				5.6.02	Quy định của trường về quản lý, sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành
538				5.7.01	Ý kiến của nhà giáo về phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành được sử dụng theo quy định hiện hành
539	5	8		5.8.01	Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị
540				5.6.01	Danh mục thiết bị đào tạo của nhà trường hàng năm
541				5.8.02	Bản kiểm kê danh mục thiết bị tài sản tại các phòng, khoa, xưởng thực hành năm 2020, 2021, 2022
542				5.8.03	Thống kê số lượng người học lý thuyết và thực hành của các mô – đun/môn học của trường hàng năm
543				5.8.04	Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành
544				5.8.05	Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
545				2.5.02	Thời khóa biểu từng học kỳ, năm học
546			5.8.06		Kế hoạch lên lớp hoặc thời khóa biểu trong đó có thể hiện việc bố trí xưởng, phòng học theo thời khóa biểu của trường
547			5.8.07		Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về thiết bị đào tạo nhà trường
548	5	9	5.9.01		Nội quy xưởng thực hành
549			5.9.02		Sơ đồ bố trí xưởng
550			5.9.03		Hình ảnh các xưởng thực hành
551			5.9.04		Kết quả kiểm tra của cơ quan y tế có thẩm quyền về y tế trường học
552				5.6.02	Nội qui, qui định về quản lý sử dụng cơ sở vật chất của trường
553				5.8.07	Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về thiết bị đào tạo nhà trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
554	5	10		5.6.03	Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa hàng năm
555				5.6.02	Văn bản của trường quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo
556			5.10.01		Quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo
557	5	11	5.11.01		Hồ sơ duy tu - bảo dưỡng tài sản, trang thiết bị
558				5.6.01	Danh mục thiết bị đào tạo của nhà trường hàng năm
559			5.11.02		Kế hoạch kiểm kê tài sản năm 2021, 2022, 2023
560				5.6.03	Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa hàng năm
561	5	12	5.12.01		Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo
562				1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
563			5.12.02		Danh sách nhân viên phòng QTTB

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
564			5.12.03		Báo cáo tổng hợp nhập, xuất vật tư, hàng hoá và hàng hóa tồn kho
565			5.12.04		Sổ theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo
566			5.12.05		Sơ đồ bố trí kho lưu trữ vật tư phục vụ đào tạo
567			5.12.06		Hình ảnh kho chung của trường
568			5.12.07		Đề nghị cung cấp vật tư thực hành của các đơn vị
569			5.12.08		Kế hoạch mua phụ liệu thực hành phòng QTTB
570				2.8.06	Tập Sổ lên lớp các lớp các ngành đang đào tạo
571			5.12.09		Ý kiến của nhà giáo, người học về bảo quản, sử dụng vật tư.
572	5	13	5.13.01		Quyết định đổi tên Phòng Thông tin thư viện thành Thư viện
573			5.13.02		Nội quy thư viện

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
574			5.13.03		Sơ đồ tổ chức thư viện
575			5.13.04		Hợp đồng bảo trì bảo hành phần mềm quản lý thư viện
576			5.13.05		Danh mục giáo trình đã được phê duyệt Trình độ Trung cấp và Cao đẳng (có đủ và mỗi loại giáo trình có 5 bản in)
577			5.13.06		Thống kê số lượng, chủng loại, tài liệu, sách chuyên ngành, sách điện tử, báo, tạp chí chuyên ngành phù hợp với ngành đào tạo
578			5.13.07		Danh mục loại đầu sách, tài liệu giảng dạy, báo tạp chí chuyên ngành
579			5.13.08		Danh mục giáo trình tham khảo chính
580			5.13.09		Thông báo bổ sung tài liệu và hợp đồng mua sắm
581			5.13.10		Danh mục giới thiệu sách mới
582			5.13.11		Biên bản ghi nhớ hợp tác liên kết thư viện

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
583			5.13.12		Tờ trình về việc đặt báo, tạp chí chuyên ngành năm 2021, 2022, 2023, 2024
584			5.13.13		Tờ trình đặt mua sách và hợp đồng mua sách
585			5.13.14		Bài viết chia sẻ nguồn tài nguyên số chuyên ngành trên website và fanpage
586			5.13.15		Trang thư viện số
587			5.13.16		Danh mục giáo trình nội bộ
588	5	14	5.14.01		Văn bản quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa thư viện
589			5.14.02		Danh sách nhân sự và trình độ đội ngũ nhân sự Thư viện
590			5.14.03		Hợp đồng wifi
591			5.14.04		Hợp đồng mua bàn ghế đá
592			5.14.05		Bộ quy trình phục vụ trong thư viện

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
593			5.14.06		Sổ mượn trả sách, tài liệu, giáo trình của giảng viên và sinh viên năm 2021, 2022, 2023
594			5.14.07		Thống kê mượn sách hằng năm
595			5.14.08		Thống kê đặt phòng đa phương tiện
596			5.14.09		Thống kê dịch vụ phát hành giáo trình nội bộ
597			5.14.10		Kế hoạch công tác hoạt động thư viện năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
598			5.14.11		Ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện
599	5	15	5.15.01		Danh mục trang thiết bị máy móc thư viện hàng năm
600			5.15.02		Hồ sơ mạng LAN, Internet
601			5.15.03		Danh mục giáo trình của trường được số hóa

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
602			5.15.04		Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa
603			5.15.05		Văn bản thể hiện việc phục vụ cho hoạt động đào tạo của thư viện
604			5.15.06		Ý kiến của nhà giáo và người học về thư viện điện tử của nhà trường
605			5.15.07		Website thư viện số HITC
606			5.15.08		Danh mục giáo trình nội bộ, công trình nghiên cứu khoa học, nội san nhà trường
607	6	1	6.1.01		Quyết định thành lập Hội đồng khoa học
608			6.1.02		Thông báo triển khai thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học năm 2021, 2022, 2023
609				1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
610			6.1.03		Bảng tổng hợp khối lượng thực hiện nghiên cứu khoa học các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
611			6.1.04		Ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức về chính sách và thực hiện chính sách nghiên cứu khoa học

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
612	6	2	6.2.01		Danh sách đăng ký đề tài NCKH
613			6.2.02		Bộ hồ sơ thuyết minh đề tài NCKH
614			6.2.03		Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo
615			6.2.04		Giấy chứng nhận, thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm
616	6	3	6.3.01		Danh sách các bài báo khoa học được đăng năm 2021, 2022, 2023
617	6	4	6.4.01		Quyết định công nhận hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2021, 2022, 2023
618			6.4.02		Danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường năm 2021, 2022, 2023
619				6.2.03	Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
620				6.2.04	Giấy chứng nhận, thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm
621	6	5	6.5.01		Kế hoạch tiếp đón và làm việc với các tổ chức và trường nước ngoài
622			6.5.02		Dự án “ Phát triển năng lực nhà giáo Việt Nam hướng đến giáo dục 4.0
623			6.5.03		Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam, hợp tác giữa Việt Nam và Đan Mạch giai đoạn 2
624			6.5.04		Các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản ghi nhớ, hình ảnh, tài liệu...thể hiện việc liên kết đào tạo, triển khai hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế
625			6.5.05		Văn bản thể hiện kết quả liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế.
626	7	1		1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
627			7.1.01		Bảng đối chiếu kinh phí kho bạc năm 2021, 2022, 2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
628			7.1.02		Quy trình tạm ứng – thanh toán trong nội bộ Trường ban hành theo QĐ số 946/QĐ-CDCT ngày 17/12/2019
629			7.1.03		Công khai tài chính ở bảng tin nội bộ năm 2021, 2022, 2023
630				1.4.04	Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
631				1.3.11	Tổng hợp các ý kiến đóng góp cho quy chế dân chủ và quy chế chi tiêu nội bộ tại các đơn vị hàng năm
632			7.1.04		Báo cáo công khai ngân sách năm 2021, 2022, 2023
633			7.1.05		Thông báo công khai dự toán thu – chi hàng năm 2021, 2022, 2023
634			7.1.06		Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021, 2022, 2023
635			7.1.07		Bảng dự toán và thuyết minh dự toán kinh phí năm 2021, 2022, 2023
636			7.1.08		Báo cáo tổng hợp các nguồn thu năm 2021, 2022, 2023
637	7	2	7.2.01		Danh mục nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, sản xuất, kinh doanh năm 2021, 2022, 2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
638			7.2.02		Báo cáo kết quả thu, chi từ nguồn NSNN cấp và nguồn thu của Trường 2021, 2022, 2023
639			7.2.03		Hệ thống sổ sách kế toán năm 2021, 2022, 2023
640			7.2.04		Các hợp đồng liên kết đào tạo; khai thác căn tin; khai thác bãi giữ xe 2 bánh hàng năm
641				1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm
642				7.1.06	Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021, 2022, 2023
643				1.12.02	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023
644	7	3		7.1.07	Dự toán thu chi ngân sách nhà nước và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước năm 2021, 2022, 2023
645			7.3.01		Quyết định giao dự toán NSNN năm 2021, 2022, 2023
646			7.3.02		Quyết định về việc quy định mức thu học phí năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 – 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
647			7.3.03		Các thông báo của Trường về mức thu học phí năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 – 2024
648				1.12.02	Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023
649				7.2.03	Hệ thống sổ sách kế toán năm 2021, 2022, 2023
650				7.2.04	Các hợp đồng liên kết đào tạo; khai thác căn tin; khai thác bãi giữ xe 2 bánh hàng năm
651				1.12.02	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023
652				7.1.06	Biên bản xét duyệt quyết toán, thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021, 2022, 2023
653	7	4		1.12.02	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023
654				7.1.02	Quy trình tạm ứng – thanh toán trong nội bộ Trường ban hành theo QĐ số 946/QĐ-CDCT ngày 17/12/2019
655				7.1.06	Biên bản xét duyệt quyết toán, thông báo xét duyệt quyết toán hàng năm
656				1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
657				7.2.03	Hệ thống sổ sách kế toán hàng năm
658				1.12.02	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023
659	7	5		7.5.01	Xây dựng Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính nội bộ năm 2021, 2022, 2023
660				7.5.02	Báo cáo của ban thanh tra nhân dân về việc kiểm tra công tác tài chính của trường năm 2021, 2022, 2023
661				7.5.03	Biên bản tự kiểm tra tài chính năm 2021, 2022, 2023
662				7.5.04	Báo cáo kiểm kê, biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2021, 2022, 2023
663				1.12.02	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023
664				7.5.05	Biên bản khắc phục theo yêu cầu của kiểm toán nhà nước năm 2021, 2022, 2023
665				1.4.04	Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
666				1.3.11	Tổng hợp các ý kiến đóng góp cho quy chế dân chủ và quy chế chi tiêu nội bộ tại các đơn vị hàng năm
667			7.5.06		Báo cáo kết quả tự kiểm tra tài chính kế toán đối với trường năm 2021, 2022, 2023
668				7.1.03	Công khai tài chính ở bảng tin nội bộ hàng năm
669	7	6		7.2.03	Hệ thống sổ sách kế toán năm 2021, 2022, 2023
670				1.12.02	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023
671			7.6.01		Bảng đối chiếu tình hình sử dụng ngân sách, Các quyết định điều chỉnh, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, 2022, 2023 và được thể hiện trên thuyết minh báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hàng năm
672				1.12.02	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023
673				7.1.06	Biên bản xét duyệt quyết toán, thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021, 2022, 2023
674			7.6.02		Báo cáo kết quả thu-chi từ nguồn NSNN cấp và nguồn thu của Trường năm 2021, 2022, 2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
675			7.6.03		Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2021, 2022, 2023
676			7.6.04		Báo cáo thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2016-2021, năm 2022, năm 2023
677				1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ 2021, 2022, 2023, 2024
678	8	1	8.1.01		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu năm năm 2021, 2022, 2023
679				2.12.01	Quy chế công tác người học
680			8.1.02		Hình ảnh các vị trí đặt nội quy của Trường
681			8.1.03		Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp
682			8.1.04		Ý kiến của người học, nhà giáo về việc cung cấp thông tin khi nhập học và trong quá trình học
683	8	2	8.2.01		Quyết định thành lập hội đồng miễn, giảm học phí năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
684			8.2.02		Danh sách những người học thuộc đối tượng ưu tiên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
685			8.2.03		Danh sách học sinh được miễn, giảm học phí năm học 2020 -2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023
686			8.2.04		Thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác mà trường đã và đang áp dụng
687			8.2.05		Danh sách những người học thuộc đối tượng ưu tiên được hỗ trợ
688				1.6.04	Báo cáo hằng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường
689	8	3	8.3.01		Quy định hướng dẫn khen thưởng sinh viên
690			8.3.02		Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
691			8.3.03		Quyết định khen thưởng sinh viên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
692			8.3.04		Danh sách HSSV nhận học bổng năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
693			8.3.05		Thông kê các chính sách hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng chính sách năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
694			8.3.06		Quyết định ban hành bảo lưu kết quả học tập
695			8.3.07		Quy định bảo lưu kết quả học tập
696			8.3.08		Danh sách sinh viên thuộc đối tượng chính sách năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
697				1.6.04	Báo cáo hằng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường
698			8.3.09		Ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm về chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng
699	8	4		2.2.04	Kế hoạch tuyển sinh hàng năm
700			8.4.01		Kế hoạch của Phòng Công tác HSSV năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
701			8.4.02		Nội qui trường lớp, nội quy Ký túc xá, nội quy phòng thực hành công nghệ thực phẩm, điện tử (chụp hình)...

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
702				8.3.02	Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập hàng năm
703				8.3.03	Quyết định khen thưởng sinh viên hàng năm
704				8.3.04	Danh sách HSSV nhận học bổng hàng năm
705				8.3.08	Danh sách người học thuộc đối tượng chính sách hằng năm
706			8.4.03		Ý kiến của người học về sự tôn trọng và đối xử bình đẳng
707	8	5	8.5.01		Thông tin về ký túc xá: diện tích, chỗ ở, điện, nước, vệ sinh
708			8.5.02		Sơ đồ mạng hệ thống KTX
709			8.5.03		Hình ảnh ký túc xá của Trường
710				5.4.07	Các quy định về chế độ duy tu định kỳ - bảo dưỡng thường xuyên
711				5.4.06	Biên bản kiểm tra an toàn về Phòng cháy chữa cháy của Đội Cảnh sát PCCC hàng năm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
712				5.4.10	Báo cáo tổng kết hằng năm của trường về PCCC
713			8.5.04		Ý kiến của người học về khu nhà ở Ký túc xá
714	8	6	8.6.01		Hồ sơ chứng nhận cán bộ y tế đã qua đào tạo
715			8.6.02		Hợp đồng với Trạm y tế Phường
716			8.6.03		Hình ảnh khu y tế của Trường
717			8.6.04		Nội quy bộ phận y tế
718			8.6.05		Danh mục thiết bị y tế
719			8.6.06		Báo cáo hàng năm của trạm y tế năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
720			8.6.07		Hợp đồng khám sức khỏe cho người học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
721			8.6.08		Sổ theo dõi cấp phát thuốc năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
722			8.6.09		Báo cáo về công tác Y tế Nhà trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
723			8.6.10		Hồ sơ thiết kế nhà ăn
724			8.6.11		Hợp đồng nhà ăn phục vụ học sinh, sinh viên
725			8.6.12		Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm hàng năm
726			8.6.13		Báo cáo đánh giá công tác phục vụ của nhà ăn
727			8.6.14		Thông báo kết luận của BGH tại Hội nghị giao ban về bộ phận y tế, căn tin của nhà trường năm 2021, 2022, 2023
728			8.6.15		Ý kiến của người học, nhà giáo có liên quan dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường
729				1.4.04	Biên bản Hội nghị cán bộ cán bộ, viên chức năm 2021, 2022, 2023
730	8	7	8.7.01		Thống kê diện tích sân thể dục thể thao

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
731			8.7.02		Kế hoạch tổ chức hội diễn văn nghệ, TDTT, CTXH của đoàn trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
732			8.7.03		Kế hoạch tổ chức chiến dịch Tình nguyện hè, Kế hoạch Hiến máu nhân đạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
733			8.7.04		Báo cáo công tác bảo vệ năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
734				5.4.10	Báo cáo tổng kết hàng năm của trường về PCCC
735			8.7.05		Kế hoạch; các buổi tập huấn; bảng phân công của tổ bảo vệ
736			8.7.06		Ý kiến của người học đã đi làm về các hoạt động đoàn thể của nhà trường hàng năm
737	8	8	8.8.01		Thông báo tuyển dụng lao động đi làm việc tại Nhật Bản năm 2021, 2022, 2023
738			8.8.02		Công văn doanh nghiệp tuyển dụng năm 2021, 2022, 2023
739			8.8.03		Ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm về tư vấn việc làm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
740	8	9	8.9.01		Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
741			8.9.02		Báo cáo kết quả tổ chức hội chợ việc làm năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
742			8.9.03		Một số hình ảnh ngày hội việc làm 2020, 2021, 2022, 2023
743			8.9.04		Ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm, cán bộ có liên quan tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm
744	9	1		2.8.03	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
745			9.1.01		Danh sách các doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
746			9.1.02		Đường link khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
747			9.1.03		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
748				1.6.04	Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 (Các văn bản thể hiện việc điều chỉnh cải tiến của Nhà trường về chất lượng sinh viên tốt nghiệp)
749	9	2		2.8.03	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
750			9.2.01		Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến về các chính sách năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
751			9.2.02		Các đường link khảo sát của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
752			9.2.03		Tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý
753			9.2.04		Thông báo, hướng dẫn về việc góp ý văn kiện Hội nghị CBCC năm 2020, 2021, 2022
754			9.2.05		Biên bản và bảng tổng hợp góp ý các quy định trong Văn kiện cán bộ công chức các đơn vị năm 2021, 2022, 2023
755			9.2.06		Bảng tổng hợp góp ý các quy định của nhà trường năm 2021, 2022, 2023
756				1.4.04	Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm
757	9	3		2.8.03	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
758			9.3.01		Danh sách người học được thu thập ý kiến năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 (sử dụng phần mềm)
759				3.5.04	Danh sách người học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 (sử dụng phần mềm)

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
760			9.3.02		Các đường link khảo sát trực tuyến về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường
761			9.3.03		Điều chỉnh mẫu phiếu khảo sát về hoạt động tổ chức và quá trình đào tạo của nhà trường hàng năm
762	9	4		1.7.12	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022, 2023, 2024
763			9.4.01		Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá năm 2022, 2023, 2024
764			9.4.02		Quyết định về việc thành lập Ban thu thập minh chứng Tự đánh giá năm 2024
765			9.4.03		Quyết định thành lập Ban soạn thảo Báo cáo tự đánh giá năm 2024
766			9.4.04		Thông báo về việc rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh Báo cáo tự đánh giá trường
767			9.4.05		Thông báo công khai và lấy ý kiến của CB- GV- NV toàn trường về Báo cáo Tự đánh giá

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
768			9.4.06		Kế hoạch cải tiến chất lượng đề ra trong Báo cáo Tự đánh giá của trường
769				1.7.13	Báo cáo tự đánh giá của trường (Ảnh chụp website Trường) năm 2021, 2022, 2023, 2024
770	9	5	9.5.01		Kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống công cụ ĐBCL năm 2022, 2023, 2024
771				1.7.12	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024
772				1.6.04	Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
773				1.5.06	Báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị trong nhà trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
774	9	6		2.14.10	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
775				2.8.03	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học hàng năm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
776			9.6.01		Các đường link khảo sát về SV tốt nghiệp nhà trường để thu thập thông tin về việc làm năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
777			9.6.02		Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024